

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TÀI LIỆU DẠY HỌC
MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Kèm theo Công văn số 147/TCGDNN-ĐTCQ ngày 22 tháng 01 năm 2020
của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

MỤC LỤC

BÀI 1: NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH	3
1. Vị trí, tính chất, mục tiêu.....	3
2. Các nội dung chính.....	3
3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học.....	3
4. Điều kiện thực hiện môn học	8
5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập.....	9
BÀI 2: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM	10
1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.....	10
2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam.....	11
3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ.....	13
4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay	15
BÀI 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN	19
1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.....	19
2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên	25
BÀI 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA	30
1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	30
2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia	33
3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia	36
BÀI 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	39
1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc.....	39
2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo	42

3. Quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.....	46
BÀI 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI.....	51
1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm	51
2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội.....	57
BÀI 7: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ.....	62
1. Đội hình tiểu đội.....	62
2. Đội hình trung đội	67
BÀI 8: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH	79
A. GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH.....	79
1. Súng trường CKC cỡ 7,62 mm	79
2. Súng tiểu liên AK.....	89
B. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH.....	99
1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh.....	99
2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC.....	110
BÀI 9: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYÊN THƯƠNG	124
1. Cầm máu tạm thời	124
3. Hô hấp nhân tạo.....	139
4. Kỹ thuật chuyên thương	143

BÀI 1: NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Vị trí, tính chất, mục tiêu

1.1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

1.2. Tính chất

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp giúp người học có những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Mục tiêu

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trang bị cho học sinh những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

2. Các nội dung chính

Giáo trình bao gồm 9 bài:

Bài 1: Nhập môn giáo dục quốc phòng và an ninh;

Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên;

Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo;

Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

Bài 7: Đội ngũ đơn vị;

Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương.

3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

3.1. Phong cách quân nhân và xưng hô

3.1.1. Phong cách quân nhân

- Trong quan hệ quân nhân, mọi quân nhân phải giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng và nghiêm chỉnh tuân theo những yêu cầu của sinh hoạt xã hội. Trong quan hệ với nhân dân, quân nhân phải kính trọng người già, yêu mến trẻ em, tôn trọng phụ nữ;

- Quân nhân phải là người có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần đoàn kết, tương trợ và có nếp sống văn minh, lành mạnh; thái độ hoà nhã, khiêm tốn; biết tự chủ và tự trọng trong lời nói cũng như trong hành động;

- Cấm quân nhân uống rượu, bia trong khi thực hiện nhiệm vụ; uống say rượu, bia ở mọi lúc, mọi nơi; hút thuốc lá nơi công cộng; mua, bán, tàng trữ và sử dụng các chất kích thích, chất gây nghiện dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Xưng hô

- Quân nhân gọi nhau bằng “Đồng chí” và xưng “Tôi” sau tiếng “Đồng chí” có thể gọi tiếp cấp bậc, chức vụ, họ tên người mà mình định tiếp xúc. Đối với cấp trên có thể gọi là “Thủ trưởng”;

- Nghe gọi đến tên, quân nhân phải trả lời “Có”. Khi nhận lệnh hoặc trao đổi công việc xong quân nhân phải nói “Rõ”;

- Trong lúc nghỉ ngơi, quân nhân có thể xưng hô với nhau theo tập quán thông thường.

3.1.3. Báo cáo cấp trên

- Khi trực tiếp báo cáo với cấp trên, quân nhân phải chào và tự giới thiệu đầy đủ họ, tên, chức vụ, đơn vị của mình trên một cấp và báo cáo theo chức vụ của cấp trên khi không biết chức vụ, thì báo cáo theo cấp bậc, báo cáo xong nội dung phải nói "Hết";

- Khi báo cáo qua các phương tiện thông tin, quân nhân phải giới thiệu đủ họ, tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của mình. Nghiêm cấm mạo danh, giả mạo cấp bậc, chức vụ, đơn vị.

3.2. Đến gặp cấp trên và chào hỏi của quân nhân

3.2.1. Đến gặp cấp trên

- Quân nhân đến gặp cấp trên phải chào, báo cáo xin phép gặp, khi được phép của cấp trên mới được gặp. Trước khi ra về phải chào cấp trên;

- Khi quân nhân cấp dưới đề nghị gặp, cấp trên phải thu xếp thời gian để sớm gặp quân nhân đó. Nếu chưa gặp được phải báo cho quân nhân đó rõ lý do hoặc hẹn gặp vào thời gian khác, do mình quy định.

3.2.2. Chào hỏi

- Quân nhân phải chào khi gặp nhau. Cấp dưới phải chào cấp trên trước, người được chào phải chào đáp lễ;

- Quân nhân chào bằng động tác trong các trường hợp sau: kể cả đội mũ hoặc không đội mũ

+ Quân nhân gặp nhau hoặc khi tiếp xúc với người ngoài quân đội và người nước ngoài; gặp quân kỳ trong đội ngũ; dự lễ lúc chào Quốc kỳ; mặc niệm; báo cáo, nhận lệnh trước cấp trên và khi rời khỏi cấp trên; gặp các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền; nhận phần thưởng; trước khi bắt tay đáp lễ cấp trên; gặp linh cữu có đơn vị quân đội đi đưa;

+ Khi được giới thiệu, trước và sau khi phát biểu lần đầu trên bục phát biểu trong hội nghị, khi giới thiệu chương trình và khi tham gia hoạt động văn hoá văn nghệ.

- Các cơ quan, đơn vị phải tổ chức chào đón khách đến thăm và dự lễ tại cơ quan, đơn vị theo nghi thức quân đội trong các trường hợp sau:

Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy quân đội; khách nước ngoài đến thăm chính thức đơn vị do bộ quốc phòng chỉ thị tổ chức đón.

- Chỉ huy cơ quan, đơn vị thực hiện chào cấp trên đến đơn vị thuộc quyền như sau:

+ Đơn vị đang học tập, công tác, sinh hoạt tập trung thì người chỉ huy, người phụ trách hoặc giáo viên hô “Đứng dậy” (nếu đang ngồi) và hô “Nghiêm” rồi ra chào báo cáo;

+ Trường hợp đơn vị đã chào cấp trên, nhưng sau đó lại có cấp trên khác đến;

+ Trường hợp có cả Phó Tổng tham mưu trưởng và Phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị cùng đến cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ hoặc cơ quan, đơn vị cấp dưới (trừ Bộ Tổng tham mưu và Tổng cục Chính trị) thì người chỉ huy, chính uỷ (chính trị viên) hoặc ban tổ chức hội nghị, nghi lễ phải chào báo cáo đồng chí là trưởng đoàn, nếu không có trưởng đoàn thì báo cáo Phó Tổng tham mưu trưởng;

+ Trường hợp có cả người chỉ huy, chính uỷ (chính trị viên) cấp trên cùng đến cơ quan, đơn vị cấp dưới thuộc quyền thì người chỉ huy hoặc chính uỷ (chính trị viên) hoặc ban tổ chức hội nghị, nghi lễ chào báo cáo người chỉ huy;

+ Trường hợp có cả Tham mưu trưởng (phó tham mưu trưởng), chủ nhiệm chính trị (phó chủ nhiệm chính trị) các cấp khi đến cơ quan cùng cấp (trừ cơ quan tham mưu và cơ quan chính trị) hoặc cơ quan, đơn vị cấp dưới thuộc quyền thì người chỉ huy, chính uỷ (chính trị viên) hoặc ban tổ chức hội nghị, nghi lễ phải

chào báo cáo đồng chí là trưởng đoàn, nếu không có trưởng đoàn thì chào báo cáo tham mưu trưởng (phó tham mưu trưởng).

3.3. Qui định về mang mặc trang phục

3.3.1. Trang phục quân đội

- Quân phục dự lễ; quân phục thường dùng; quân phục dã chiến; quân phục nghiệp vụ; trang phục công tác; mang mặc trang phục;

- Quân nhân phải mang mặc trang phục theo đúng quy định của Bộ Quốc phòng. Các loại trang phục dùng cho công tác chuyên môn nghiệp vụ chỉ được mặc trong khi làm nhiệm vụ. Nữ quân nhân được mặc thường phục khi có thai.

3.3.2. Mang mặc trang phục theo từng mùa

- Quân nhân mặc quân phục từng mùa, theo qui định thời gian làm việc mùa nóng và mùa lạnh. Căn cứ vào thời tiết và sức khỏe, quân nhân được mặc quân phục cả hai mùa trong thời gian trước và sau 15 ngày so với thời gian làm việc quy định cho từng mùa. Khi sinh hoạt tập trung phải mặc quân phục thống nhất;

- Các đơn vị đóng quân từ Đèo Hải Vân trở vào phía Nam, căn cứ vào thời tiết cụ thể từng nơi để mặc quân phục cho phù hợp, do người chỉ huy từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên quy định thống nhất trong đơn vị thuộc quyền.

3.3.3. Các loại huân, huy chương, biển tên được mang trên quân phục

- Huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, biển tên, biểu tượng quân, binh chủng;

- Các loại băng, biển, phù hiệu công tác.

3.4. Biện pháp quản lý bộ đội thực hiện lễ tiết tác phong quân nhân

3.4.1. Phải thường xuyên giáo dục cho mọi quân nhân nắm chắc và hiểu đúng về tầm quan trọng của việc thực hiện lễ tiết tác phong quân nhân

- Người chỉ huy phải thường xuyên giáo dục cho bộ đội hiểu được vị trí, ý nghĩa, nắm được nội dung quy định về lễ tiết tác phong quân nhân, để mọi người hiểu đúng, hiểu sâu sắc, làm cơ sở cho việc tự giác chấp hành;

- Giáo dục là một biện pháp cơ bản của công tác quản lý bộ đội được đặt lên hàng đầu; đồng thời đây cũng là biện pháp xuyên suốt cả quá trình của công tác quản lý bộ đội ở phân đội;

- Quản lý giáo dục, huấn luyện phải được tiến hành thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức, thống nhất về hành động trong đơn vị mình quản lý;

- Hình thức giáo dục rất phong phú đa dạng như: lên lớp, thảo luận, diễn đàn, hướng dẫn hành động, thông qua sinh hoạt, học tập, công tác, điềm danh...;

- Chỉ khi được giáo dục tốt, mọi người nhận thức đúng biến thành hành động tự giác, thì khi đó hiệu quả giáo dục mới cao kết quả thực hiện mới có chất lượng tốt.

3.4.2. Thường xuyên duy trì đơn vị thực hiện tốt chế độ quy định về lễ tiết tác phong quân nhân. Phát huy vai trò và hiệu lực của các tổ chức trong và ngoài đơn vị để thực hiện công tác quản lý

- Duy trì đơn vị thực hiện tốt chế độ quy định là thuộc chức trách, nhiệm vụ của người chỉ huy;

- Trong công tác quản lý, biết gắn thực hiện chức trách, mối quan hệ quân nhân và lễ tiết tác phong quân nhân với từng cương vị cụ thể trong đơn vị. Tổ chức thực hiện chặt chẽ, kiên quyết, thực hiện sai đâu sửa đấy, sửa cho đến khi thực hiện đúng. Vận dụng trong mọi lúc, mọi nơi, duy trì đúng chế độ trong ngày, trong tuần và trong thực hiện các chế độ quy định;

- Phát huy hiệu lực của các tổ chức trong đơn vị: Tổ chức chỉ huy, tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội đồng quân nhân, Công đoàn, phụ nữ...và các tổ chức ngoài xã hội, gia đình để quản lý, thông qua các tổ chức trong và ngoài đơn vị để nắm kết quả thực hiện, kịp thời đôn đốc, nhắc nhở mọi quân nhân thực hiện lễ tiết tác phong quân nhân nhằm nâng cao hiệu lực quản lý.

3.4.3. Đề cao vai trò trách nhiệm, có phương pháp tác phong công tác khoa học, gương mẫu, có tinh thần đoàn kết trong công tác quản lý bộ đội thực hiện các quy định về lễ tiết tác phong quân nhân

- Người chỉ huy phân đội phải luôn đề cao tinh thần trách nhiệm trước đơn vị, luôn lấy việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị gắn với trách nhiệm của bản thân mình;

- Luôn có phương pháp tác phong công tác khoa học, khẩn trương, gương mẫu, mô phạm trước đơn vị, việc thực hiện đúng chức trách mối quan hệ quân nhân và lễ tiết tác phong quân nhân của người chỉ huy chính là mệnh lệnh không lời, có sức thuyết phục cao nhất đối với đơn vị;

- Trong công tác quản lý, bản thân người chỉ huy phải thực sự tôn trọng cấp trên, thương yêu, đoàn kết, giúp đỡ cấp dưới, giải quyết tốt mối quan hệ công tác của mình, phát huy dân chủ trong đơn vị, là tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

3.4.4. Thường xuyên kiểm tra, nhận xét đánh giá kết quả thực hiện, chức trách, mối quan hệ quân nhân và lễ tiết tác phong quân nhân chính xác, khách quan, khen thưởng, xử phạt nghiêm minh

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện là nhiệm vụ thường xuyên của người chỉ huy phân đội, vì vậy yêu cầu người chỉ huy phân đội phải bám sát đơn vị, kiểm tra thường xuyên, có nhận xét đúng, có biện pháp khắc phục kịp thời;

- Quá trình kiểm tra phải đánh giá khách quan, chính xác, chỉ rõ những mạnh, yếu, những sai phạm, nhất là sai phạm về thực hiện chức trách, sai phạm về mối quan hệ quân dân, sai phạm về phong cách quân nhân vì những sai phạm đó sẽ có ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị và hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ”;

- Thông qua công tác kiểm tra, rút kinh nghiệm kịp thời, thực hiện biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể chấp hành và thực hiện tốt, đồng thời phê bình, nhắc nhở, chấn chỉnh và xử phạt cá nhân, đơn vị thực hiện chưa tốt.

4. Điều kiện thực hiện môn học

4.1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

4.2. Trang thiết bị

4.2.1. Tài liệu

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

4.2.2. Tranh, phim ảnh

Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an; cấu tạo, sử dụng súng tiểu liên AK, súng trường CKC; kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương; các tư thế động tác bắn súng AK, CKC; phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

4.2.3. Mô hình vũ khí

Mô hình súng AK-47, CKC cắt bỏ; mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

4.2.4. Máy bắn tập

Máy bắn MBT-03; thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12; thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

4.2.5. Thiết bị khác

Bao đạn; bộ bia (khung + mặt bia số 4); giá đặt bia đa năng; kính kiểm tra đường ngắm; đồng tiền di động; mô hình đường đạn trong không khí; hộp dụng cụ huấn luyện; thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả; dụng cụ cấp cứu và chuyển thương; giá súng và bàn thao tác; tủ đựng súng và thiết bị.

4.2.6. Trang phục

- Trang phục người dạy:

Trang phục mùa hè; trang phục dã chiến; mũ kêpi; mũ cứng; mũ mềm; thắt lưng; giày da; tất sợi; sao mũ kêpi; sao mũ cứng; sao mũ mềm; nền cấp hiệu; nền phù hiệu; biển tên; ca vát môn học giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Trang phục người học:

Trang phục hè; mũ cứng; mũ mềm; giày vải; tất sợi; sao mũ cứng; thắt lưng; sao mũ mềm môn học giáo dục quốc phòng và an ninh.

4.3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được quy định theo Thông tư Số: 10/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

Kết quả đánh giá môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

BÀI 2: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.

1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

1.1.1. Khái niệm

"Diễn biến hoà bình" là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước “tiến bộ”, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong bằng biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.

1.1.2. Nội dung chính

Chiến lược "Diễn biến hoà bình" là kẻ thù sử dụng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội, đối ngoại, quốc phòng và an ninh..., để phá hoại, làm suy yếu từ bên trong các nước xã hội chủ nghĩa.

- Kích động các mâu thuẫn trong xã hội, tạo ra các lực lượng chính trị đối lập núp dưới chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, sắc tộc, khuyến khích tư nhân hoá về kinh tế và đa nguyên về chính trị, làm mờ hồ giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nhân dân lao động;

- Đặc biệt, chúng coi trọng kích lệ lối sống tư sản và từng bước làm phai nhạt mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa ở một bộ phận học sinh, sinh viên. Triệt để khai thác và lợi dụng những khó khăn, sai sót của Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nên sức ép, từng bước chuyển hoá và thay đổi đường lối chính trị, chế độ xã hội theo quỹ đạo chủ nghĩa tư bản.

1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

Bạo loạn lật đổ: Là hành động chống phá bằng bạo lực có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng li khai, đối lập trong nước hoặc cấu kết với nước ngoài tiến hành gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương.

- Về hình thức của bạo loạn, gồm có bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang hoặc bạo loạn chính trị kết hợp với vũ trang.

Trên thực tiễn, bạo loạn lật đổ là một thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động gắn liền với chiến lược "Diễn biến hoà bình" để xoá bỏ chủ nghĩa xã hội. Khi tiến hành bạo loạn lật đổ, các thế lực thù địch thường kích động những phần tử quá khích, làm mất ổn định trật tự an toàn xã hội ở một số khu vực và trong một thời gian nhất định (thường chỉ diễn ra trong không gian hẹp và thời gian ngắn) tiến tới lật đổ chính quyền ở địa phương hoặc nhà nước xã hội chủ nghĩa.

- Quy mô bạo loạn lật đổ, có thể diễn ra ở nhiều mức độ, từ quy mô nhỏ đến lớn. Phạm vi địa bàn xảy ra bạo loạn lật đổ có thể ở nhiều nơi, nhiều vùng của đất nước, trọng điểm là những vùng trung tâm về kinh tế, chính trị, văn hoá của Trung ương và địa phương, nơi nhạy cảm về chính trị hoặc ở các khu vực, địa bàn mà cơ sở chính trị của địa phương yếu kém.

2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

Chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực thù địch luôn coi Việt Nam là một trọng điểm trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" chống chủ nghĩa xã hội. Từ đầu năm 1950 đến 1975, chủ nghĩa đế quốc dùng hành động quân sự để xâm lược và muốn biến Việt Nam thành thuộc địa vĩnh viễn của chúng nhưng cuối cùng đã bị thất bại hoàn toàn. Sau khi sử dụng những đòn tấn công bằng quân sự để xâm lược Việt Nam không thành công, chúng đã chuyển sang chiến lược mới như "bao vây cấm vận kinh tế", "cô lập về ngoại giao" kết hợp với "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Lợi dụng thời kỳ nước ta gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, từ năm 1975 - 1994 do hậu quả của chiến tranh để lại, do sự biến động chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu, các thế lực thù địch càng ráo riết đẩy mạnh “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam.

Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, với đường lối đổi mới toàn diện đất nước, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc với sức mạnh thời đại, nên từng bước đã khắc phục có hiệu quả khủng hoảng kinh tế - xã hội. Thành tựu to lớn mà Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đạt được trong những năm đầu của công cuộc đổi mới là chế độ chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng ngày càng giữ vững và đời sống của nhân dân lao động từng bước được cải thiện, nâng cao.

Từ năm 1995 đến nay, trước những thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, thì các thế lực thù địch lại tiếp tục điều chỉnh thủ đoạn chống phá cách mạng nước ta. Chúng đã tuyên bố xóa bỏ "cấm vận kinh tế" và bình thường hóa quan hệ ngoại giao để chuyển sang thủ đoạn mới, đẩy mạnh hoạt động xâm nhập như: "dính líu", "ngầm", "sâu, hiểm" nhằm chống phá cách mạng Việt Nam.

Mục tiêu nhất quán của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trong sử dụng chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam là thực hiện âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, lái nước ta đi theo con đường chủ nghĩa tư bản và lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc... Để đạt được mục tiêu đó, các thế lực thù địch không từ bỏ bất kỳ thủ đoạn chống phá nào như sử dụng bạo lực phi vũ trang, bạo lực vũ trang, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá cách mạng

nước ta hiện nay là toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tinh vi, thâm độc và nhiều thủ đoạn tinh vi khó nhận biết, cụ thể:

- *Thủ đoạn về kinh tế:* Chúng muốn chuyển hóa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam dần dần theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Khích lệ thành phần kinh tế tư nhân phát triển, từng bước làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước. Lợi dụng sự giúp đỡ, viện trợ kinh tế, đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ cho Việt Nam để đặt ra các điều kiện và gây sức ép về chính trị, từng bước chuyển hóa Việt Nam theo con đường tư bản chủ nghĩa.

- *Thủ đoạn về chính trị:* Các thế lực thù địch kích động đòi thực hiện chế độ "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập", "tự do hóa" mọi mặt đời sống xã hội, từng bước xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chúng tập hợp, nuôi dưỡng các tổ chức, phần tử phản động trong nước và ngoài nước, lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" để chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm mất đi vai trò lãnh đạo của Đảng. Tận dụng những sơ hở trong đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước ta, sẵn sàng can thiệp trắng trợn bằng sức mạnh quân sự để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- *Thủ đoạn về tư tưởng - văn hóa:* Chúng thực hiện nhiều hoạt động tuyên truyền nói xấu, phủ nhận cách mạng và tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ra sức truyền bá tư tưởng tư sản vào các tầng lớp nhân dân. Lợi dụng xu thế mở rộng hợp tác quốc tế, du nhập những sản phẩm văn hóa đồi trụy, lối sống phương Tây, để kích động lối sống tư bản trong thanh niên từng bước làm phai mờ bản sắc văn hóa và giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam.

- *Thủ đoạn trong lĩnh vực xã hội:* Chúng thực hiện phát triển giai cấp tư sản, làm chệch định hướng xã hội chủ nghĩa về cơ cấu xã hội - giai cấp, phân hóa giàu nghèo trong xã hội, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, truyền đạo trái phép để thực hiện âm mưu tôn giáo hóa dân tộc, từng bước gây mất ổn định xã hội và làm chệch hướng chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- *Thủ đoạn trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh:* Các thế lực thù địch lợi dụng xu thế mở rộng, hợp tác quốc tế, thực hiện xâm nhập, tăng cường hoạt động tình báo thu thập bí mật quốc gia. Chúng kích động đòi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối với lực lượng vũ trang. Đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, các thế lực thù địch chủ trương vô hiệu hóa sự lãnh đạo của Đảng với luận điểm "phi chính trị hóa" quân đội. Đối với công an nhân dân, chúng phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, chia rẽ mối quan hệ giữa công an với nhân dân và lợi dụng hợp tác chống khủng bố, tội phạm quốc tế để can thiệp vào công việc nội bộ, phá vỡ thế trận an ninh nhân dân, nền quốc phòng toàn dân.

- *Thủ đoạn trên lĩnh vực đối ngoại:* Các thế lực thù địch lợi dụng chủ trương Việt Nam mở rộng hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới để tuyên truyền và hướng Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Hạn chế sự mở rộng quan hệ hợp tác của Việt Nam đối với các nước lớn trên thế giới, tìm cách ngăn cản những dự án đầu tư quốc tế vào Việt Nam. Đặc biệt, chúng rất coi trọng việc chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa, hạ thấp uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

Các thế lực thù địch chú trọng nuôi dưỡng các tổ chức phản động sống lưu vong ở nước ngoài và kết hợp với các phần tử cực đoan, bất mãn trong nước gây rối, làm mất ổn định xã hội ở một số vùng nhạy cảm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ của Việt Nam. Chúng tiến hành nhiều hoạt động xảo quyệt để lôi kéo, mua chuộc quần chúng nhân dân lao động đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương và uy hiếp các đơn vị lực lượng vũ trang. Ở Tây Bắc, chúng kích động người H'Mông đòi thành lập khu tự trị riêng. Ở Tây Nguyên, chúng ra sức tuyên truyền thành lập nhà nước Đê Ga, chờ thời cơ thuận lợi để tiến hành lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thủ đoạn cơ bản mà các thế lực thù địch đã sử dụng để tiến hành bạo loạn lật đổ chính quyền ở một số địa phương nước ta là: kích động sự bất bình của quần chúng, dụ dỗ và cưỡng ép nhân dân biểu tình làm chỗ dựa cho lực lượng phản động trà trộn hoạt động đập phá trụ sở, rồi uy hiếp khống chế cơ quan quyền lực của địa phương. Trong quá trình gây bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách để mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng và kêu gọi sự ủng hộ, can thiệp của các thế lực bên ngoài trên tất cả lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao...dưới chiêu bài bảo vệ tự do dân chủ và nhân quyền, nhằm đạt được mục đích làm mất sự ổn định chính trị tiến tới xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Yêu cầu đặt ra là phải nâng cao cảnh giác cách mạng, kịp thời phát hiện âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, dự báo đúng thủ đoạn, quy mô, địa điểm và thời gian. Nắm vững nguyên tắc xử lý trong đấu tranh chống bạo loạn lật đổ là: nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng kéo dài. Hoạt động đấu tranh, xử lý bạo loạn luôn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, cơ quan tham mưu và phối hợp thống nhất hành động cho các lực lượng tham gia. Kịp thời phân hóa, cô lập và đấu tranh kiên quyết với bọn đầu sỏ, cực đoan, giáo dục vận động những người dân lầm đường, lạc lối.

3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

3.1. Quan điểm chỉ đạo

- Đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình" là một cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bởi lẽ, thực chất chiến lược "Diễn biến hòa bình" mà các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc. Mục tiêu của chiến lược đó là nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và chuyển hóa theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản;

- Đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình" là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu hiện nay của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta để bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt mà các thế lực thù địch sử dụng trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" với nhiều đòn tấn công "mềm" trên tất cả các lĩnh vực để chống phá cách mạng nước ta. Vì thế, Đảng ta đã xác định rõ nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là toàn diện, coi trọng giữ vững an ninh kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng;

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đấu tranh chống "diễn biến hoà bình".

Các thế lực thù địch sử dụng sức mạnh tổng hợp để chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đánh vào mọi tầng lớp nhân dân lao động, mọi tổ chức chính trị - xã hội, mọi lĩnh vực. Do đó, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng để làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam.

3.2. Phương châm tiến hành

- Kết hợp chặt chẽ giữa giữ vững bên trong với chủ động ngăn chặn, phòng ngừa và chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Do đó, mọi cấp, mọi ngành, mọi người dân phải thấy rõ tính chất nham hiểm của chiến lược "Diễn biến hòa bình". Từ đó, phải nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù nhằm chống phá Việt Nam;

- Chủ động, kiên quyết, khôn khéo xử lý tình huống và giải quyết hậu quả khi có bạo loạn xảy ra, giải quyết các vụ gây rối, không để phát triển thành bạo loạn. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bao giờ cũng chủ động chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, từng bước làm suy yếu từ bên trong và khi có thời cơ tiến hành lật đổ chế độ xã hội. Thực tế chứng minh, chủ động tấn công sẽ tạo thuận lợi giành thắng lợi trong chiến tranh nói chung và trong phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta;

- Xây dựng tiềm lực vững mạnh của đất nước, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế, kịp thời làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù đối với Việt Nam. Trên thực tế, kẻ thù thường cấu kết lực lượng phản động ở ngoài nước với những phần tử cực đoan, chống đối ở trong nước và bằng

hiều thủ đoạn tinh vi và thâm hiểm, tổng hợp. Do vậy, phải thường xuyên coi trọng xây dựng tiềm lực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt. Chú trọng tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân lao động hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn cơ bản trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" mà kẻ thù sử dụng để chống phá Việt Nam.

4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

Chủ động phát hiện kịp thời những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Do vậy phải giáo dục rộng rãi trong toàn xã hội để mọi người dân Việt Nam, mọi tổ chức chính trị - xã hội đều nhận thức sâu sắc âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" của kẻ thù chống phá cách mạng Việt Nam. Phải làm tốt công tác chỉ đạo cơ quan tham mưu, cơ quan chuyên trách và phối hợp các ngành, các cấp trong xã hội chú trọng giáo dục kiến thức quốc phòng; thông qua các kênh thông tin đại chúng để nâng cao cảnh giác cách mạng cho mọi tầng lớp nhân dân lao động. Cần phải đấu tranh phê phán những biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác cách mạng trong một bộ phận nhân dân, học sinh, sinh viên trước âm mưu, thủ đoạn thâm hiểm trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" của kẻ thù chống phá nước ta hiện nay.

Mỗi người phải có ý thức tự giác chấp hành pháp luật của Nhà nước về thông tin, tham gia tích cực đấu tranh chống lưu truyền thông tin trái với quy định của Đảng, Nhà nước ta. Mỗi người dân Việt Nam phải có tri thức, có bản lĩnh chính trị, có phương pháp xem xét phát hiện và báo cáo kịp thời thủ đoạn chống phá của kẻ thù cho cơ quan chức năng xử lý không để bị động bất ngờ.

4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

Muốn ngăn chặn, đấu tranh đạt hiệu quả, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta thì phải giữ vững sự ổn định xã hội và làm cho đất nước ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Do đó, việc đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế là giải pháp hữu hiệu để giữ vững và thúc đẩy yếu tố bên trong của đất nước luôn ổn định.

Tệ quan liêu, tham nhũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là thứ giặc nội xâm. Nếu để căn bệnh này tồn tại kéo dài trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và trong xã hội thì sẽ làm cản trở phát triển kinh tế - xã hội, làm suy yếu Đảng, suy yếu bộ máy nhà nước, gây bất bình và giảm lòng tin của nhân dân lao động vào chế độ xã hội. Kẻ thù lợi dụng vấn đề này để khoét sâu mâu thuẫn nội bộ, kích

động nhân dân lao động đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương, chống Đảng và Nhà nước ta, gây mất ổn định xã hội.

Để giữ được sự ổn định xã hội, thì vấn đề mấu chốt phải giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực. Thực chất làm cho các nhân tố xã hội chủ nghĩa ngày càng củng cố, phát triển và sớm kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sẽ tránh được nguy cơ tụt hậu về kinh tế.

4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

Bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch lợi dụng sự sụp đổ của xã hội chủ nghĩa, ở Liên Xô và Đông Âu, lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố, tấn công quyết liệt vào độc lập chủ quyền của các quốc gia, dân tộc, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có nước ta. Vì vậy, khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của đất nước ta là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố như chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, khoa học công nghệ; kết hợp sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế; sức mạnh của con người kết hợp vũ khí trang bị, trong đó, yếu tố con người giữ vững vai trò quyết định. Nhiệm vụ trước hết của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là phải làm cho ý thức bảo vệ Tổ quốc được thấm nhuần sâu sắc trong mọi tầng lớp nhân dân mà trọng tâm là thanh niên.

Giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân phải mang tính toàn diện: Tình yêu quê hương, đất nước; tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù chống phá độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nước ta; quan điểm, đường lối của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới; tinh thần sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc, quyết tử để Tổ quốc quyết sinh... hình thức giáo dục phải đa dạng, phù hợp với từng đối tượng.

4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh sẽ bảo đảm cho chế độ xã hội luôn ổn định, phát triển. Do vậy, phải luôn luôn chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng, mọi miền đất nước; đoàn kết trong Đảng và ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, người trong nước và người đang sinh sống ở nước ngoài.

Để đạt được sự đoàn kết rộng rãi đó, Đảng và Nhà nước phải có chính sách xã hội bảo đảm lợi ích chính đáng cho từng giai tầng, phải củng cố khối liên

minh công - nông - trí luôn vững chắc, đồng thời phải phát huy tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường, lòng tự hào của toàn dân.

Phải luôn chú trọng xây dựng hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở các cấp, nhất là ở cơ sở. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả, nền nếp hoạt động của các tổ chức quần chúng... Khắc phục triệt để hiện tượng mất đoàn kết, cục bộ, bản vị, bè phái, cơ hội chủ nghĩa dưới mọi hình thức. Duy trì nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường kiểm tra Đảng ở các cấp, xử lý kịp thời những đảng viên, tổ chức đảng có khuyết điểm, khen thưởng kịp thời những đảng viên, tổ chức Đảng thực hiện tốt đường lối, chủ trương Điều lệ Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

Lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, lực lượng an ninh nhân dân ở cơ sở là một bộ phận của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, là công cụ chủ yếu bảo vệ Đảng, chính quyền, nhân dân, tài sản Nhà nước, của tổ chức cơ sở. Do vậy, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên phải được quan tâm rộng khắp ở tất cả các làng, bản, phường, xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức, bảo đảm triển khai thể trận quốc phòng, thể trận phòng thủ ở các địa phương, cơ sở. Phải chú trọng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng nhưng lấy chất lượng là chính.

Ở mỗi địa phương, phải chú trọng kết hợp phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở. Quần chúng là nền tảng, là gốc rễ của dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Vì vậy, quần chúng cũng là đối tượng để kẻ thù lợi dụng, mua chuộc nhằm thực hiện âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ nhằm chống phá cách mạng nước ta.

4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

Mỗi thủ đoạn, hình thức, biện pháp mà kẻ thù sử dụng trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, cần có phương thức xử lý cụ thể, hiệu quả.

Khi mỗi tình huống bạo loạn xảy ra, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị, xử trí theo nguyên tắc nhanh gọn - kiên quyết - linh hoạt - đúng đối tượng - không để lan rộng, kéo dài.

Yêu cầu phải xây dựng các phương án, tình huống kẻ thù có thể sử dụng trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ. Từ đó, xây dựng đầy đủ luyện tập các phương án sát với diễn biến từng địa phương, từng đơn vị, từng cấp, từng ngành. Hoạt động xử lý bạo loạn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng,

điều hành của chính quyền, các cơ quan ban ngành làm tham mưu, trong đó Quân đội và Công an làm nòng cốt.

4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

Đây là một giải pháp quan trọng để đấu tranh, ngăn ngừa âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù.

Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là để tạo ra cơ sở vật chất, phát triển lực lượng sản xuất và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đồng thời, là điều kiện để tăng năng suất lao động của xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động, để tạo nên sức mạnh của thể trận "lòng dân".

Yêu cầu đặt ra trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay là phải chú trọng hơn nữa chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, huy động và sử dụng tốt hơn nguồn vốn để tập trung phát triển những ngành công nghiệp mũi nhọn. Chống hiện tượng đầu tư tràn lan, để những dự án treo kéo dài, trong đào tạo chưa cân đối phân luồng cơ cấu trình độ, ngành nghề của nguồn nhân lực, để phục vụ hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Những giải pháp trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm đấu tranh ngăn ngừa âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù sử dụng để chống phá Việt Nam hiện nay. Vì vậy trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ này không nên coi nhẹ hoặc tuyệt đối hoá một giải pháp nào.

Sinh viên là thế hệ tương lai của đất nước, đồng thời cũng là một đối tượng mà các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá nhằm làm suy thoái về đạo đức, lối sống và phai nhạt niềm tin, lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, mỗi người phải có nỗ lực học tập và rèn luyện để trở thành công dân tốt, cống hiến cho đất nước, phải thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát hiện và góp phần đấu tranh, ngăn ngừa, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, hồng xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ?
2. Trình bày âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng chống phá các nước xã hội chủ nghĩa?
3. Trình bày chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá đối với Việt Nam hiện nay?
4. Phương hướng, giải pháp cơ bản phòng, chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta hiện nay?

BÀI 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

1.1. Khái niệm, vị trí, vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

1.1.1. Khái niệm

Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác; là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là lực lượng bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

1.1.2. Vị trí, vai trò của dân quân tự vệ

- Dân quân tự vệ được tổ chức ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) gọi là dân quân; được tổ chức ở cơ quan của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) gọi là tự vệ.

- Dân quân tự vệ là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và phong trào toàn dân đánh giặc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong thời bình tại địa phương. Trong tình hình hiện nay, chúng ta phải đối phó với chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ và sẵn sàng chiến đấu chống mọi tình huống chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch thì vai trò của dân quân tự vệ càng được coi trọng;

- Lực lượng dân quân tự vệ đang là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, trực tiếp ở từng địa phương bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước ở cơ sở;

Đánh giá về vai trò dân quân tự vệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ thù nào dù hung bạo đến đâu hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã”.

- Trong thời bình, dân quân tự vệ là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng kinh tế, phát triển địa phương và cả nước. Là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, phối hợp cùng các lực lượng đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống thiên tai, địch hoạ bảo đảm an toàn cho nhân dân;

- Trong thời chiến, dân quân tự vệ làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng, phương tiện của địch, căng kéo, kìm

chân, buộc địch phải sa lầy tại địa phương; vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, các thủ đoạn chiến đấu, tạo thế, tạo lực cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương chiến đấu, tham gia phục vụ chiến đấu giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân.

1.1.3. Nhiệm vụ của dân quân tự vệ

- Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu để bảo vệ địa phương, cơ sở; phối hợp với các đơn vị bộ đội biên phòng, hải quân, cảnh sát biển và lực lượng khác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia và chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam;

- Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước;

- Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác;

- Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cơ sở;

- Học tập chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự và diễn tập;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

(Điều 8, Luật dân quân tự vệ năm 2009).

1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

1.2.1. Phương châm xây dựng

Phương châm xây dựng dân quân tự vệ theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”.

- **Vững mạnh:** Được thể hiện là chất lượng phải toàn diện cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ, biên chế trang bị hợp lý, thống nhất, có kỷ luật nghiêm, cơ động nhanh, sẵn sàng chiến đấu tốt. Mỗi tổ chức dân quân tự vệ phải luôn vững vàng;

- **Rộng khắp:** Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng ở hầu hết các làng, bản, xóm, ấp xã, phường, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, ở đâu có tổ chức Đảng, chính quyền và có dân ở đó có tổ chức dân quân tự vệ, kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Trường hợp các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không đủ điều kiện (không có tổ chức Đảng) tổ chức dân quân tự vệ nếu có yêu cầu thì giám đốc doanh nghiệp đề nghị và được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) đồng ý thì công dân được tham gia dân quân tự vệ ở

địa phương (nơi cư trú). Giám đốc doanh nghiệp phải bảo đảm thời gian và tạo điều kiện cho công nhân tham gia dân quân tự vệ hoạt động;

- Coi trọng chất lượng là chính: Chỉ tuyển chọn đưa vào đội ngũ những công dân có lý lịch rõ ràng, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, luôn chấp hành đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các quy định ở địa phương, có sức khỏe phù hợp.

1.2.2. Tổ chức, biên chế, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ

- Tổ chức dân quân tự vệ:

+ Tổ chức đơn vị dân quân tự vệ gồm: Tô; Tiểu đội, khẩu đội; Trung đội; Đại hội, hải đội; Tiểu đoàn, hải đoàn;

+ Tổ chức chỉ huy quân sự cơ sở gồm: Thôn đội; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở nơi có tổ chức lực lượng tự vệ, có lực lượng dự bị động viên và nguồn sẵn sàng nhập ngũ theo quy định của pháp luật;

+ Ban chỉ huy quân sự bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban Đảng ở trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán nhà nước, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi chung là Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương). (Điều 17, Luật dân quân tự vệ năm 2009).

- Quy mô tổ chức của dân quân tự vệ:

+ Quy mô tổ chức của dân quân tự vệ được quy định như sau:

Thôn tổ chức tô, tiểu đội, trung đội dân quân tại chỗ;

Cấp xã tổ chức trung đội dân quân cơ động; theo yêu cầu nhiệm vụ có thể tổ chức tô, tiểu đội trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế. Cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh tổ chức tiểu đội dân quân thường trực trong trung đội dân quân cơ động của xã. Cấp xã ven biển, xã đảo tổ chức tiểu đội, trung đội dân quân biển;

Cơ quan, tổ chức tổ chức tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn tự vệ. Cơ quan, tổ chức có phương tiện hoạt động trên biển tổ chức tiểu đội, trung đội, hải đội, hải đoàn tự vệ biển;

Trên cơ sở các đơn vị dân quân tự vệ quy định tại các điểm a, b và c khoản này, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, trên địa bàn cấp huyện có thể tổ chức đại đội dân quân tự vệ cơ động, trung đội dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trung đội dân quân tự vệ luân phiên thường trực. Trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), có thể tổ chức đại đội dân quân tự vệ phòng không, pháo binh.

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc mở rộng lực lượng dân quân tự vệ. (Điều 18, Luật dân quân tự vệ năm 2009).

- Tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp:

+ Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân tự vệ của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp về quy mô lao động, tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp với tổ chức, hoạt động của dân quân tự vệ, cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 28 của Luật này quyết định việc thành lập đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp;

+ Doanh nghiệp chưa tổ chức lực lượng tự vệ, thì chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của chủ doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức cho người lao động của doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ ở địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động. (*Điều 19, Luật dân quân tự vệ năm 2009*).

- Chức vụ chỉ huy cơ bản của dân quân tự vệ:

+ Chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ gồm: Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng; Trung đội trưởng; Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội; Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội; Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn; Hải đoàn trưởng, Chính trị viên hải đoàn;

+ Chỉ huy quân sự ở cơ sở gồm: Thôn đội trưởng; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở;

+ Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương. (*Điều 20, Luật dân quân tự vệ năm 2009*).

- Ban chỉ huy quân sự cấp xã:

+ Ban chỉ huy quân sự cấp xã gồm: Chỉ huy trưởng là thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã; Chỉ huy phó; Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm. Số lượng Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã do Chính phủ quy định;

+ Ban chỉ huy quân sự cấp xã có chức năng và nhiệm vụ sau đây: Tham mưu cho cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cấp xã lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cơ sở; đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; tuyển chọn công dân nhập ngũ, quản lý lực lượng dự bị động viên theo quy định của pháp luật; Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự ở cơ sở; kế hoạch tổ chức lực lượng, huấn luyện và hoạt động của dân quân; kế hoạch xây dựng làng, xã chiến đấu; kế hoạch phòng thủ dân sự và tham gia xây dựng kế hoạch khác có liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở cơ sở; Chủ trì, phối hợp với ban, ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, kế hoạch, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên; Phối hợp với ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho lực lượng vũ trang và nhân dân; tổ chức lực lượng dân quân, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách hậu phương quân đội; Tổ chức huấn luyện,

giáo dục chính trị, pháp luật cho dân quân; chỉ huy dân quân thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 8 của Luật này; Tổ chức đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, trang bị của các đơn vị dân quân thuộc quyền theo quy định của pháp luật; Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo đảm hậu cần, kỹ thuật tại chỗ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự địa phương, công tác tổ chức và hoạt động của dân quân thuộc quyền. (*Điều 21, Luật dân quân tự vệ năm 2009*).

- Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở:

+ Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở gồm: Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức kiêm nhiệm; Chính trị viên, Chỉ huy phó, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm;

+ Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở có chức năng, nhiệm vụ sau đây: Tham mưu cho cấp ủy Đảng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng, quân sự của cơ quan, tổ chức mình; đăng ký, quản lý tự vệ tại cơ quan, tổ chức, thực hiện công tác tuyên truyền và quản lý lực lượng dự bị động viên dưới sự chỉ đạo của cơ quan quân sự địa phương; thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức; thực hiện chính sách hậu phương quân đội; Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự của cơ quan, tổ chức; kế hoạch tổ chức lực lượng, huấn luyện và hoạt động của tự vệ; kế hoạch bảo vệ cơ quan, tổ chức; kế hoạch phòng thủ dân sự, kế hoạch bảo đảm hậu cần, kỹ thuật tại chỗ và tham gia xây dựng kế hoạch khác có liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở cơ sở; Giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch động viên quốc phòng về người, phương tiện kỹ thuật và cơ sở vật chất khác theo chỉ tiêu của Nhà nước; tham gia xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự tại địa phương nơi đặt trụ sở; Tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, giáo dục chính trị, pháp luật cho tự vệ; chỉ huy tự vệ thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 8 của Luật này; Tổ chức đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, trang bị của các đơn vị tự vệ thuộc quyền theo quy định của pháp luật; Giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết về công tác quốc phòng, quân sự, công tác tổ chức và hoạt động của tự vệ thuộc quyền. (*Điều 22, Luật dân quân tự vệ năm 2009*).

- Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương:

+ Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương gồm: Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu bộ, ngành trung ương kiêm nhiệm; Chính trị viên, Chỉ huy phó, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm;

+ Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương có chức năng tham mưu cho Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, cấp ủy Đảng, người đứng đầu bộ, ngành trung ương về công tác quốc phòng của bộ, ngành; phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chỉ đạo công tác quốc phòng, quân sự địa phương và công tác dân quân tự vệ;

+ Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế phối hợp hoạt động của Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương do Chính phủ quy định. (*Điều 23, Luật dân quân tự vệ năm 2009*).

- Thôn đội:

+ Thôn đội có nhiệm vụ tham mưu và tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương ở thôn; quản lý, chỉ huy trực tiếp dân quân thuộc quyền;

+ Chịu sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Ban chỉ huy quân sự cấp xã và phối hợp với Trưởng thôn, Công an viên và tổ chức, đoàn thể nhân dân thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở thôn. (*Điều 24, Luật dân quân tự vệ năm 2009*).

- Về vũ khí, trang bị của dân quân tự vệ:

+ Dân quân tự vệ được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện kỹ thuật;

+ Việc trang bị, chế độ đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện kỹ thuật của dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật. (*Điều 31, Luật dân quân tự vệ năm 2009*).

1.2.3. Giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đối với dân quân tự vệ

- Giáo dục chính trị: Giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân tự vệ là một nội dung quan trọng hàng đầu, nhằm làm cho dân quân tự vệ nâng cao nhận thức về chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng. Trên cơ sở đó phát huy tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ, bảo vệ quê hương, làng xóm, địa phương, đơn vị mình.

Nội dung giáo dục cần tập trung không ngừng tăng cường bản chất cách mạng và ý thức giác ngộ giai cấp cho cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ, trên cơ sở đó, thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ bản chất, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Giáo dục truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa; mục tiêu lý tưởng của Đảng; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà đảng và nhân dân ta lựa chọn; quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh, chống “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch: Công tác quốc phòng địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Một số nội dung cơ bản về hiến pháp, pháp luật, pháp lệnh về dân quân tự vệ, nội dung phương pháp tiến hành vận động quần chúng...

- Huấn luyện quân sự: Hằng năm, lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện theo nội dung, chương trình do Bộ Quốc phòng quy định, nội dung huấn luyện phải phù hợp và sát với cơ sở do chỉ huy quân sự địa phương các cấp xác định cụ thể. Huấn luyện toàn diện cả chiến thuật, kỹ thuật, cả bộ binh và các binh chủng, chuyên môn kỹ thuật... Thời gian huấn luyện theo quy định của pháp luật.

1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

- Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân quân tự vệ;
- Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn địa phương trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ;
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện;
- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ.

2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.1.1. Khái niệm

Lực lượng dự bị động viên gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội nhằm duy trì tiềm lực quân sự, là yếu tố góp phần quyết định sự thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

- Quân nhân dự bị gồm sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị. Phương tiện kỹ thuật gồm phương tiện vận tải, làm đường, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế và một số phương tiện khác. Danh mục phương tiện kỹ thuật do Chính phủ quy định.

- Quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật trong kế hoạch biên chế cho lực lượng thường trực của quân đội, thông qua các đơn vị dự bị động viên. Trong thời bình, lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý, huấn luyện theo chương trình quy định và sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

2.1.2. Vị trí, vai trò công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

- Công tác xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên giữ vị trí rất quan trọng trong chiến lược quốc phòng và an ninh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; là một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, bảo đảm nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng quân đội khi chuyển đất nước sang trạng thái chiến tranh;

- Lực lượng dự bị động viên phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng công an... làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu trên các địa bàn trong khu vực phòng thủ, bảo đảm sự vững chắc của thế trận quốc phòng ở địa phương, cơ sở;

- Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên là biểu hiện quán triệt quan điểm về sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc, sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng, quốc phòng với kinh tế;

- Lực lượng dự bị động viên được xây dựng để bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội. Lực lượng dự bị động viên được xây dựng tốt sẽ làm nòng cốt cho cả xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và cả trong thực hiện chiến lược quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Xây dựng lực lượng dự bị động viên bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm

Việc tổ chức xây dựng lực lượng dự bị động viên ở nước ta là một vấn đề hệ trọng, quan hệ đến vận mệnh của quốc gia, đặc biệt khi phải đối phó với chiến tranh quy mô lớn. Do đó, ngay từ thời bình, phải xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu theo kế hoạch đã xác định mới có khả năng giành thắng lợi khi có lệnh động viên.

Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải có chất lượng cao. Chất lượng cao được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, tinh thần, tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, trình độ kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn nghiệp vụ, trang bị, khả năng bảo đảm hậu cần kỹ thuật. Vì vậy, để có chất lượng cao, yêu cầu đầu tiên là phải xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, trong đó tập trung vào khâu quản lí, giáo dục, tạo nguồn.

Cùng với xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải nâng cao trình độ toàn diện cho cán bộ, chiến sĩ. Việc huấn luyện quân sự cho lực lượng dự bị động viên phải được tiến hành nghiêm túc theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng.

2.2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị

Xây dựng lực lượng dự bị động viên là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, là cuộc vận động chính trị sâu sắc trong quần chúng để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ. Sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, về mọi mặt của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, được thể chế hoá bằng các văn bản pháp luật của cơ quan lập pháp, sự điều hành của Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, sự hiệp đồng thực hiện giữa các đơn vị quân đội, cơ quan quân sự với các cơ quan trong hệ thống chính quyền, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội... và sự chăm lo xây dựng của toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dự bị động viên là từ Trung ương đến cơ sở và được thể hiện trên tất cả các mặt công tác, từ bước chuẩn bị đến thực hành nhiệm vụ động viên.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và của mọi công dân để xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh. Đó là yêu

tổ cơ bản nhất luôn bảo đảm cho lực lượng dự bị động viên có số lượng hợp lý, chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu trong mọi tình huống.

2.2.3. Xây dựng lực lượng dự bị động viên đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa phương, bộ, ngành

Xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng dự bị động viên như trên nên xây dựng lực lượng dự bị động viên phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng. Đây là nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm cho lực lượng này luôn có nội dung, phương hướng, mục tiêu xây dựng đúng đắn, nhằm bảo đảm sức mạnh của quân đội đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng lực lượng dự bị động viên được thể hiện trên tất cả các khâu, các bước, từ chuẩn bị đến thực hành động viên lực lượng.

2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.3.1. Phương thức xây dựng lực lượng dự bị động viên

- Phương thức chung: Phát huy khả năng trách nhiệm cao nhất của địa phương, các ngành kinh tế, kết hợp chặt chẽ với khả năng, trách nhiệm đầy đủ của các đơn vị quân đội để tổ chức xây dựng lực lượng dự bị động viên. Với phương thức địa phương chuyển việc giao nguồn cho các đơn vị chủ lực sang tổ chức hình thành các đơn vị dự bị động viên theo nhiệm vụ trên giao. Trong đó địa phương thực hiện là chính (trừ vũ khí trang bị và huấn luyện), các đơn vị chủ lực nhận nguồn cung cấp biểu biên chế, phối hợp cùng địa phương tổ chức thực hiện;

- Phương thức tổ chức: Các đơn vị dự bị động viên được biên chế thành đơn vị biên chế khung thường trực và đơn vị không biên chế khung thường trực

2.3.2. Nội dung xây dựng

- Tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên:

+ *Tạo nguồn*: Là cơ sở quan trọng nhất để lập kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Biện pháp tạo nguồn đối với sĩ quan dự bị, cơ quan quân sự địa phương quản lý chắc số sĩ quan phục viên, xuất ngũ. Hàng năm, lựa chọn những đồng chí tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, phẩm chất năng lực tốt đưa họ vào tạo nguồn. Số cán bộ chuyên môn kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân (y tế, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải...) có thể phục vụ lợi ích quốc phòng khi có chiến tranh. Hàng năm, tuyển chọn số hạ sĩ quan có phẩm chất năng lực tốt trước khi xuất ngũ cho đi huấn luyện, đào tạo họ thành sĩ quan dự bị. Sinh viên từ các trường đại học, sau khi tốt nghiệp được đào tạo thành sĩ quan dự bị. Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện liên kết đào tạo theo nhu cầu chuyên môn kỹ thuật. Đào tạo xong có thể chuyển một số sang quân đội, số còn lại đưa vào ngạch dự bị động viên. Đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục viên xuất ngũ, có đủ điều kiện về phẩm chất năng lực, sức khỏe đưa họ vào nguồn. Ngoài ra, đưa cả số thanh niên đã được

tuyển chọn xếp vào diện sẵn sàng nhập ngũ, nhưng chưa nhập ngũ vào nguồn quân nhân dự bị. Đối với phương tiện kỹ thuật (theo Điều 4, 24, 26 Pháp lệnh Dự bị động viên năm 1996).

+ *Đăng ký, quản lý nguồn*: Việc đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên phải có kế hoạch thường xuyên, chặt chẽ và chính xác, đăng ký quản lý cả con người và phương tiện kỹ thuật.

Đối với quân nhân dự bị, được tiến hành đăng ký, quản lý tại nơi cư trú, do Ban chỉ huy quân sự xã (phường), ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) thực hiện. Đăng ký quản lý phải chính xác theo từng chuyên ngành quân sự, độ tuổi, loại sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hoá, nhận thức về chính trị, trình độ hiểu biết về quân sự, chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với phương tiện kỹ thuật, phải đăng ký, quản lý chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kỹ thuật của từng phương tiện.

- Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên:

Tổ chức, biên chế lực lượng dự bị động viên là tổ chức sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật thành từng đơn vị dự bị động viên theo kế hoạch để quản lý, huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số, trang bị và phương tiện kỹ thuật. Hiện nay, đơn vị dự bị động viên được tổ chức theo các loại hình: đơn vị biên chế thiếu, đơn vị biên chế khung thường trực, đơn vị không có khung thường trực, đơn vị biên chế đủ nhân đôi và đơn vị chuyên môn thời chiến. Khi sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên phải theo nguyên tắc:

+ Sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật phù hợp với chức danh biên chế, nếu thiếu thì sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật tương ứng;

+ Sắp xếp quân nhân dự bị hạng một trước, nếu thiếu thì sắp xếp quân nhân dự bị hạng hai. Sắp xếp những quân nhân dự bị cư trú gần nhau vào từng đơn vị.

- Giáo dục chính trị, huấn luyện diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên:

+ *Giáo dục chính trị*: Giáo dục chính trị là nhiệm vụ hàng đầu trong xây dựng lực lượng dự bị động viên nhằm làm cho mọi cán bộ chiến sĩ nâng cao nhận thức về chính trị, có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu, lí tưởng.

Nội dung giáo dục: Cần tập trung vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan điểm quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng, truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta. Giáo dục chính trị phải thường xuyên liên tục cho tất cả các đối tượng; được thực hiện xen kẽ trong từng giai đoạn, từng đợt huấn luyện, diễn tập.

+ *Công tác huấn luyện*

Phương châm huấn luyện: “*Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm*”. Nội dung huấn luyện gồm kỹ thuật bộ binh, binh chủng; chiến thuật từng người đến cấp đại đội, công tác hậu cần, băng bó cứu thương và

hoạt động chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ. Biện pháp huấn luyện có thể huấn luyện tập trung tại các đơn vị dự bị động viên hoặc phân tán tại các địa phương, cơ sở. Cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt những phương pháp huấn luyện thích hợp sát đối tượng, sát thực tế.

Hàng năm, sau khoá huấn luyện, lực lượng dự bị động viên sẽ tham gia hợp luyện, diễn tập. Kết thúc diễn tập, tổ chức rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục trong các đơn vị dự bị động viên.

Cùng với huấn luyện diễn tập, chế độ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ được tiến hành theo quy định nhằm giúp lãnh đạo, chỉ huy nắm được thực trạng tổ chức, xây dựng lực lượng dự bị động viên để có chủ trương, biện pháp sát đúng.

- Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho xây dựng lực lượng dự bị động viên:

+ Vật chất kỹ thuật, kinh phí là yếu tố rất quan trọng để bảo đảm xây dựng lực lượng dự bị động viên gồm vũ khí trang bị, hậu cần kỹ thuật và tài chính. Yêu cầu phải bảo đảm đúng mức, đủ để triển khai xây dựng lực lượng dự bị động viên chất lượng ngày càng cao;

+ Việc bảo đảm vật chất, kinh phí hàng năm do Chính phủ giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các bộ ngành, địa phương thực hiện.

2.4 Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

- Thường xuyên giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về vị trí, nhiệm vụ, những quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên;

- Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện;

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên;

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Dân quân tự vệ là gì? Trình bày vai trò, nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ?

2. Phương châm xây dựng dân quân tự vệ theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”, anh (chị) hiểu vấn đề này như thế nào? Tại sao phải coi trọng chất lượng là chính?

3. Dự bị động viên là gì? Trình bày vai trò, nhiệm vụ của lực lượng dự bị động viên?

4. Trình bày quan điểm và nguyên tắc trong xây dựng lực lượng dự bị động viên hiện nay?

BÀI 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

- *Quốc gia* là thực thể pháp lý bao gồm ba yếu tố cấu thành: Lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng. Quốc gia là chủ thể căn bản nhất của luật quốc tế. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng cơ bản, quan trọng nhất của quốc gia. Theo luật pháp quốc tế hiện đại, tất cả các quốc gia đều bình đẳng về chủ quyền.

- *Lãnh thổ quốc gia* là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia. Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm: Vùng đất quốc gia, vùng biển quốc gia (nội thủy và lãnh hải), vùng trời quốc gia, ngoài ra còn gồm lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

Vùng đất quốc gia (kể cả các đảo và quần đảo) là phần mặt đất và lòng đất của đất liền (lục địa), của đảo, quần đảo thuộc chủ quyền một quốc gia; bộ phận quan trọng nhất cấu thành nên lãnh thổ quốc gia, làm cơ sở để xác định vùng trời quốc gia, nội thủy, lãnh hải. Vùng đất quốc gia có thể gồm những lục địa ở những điểm khác nhau (tách rời nhau), nhưng các vùng đất đó đều thuộc lãnh thổ thống nhất của quốc gia; hoặc cũng có thể chỉ bao gồm các đảo, quần đảo ở ngoài biển hợp thành quốc gia quần đảo. Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, ven biển Thái Bình Dương, có vùng đất quốc gia vừa là đất liền, vừa là đảo, vừa là quần đảo, bao gồm từ đỉnh Lũng Cú, Hà Giang đến mũi Cà Mau; các đảo như Phú Quốc, Cái Lân... và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Việt Nam có ba mặt trông ra biển: Đông, Nam và Tây Nam, với bờ biển dài 3.260 km, từ Móng Cái đến Hà Tiên. Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía Đông và Đông Nam, có thêm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc. Riêng Vịnh Bắc Bộ đã tập trung một quần thể gần 3.000 hòn đảo trong khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long; các đảo Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ...; xa hơn là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; phía Tây Nam và Nam có các nhóm đảo Côn Sơn, Phú Quốc và Thổ Chu.

Nội thủy là vùng biển nằm ở phía trong của đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải. Đường cơ sở là đường gãy khúc nối liền các điểm được lựa chọn tại ngân nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển và các đảo gần bờ do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định và công bố. Vùng nước thuộc nội thủy có chế độ pháp lý như lãnh thổ trên đất liền. Nội thủy của Việt Nam bao gồm: Các vùng nước phía trong đường cơ sở; vùng nước cảng được giới hạn bởi đường nối các điểm nhô ra ngoài khơi xa nhất của các công trình thiết bị thường xuyên là bộ phận hữu cơ của hệ thống cảng.

Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở, có chế độ pháp lý như lãnh thổ đất liền. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc

gia trên biển. Trong lãnh hải, tàu thuyền của các quốc gia khác được hưởng quyền qua lại không gây hại và thường đi theo tuyến phân luồng giao thông biển của nước ven biển. Lãnh hải của Việt Nam bao gồm lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo. Nước ta có thêm lục địa rộng lớn, là vùng đất và lòng đất đáy biển kéo dài tự nhiên từ lãnh thổ đất liền ra đến bờ ngoài của rìa lục địa, giới hạn 200 hải lý tính từ đường cơ sở lãnh hải. Việt Nam có chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với thêm lục địa; chủ quyền của nước ta đối với thêm lục địa là đương nhiên, không phụ thuộc vào việc có tuyên bố hay không.

- *Lãnh thổ quốc gia đặc biệt* là loại lãnh thổ đặc thù của một quốc gia tồn tại hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia khác hoặc trên vùng biển, vùng trời quốc tế. Ví dụ như trụ sở làm việc và nơi ở của cơ quan đại diện ngoại giao...

Vùng trời quốc gia là khoảng không gian phía trên lãnh thổ quốc gia; là bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và thuộc chủ quyền hoàn toàn của quốc gia đó. Việc làm chủ vùng trời quốc gia trên vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt được thực hiện theo quy định chung của công ước quốc tế.

- *Chủ quyền quốc gia* là quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của một quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó. Quốc gia thể hiện chủ quyền của mình trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao.

Tất cả các nước, không tính đến quy mô lãnh thổ, dân số, chế độ xã hội, đều có chủ quyền quốc gia. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng chính trị và pháp lý thiết yếu của một quốc gia độc lập, được thể hiện trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong hệ thống pháp luật quốc gia. Tôn trọng chủ quyền quốc gia là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Hiến chương Liên hợp quốc khẳng định nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia; không một quốc gia nào được can thiệp hoặc khống chế, xâm phạm chủ quyền của một quốc gia khác.

- *Chủ quyền lãnh thổ quốc gia* là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền làm chủ của quốc gia đó trên vùng lãnh thổ của mình. Mỗi nước có toàn quyền định đoạt mọi việc trên lãnh thổ của mình, không được xâm phạm lãnh thổ và can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia dừng lại ở biên giới quốc gia; mọi tư tưởng và hành động thể hiện chủ quyền quốc gia vượt quá biên giới quốc gia của mình đều là hành động xâm phạm chủ quyền của các quốc gia khác và trái với công ước quốc tế. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là tuyệt đối, bất khả xâm phạm; tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ và luật pháp quốc tế

1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

Luật Biên giới quốc gia của Việt Nam năm 2003 xác định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt phẳng thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần

đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Biên giới quốc gia của Việt Nam được xác định bằng hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa, được đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ và thể hiện bằng mặt phẳng thẳng đứng theo lãnh thổ Việt Nam. Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển, biên giới quốc gia trên không, biên giới quốc gia trong lòng đất.

Biên giới quốc gia trên đất liền là biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia. Trong thực tế, biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập dựa vào các yếu tố địa hình (núi, sông, suối, hồ nước, thung lũng ...); thiên văn (theo kinh tuyến, vĩ tuyến); hình học (đường nối liền các điểm quy ước). Biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập trên cơ sở thoả thuận giữa các quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp với nhau và được thể hiện bằng các điều ước hoạch định biên giới giữa các quốc gia liên quan. Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào và Campuchia ở phía Tây, phía Đông giáp Biển Đông.

Biên giới quốc gia trên biển là biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của lãnh hải. Biên giới quốc gia trên biển của quốc gia quần đảo là đường biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia với biển cả. Đối với các đảo của một quốc gia nằm ngoài phạm vi lãnh hải của quốc gia, biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải bao quanh đảo. Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam, được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Biên giới quốc gia trên không là biên giới phân định vùng trời giữa các quốc gia liền kề hoặc các vùng trời quốc tế, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời. Trong điều kiện khoa học và công nghệ phát triển, việc xác lập biên giới quốc gia trên không có ý nghĩa ngày càng quan trọng trong việc thực hiện chủ quyền đối với vùng trời quốc gia. Đến nay chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể của biên giới quốc gia trên không.

Biên giới quốc gia trong lòng đất là biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia trong lòng đất phía dưới vùng đất quốc gia, nội thủy và lãnh hải, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. Độ sâu cụ thể của biên giới quốc gia trong lòng đất được xác định bằng độ sâu mà kỹ thuật khoan có thể thực hiện. Đến nay, chưa có quốc gia nào quy định độ sâu cụ thể của biên giới quốc gia trong lòng đất.

Khu vực biên giới là vùng lãnh thổ tiếp giáp biên giới quốc gia có quy chế, quy định đặc biệt do Chính phủ ban hành nhằm bảo vệ an toàn biên giới. Khu vực biên giới Việt Nam bao gồm: khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền; khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên biển được tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo; khu vực biên giới quốc gia trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới Việt Nam trở vào.

2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được hình thành và phát triển trong quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; là sự kế thừa và phát triển mới Tổ quốc, đất nước, dân tộc và con người Việt Nam suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước trong điều kiện mới.

Lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia Việt Nam là một bộ phận hợp thành quan trọng, không thể tách rời của đất nước Việt Nam, của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự ổn định, bền chắc của đất nước Việt Nam. Chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là sự khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam, bao gồm cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong phạm vi lãnh thổ, gồm cả vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì vậy, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa không thể trọn vẹn và thành công nếu chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia không được xây dựng và bảo vệ tốt, bị xâm phạm.

2.2. Chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam

Lãnh thổ quốc gia Việt Nam là nơi sinh ra và lưu giữ, phát triển con người và những giá trị của dân tộc Việt Nam. Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ người Việt Nam đã phải đổ mồ hôi, xương máu mới xây dựng nên, mới giữ gìn, bảo vệ được lãnh thổ quốc gia toàn vẹn, thống nhất và tươi đẹp như ngày hôm nay. Nhờ đó mà con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam có thể tồn tại, sinh sống, vươn lên và phát triển một cách độc lập, bình đẳng với các quốc gia, dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế; những giá trị,

truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam được khẳng định, lưu truyền và phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu.

Chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam suốt chiều dài hàng ngàn năm lịch sử. Từ thừa Hùng Vương dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh, đứng trước những kẻ thù to lớn và hung bạo, dân tộc Việt Nam luôn có ý thức và quyết tâm bảo vệ. Dù phải trải qua hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ, phải chịu dưới ách đô hộ của các thế lực phong kiến, thực dân, đế quốc, người Việt Nam luôn phát cao hào khí anh hùng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc trong dựng nước và giữ nước, xây dựng và giữ gìn biên cương lãnh thổ quốc gia, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tư tưởng “Sông núi nước Nam vua Nam ở”, ý chí quyết tâm “Đánh cho nó phiến giáp bắt hoàn; đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ” của ông cha ta được tiếp nối, khẳng định và nâng lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia Việt Nam là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam quyết tâm giữ gìn và bảo vệ quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm đó. Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước”.

2.3. Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định; giải quyết các vấn đề tranh chấp thông qua đàm phán hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau

Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định là vấn đề đặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Quan điểm này phù hợp với lợi ích và luật pháp của Việt Nam, phù hợp với công ước và luật pháp quốc tế, cũng như lợi ích của các quốc gia có liên quan. Đảng và Nhà nước ta coi việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước.

Trong giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biển đảo và biên giới, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán thực hiện quan điểm giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

Về những vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên bộ, trên biển do lịch sử để lại, hoặc mới nảy sinh, Đảng và Nhà nước ta khẳng định: “Việt Nam luôn sẵn sàng thương lượng hoà bình để giải quyết một cách có lý, có tình”. Việt Nam ủng hộ việc giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong khu vực thông qua

đối thoại, thương lượng hoà bình, không sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực. Nhưng Việt Nam cũng sẵn sàng tự vệ chống lại mọi hành động xâm phạm lãnh thổ đất liền, vùng trời, vùng biển và lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Về vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, quan điểm nhất quán của Việt Nam là: Việt Nam khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý về vấn đề này. Tuy nhiên, vì lợi ích an ninh chung của các bên hữu quan, Việt Nam sẵn sàng đàm phán hoà bình để giải quyết, trước mắt là đạt tới sự thoả thuận về “Bộ quy tắc ứng xử” trong khi tiếp tục tìm kiếm giải pháp lâu dài cho vấn đề Biển Đông.

2.4. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang là nòng cốt

Xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta xác định xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Công dân Việt Nam phải làm đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia do pháp luật quy định. Đó là quan điểm cơ bản, đồng thời là nguyên tắc chỉ đạo trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia của Đảng và Nhà nước ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia. Nhà nước thống nhất quản lý việc xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia; có chính sách ưu tiên đặc biệt xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biên giới quốc gia.

Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, phối hợp với lực lượng Công an nhân dân, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

- Thực hiện tốt chính sách đối ngoại: Đa dạng hoá, đa phương hoá các hình thức hợp tác của các cấp, các ngành; làm tốt công tác đối ngoại nhân dân hai bên biên giới, giải quyết thoả đáng những tồn tại trong quan hệ biên giới với từng nước và các vấn đề về biên giới mới nảy sinh;

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các lực lượng từ Trung ương đến địa phương trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và an ninh biên giới.

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia Việt Nam.

Trách nhiệm của công dân Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia Việt Nam được quy định cụ thể trong Hiến pháp và luật. Điều 64, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi) quy định: “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân...Cơ quan, tổ chức, công dân phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.”. Điều 1, Luật Nghĩa vụ quân sự chỉ rõ: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của công dân. Công dân phải làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân”. Điều 10, Luật Biên giới quốc gia cũng xác định: “Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý”.

Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, mọi công dân Việt Nam phải:

- Nhận thức rõ nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia. Mọi công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nơi cư trú đều có nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia. Điều 11, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi) nêu rõ: “Mọi âm mưu và hành động chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội

chủ nghĩa đều bị nghiêm trị”. Đồng thời phải luôn nâng cao ý thức quốc phòng, an ninh, xây dựng ý thức, thái độ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc; có những hành động thiết thực góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, trước hết thực hiện nghiêm và đầy đủ Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quân sự, thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. “Công dân phải trung thành với Tổ quốc, làm nghĩa vụ quân sự, được giáo dục về quốc phòng và huấn luyện về quân sự; tham gia dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự; chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp của Nhà nước và người có thẩm quyền khi đất nước có tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng”.

Trách nhiệm của người học trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

- Không ngừng học tập, nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự chủ, tự lập, tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;

- Nhận thức rõ ý nghĩa thiêng liêng, cao quý và bất khả xâm phạm về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xác định rõ vinh dự và trách nhiệm của sinh viên trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Thực hiện tốt những quy định về chương trình giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối với sinh viên các trường cao đẳng, hoàn thành tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong thời gian học tập tại trường;

- Sẵn sàng tham gia các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi Nhà nước và người có thẩm quyền huy động, động viên. Sau khi tốt nghiệp, sẵn sàng tự nguyện, tự giác tham gia Quân đội nhân dân, Công an nhân dân khi Nhà nước yêu cầu. Tích cực, tự giác, tình nguyện tham gia xây dựng và phục vụ lâu dài tại các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần xây dựng khu vực biên giới, hải đảo vững mạnh, phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, thực hiện nghiêm chỉnh Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc suốt chiều dài hàng ngàn năm lịch sử, là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt

quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang là nòng cốt. Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Học sinh đang học tại các trường trung học chuyên nghiệp cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia đối với sự toàn vẹn, thống nhất lãnh thổ; quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia. Trên cơ sở đó, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ý thức trách nhiệm công dân, học tập tốt, thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia khi được giao.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là gì? Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia như thế nào?
2. Biên giới quốc gia là gì? Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia như thế nào?
3. Trình bày Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia?
4. Trình bày giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia?

BÀI 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

1.1.1. Khái niệm

Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hoá, đặc điểm tâm lý, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc. Khái niệm được hiểu:

- Các thành viên cùng dân tộc sử dụng một ngôn ngữ chung (tiếng mẹ đẻ) để giao tiếp nội bộ dân tộc. Các thành viên cùng chung những đặc điểm sinh hoạt văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc, như: Dân tộc Kinh, dân tộc Mường, dân tộc Thái...

- Dân tộc được hiểu theo nghĩa cộng đồng quốc gia dân tộc, là một cộng đồng chính trị - xã hội, được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ chung, như: Dân tộc Việt Nam, dân tộc Trung Hoa...

1.1.2. Tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới, quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc

- Tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới

Hiện nay, trước sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá kinh tế diễn ra mạnh mẽ, làm cho quan hệ giai cấp, dân tộc diễn biến phức tạp, khó lường. Như Đảng ta đã nhận định: trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn trong quan hệ giữa các dân tộc. Toàn cầu hoá và các vấn đề toàn cầu làm cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc tăng lên, thúc đẩy xu thế khu vực hoá. Đồng thời các dân tộc đề cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, chống can thiệp áp đặt và cường quyền.

Mặt khác, quan hệ dân tộc, sắc tộc hiện nay trên thế giới vẫn diễn ra rất phức tạp, nóng bỏng ở cả phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Mâu thuẫn, xung đột dân tộc, sắc tộc, xu hướng li khai, chia rẽ dân tộc đang diễn ra ở khắp các quốc gia, các khu vực, các châu lục trên thế giới... Đúng như Đảng ta nhận định : “Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, li khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp”. Vấn đề quan hệ dân tộc, sắc tộc đã gây nên những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường cho các quốc gia, đe dọa hoà bình, an ninh khu vực và thế giới.

- *Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc*

Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc:

+ Vấn đề dân tộc là những nội dung nảy sinh trong quan hệ giữa các dân tộc diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội tác động xấu đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc, các quốc gia dân tộc với nhau cần phải giải quyết.

Thực chất của vấn đề dân tộc là sự va chạm, mâu thuẫn lợi ích giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

+ Vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài. Bởi do dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau; do sự khác biệt về lợi ích; do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá, tâm lí; do tàn dư tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc; do thiếu sót, hạn chế trong hoạch định, thực thi chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước cầm quyền; do sự thống trị, kích động chia rẽ của các thế lực phản động đối với các dân tộc.

Vấn đề dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề dân tộc gắn kết chặt chẽ với vấn đề giai cấp. Giải quyết vấn đề dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của V.I.Lênin

Đó là các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc.

+ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng là các dân tộc không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp, đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực trong quan hệ giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc, và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế; xoá bỏ mọi hình thức áp bức, bóc lột dân tộc. Quyền bình đẳng dân tộc phải được pháp luật hoá và thực hiện trên thực tế. Đây là quyền thiêng liêng, là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết, xây dựng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc;

+ Các dân tộc được quyền tự quyết, là quyền làm chủ vận mệnh của mỗi dân tộc: quyền tự quyết định chế độ chính trị, con đường phát triển của dân tộc mình, bao gồm cả quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, phù hợp với lợi ích chính đáng của các dân tộc. Kiên quyết đấu tranh chống việc lợi dụng quyền tự quyết để can thiệp, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

+ Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là sự đoàn kết công nhân các dân tộc trong phạm vi quốc gia và quốc tế, và cả sự đoàn kết quốc tế của các dân tộc, các lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, giai cấp, quốc tế. Đây là nội dung vừa phản ánh bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, vừa phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, đảm bảo cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh và khả năng để giành thắng lợi.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc*

Trung thành với quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, bám sát thực tiễn cách mạng, đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm dân tộc đúng đắn, góp phần cùng toàn Đảng, lãnh đạo nhân dân ta giải phóng dân tộc; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh về nội dung toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng; đó là những luận điểm cơ bản chỉ đạo, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập dân tộc; xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam và giữa dân tộc Việt Nam với các quốc gia dân tộc trên thế giới.

+ Khi Tổ quốc bị thực dân Pháp xâm lược, đô hộ, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước, cùng Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà;

+ Khi Tổ quốc được độc lập, tự do, Người đã cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng mối quan hệ mới, tốt đẹp giữa các dân tộc: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển đi lên con đường ấm no, hạnh phúc. Người rất quan tâm chăm sóc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Khắc phục tàn dư tư tưởng phân biệt, kì thị dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi. Người quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc. Lên án, vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia dân tộc thống nhất gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Các dân tộc ở Việt Nam có đặc trưng sau:

1.2.1. Các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất.

Đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, do yêu cầu khách quan của công cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa dân tộc ta đã phải sớm đoàn kết thống nhất. Các dân tộc ở Việt Nam đều có chung cội nguồn, chịu ảnh hưởng chung của điều kiện tự nhiên, xã hội, chung vận mệnh dân tộc, chung lợi ích cơ bản - quyền được tồn tại, phát triển. Đoàn kết thống nhất đã trở thành giá trị tinh thần truyền thống quý báu của dân tộc, là sức mạnh để dân tộc ta tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước.

1.2.2. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là miền núi, biên giới, hải đảo.

Không có dân tộc thiểu số nào cư trú duy nhất trên một địa bàn mà không xen kẽ với một vài dân tộc khác. Nhiều tỉnh miền núi các dân tộc thiểu số chiếm đa số dân số như: Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu...

1.2.3. Các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng số dân của Việt Nam vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là 96.208.984 người. Trong đó, dân số nam là 47.881.061 người, chiếm 49,8%, dân số nữ là 48.327.923 người, chiếm 50,2%.

Trong tổng số 54 dân tộc tại Việt Nam, số người là dân tộc Kinh chiếm đa số (85,3%) với quy mô 82,1 triệu người. Trong 53 dân tộc thiểu số, 6 dân tộc có dân số trên 1 triệu người là: Tày, Thái, Mường, Mông, Khmer, Nùng (trong đó dân tộc Tày là dân tộc đông dân nhất với 1,85 triệu người); 11 dân tộc có dân số dưới 5000 người, trong đó Ô Đu là dân tộc có dân số thấp nhất (428 người).

Địa bàn sinh sống chủ yếu của nhóm dân tộc khác là vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Tại Trung du và miền núi phía Bắc, nhóm dân tộc khác chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số của vùng, chiếm 56,2%; tỷ lệ nhóm dân tộc khác ở Tây Nguyên là 37,7%.

Đến thời điểm Tổng điều tra năm 2019, có 16 tôn giáo được phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Tổng số có 13,2 triệu người theo tôn giáo, chiếm 13,7% tổng dân số cả nước. Trong đó, số người theo “Công giáo” là đông nhất với 5,9 triệu người, chiếm 44,6% tổng số người theo tôn giáo và chiếm 6,1% tổng dân số cả nước. Xếp thứ hai là số người theo “Phật giáo” với 4,6 triệu người, chiếm 35,0% những người theo tôn giáo và chiếm 4,8% dân số cả nước. Các tôn giáo còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ.

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau. Có dân tộc đã đạt trình độ phát triển cao, đời sống đã tương đối khá như dân tộc Kinh, Hoa, Tày, Mường, Thái..., nhưng cũng có dân tộc đời sống còn nhiều khó khăn như một số dân tộc ở Tây Bắc, Trường Sơn, Tây Nguyên...

1.2.4. Mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hoá riêng, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú, thống nhất của văn hoá Việt Nam.

Các dân tộc đều có sắc thái văn hoá về nhà cửa, ăn mặc, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và ý thức dân tộc riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của văn hoá Việt Nam. Đồng thời các dân tộc cũng có điểm chung thông nhất về văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức quốc gia dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc trưng của văn hoá các dân tộc ở Việt Nam.

2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.1.1. Khái niệm

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường, ảo tưởng phù hợp với tâm lí, hành vi của con người.

Trong đời sống xã hội, tôn giáo là một cộng đồng xã hội, với các yếu tố: Hệ thống giáo lí tôn giáo, nghi lễ tôn giáo, tổ chức tôn giáo với đội ngũ giáo sĩ và tín đồ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo.

- Phân biệt tôn giáo với mê tín dị đoan.

Mê tín dị đoan là những hiện tượng (ý thức, hành vi) cuồng vọng của con người đến mức mê muội, trái với lẽ phải và hành vi đạo đức, văn hoá cộng đồng, gây hậu quả tiêu cực trực tiếp đến đời sống vật chất tinh thần của cá nhân, cộng đồng xã hội. Đây là một hiện tượng xã hội tiêu cực, phải kiên quyết bài trừ, nhằm lành mạnh hoá đời sống tinh thần xã hội.

2.1.2. Nguồn gốc của tôn giáo

Các yếu tố *kinh tế - xã hội, nhận thức và tâm lý* là nguồn gốc quy định sự ra đời, tồn tại, biến đổi của tôn giáo.

- Nguồn gốc kinh tế - xã hội: Trong xã hội nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối, lệ thuộc và bất lực trước tự nhiên. Vì vậy họ đã gán cho tự nhiên những lực lượng siêu tự nhiên có sức mạnh, quyền lực to lớn, quyết định đến cuộc sống của họ, và họ phải tôn thờ.

Khi xã hội có giai cấp đối kháng, nạn áp bức, bóc lột, bất công của giai cấp thống trị đối với nhân dân lao động là nguồn gốc nảy sinh tôn giáo. V.I.Lênin đã viết: "Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên để ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia...". Hiện nay, con người vẫn chưa hoàn toàn làm chủ tự nhiên và xã hội; các cuộc xung đột giai cấp, dân tộc, tôn giáo, thiên tai, bệnh tật, ... vẫn còn diễn ra, nên vẫn còn nguồn gốc để tôn giáo tồn tại.

- Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo: Tôn giáo bắt nguồn từ sự nhận thức hạn hẹp, mơ hồ về tự nhiên, xã hội có liên quan đến đời sống, số phận của con người. Con người đã gán cho nó những sức mạnh siêu nhiên, tạo ra các biểu tượng tôn giáo. Mặt khác, trong quá trình biện chứng của nhận thức, con người nảy sinh những yếu tố suy diễn, tưởng tượng xa lạ với hiện thực khách quan, hình thành nên các biểu tượng tôn giáo.

- Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo: Tình cảm, cảm xúc, tâm trạng lo âu, sợ hãi, buồn chán, tuyệt vọng đã dẫn con người đến sự khuất phục, không làm chủ được bản thân là cơ sở tâm lý để hình thành tôn giáo. Dưới chủ nghĩa tư bản, V.I.Lênin nhấn mạnh: "Sự sợ hãi trước thế lực mù quáng của chủ nghĩa tư bản... sự phá sản "đột ngột", "bất ngờ", "ngẫu nhiên" làm cho họ phải diệt vong, biến họ thành người ăn xin..., đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại...". Mặt khác, lòng biết ơn, sự tôn kính đối với những người có công khai phá tự nhiên và chống lại các thế lực áp bức trong tình cảm, tâm lí con người cũng là cơ sở để tôn giáo nảy sinh.

2.1.3. Tính chất của tôn giáo

Cũng như các hình thái ý thức xã hội khác, tôn giáo có tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.

- Tính lịch sử của tôn giáo: Tôn giáo ra đời, tồn tại và biến đổi phản ánh và phụ thuộc vào sự vận động, phát triển của tồn tại xã hội. Tôn giáo còn tồn tại rất lâu dài, nhưng sẽ mất đi khi con người làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Tính quần chúng của tôn giáo: Tôn giáo phản ánh khát vọng của quần chúng bị áp bức về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái (dù đó là hư ảo). Tôn giáo đã trở thành nhu cầu tinh thần, đức tin, lối sống của một bộ phận dân cư. Hiện nay, một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân tin theo các tôn giáo.

- Tính chính trị của tôn giáo: Xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp. Giai cấp thống trị lợi dụng tôn giáo làm công cụ hỗ trợ để thống trị áp bức bóc lột và mê hoặc quần chúng. Những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang xảy ra, thực chất vẫn là xuất phát từ lợi ích của những lực lượng xã hội khác nhau lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình.

2.1.4. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

- Tình hình tôn giáo trên thế giới

Theo Từ điển Bách khoa Tôn giáo thế giới, hiện nay trên thế giới có tới 20.000 tôn giáo khác nhau, trong đó khoảng 2000 tôn giáo có hơn 1 triệu tín đồ. Những tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay gồm có: Kitô giáo (bao gồm Công giáo, Tin Lành, Anh giáo hay Chính thống giáo) có khoảng 2 tỉ tín đồ, chiếm 33% dân số thế giới; Hồi giáo: 1,2 tỉ tín đồ, chiếm 22% dân số thế giới; Ấn Độ giáo: 786 triệu tín đồ, chiếm 15% dân số thế giới và Phật giáo: 362 triệu, chiếm 6% dân số thế giới, các tôn giáo mới 102 triệu. Như vậy, chỉ tính các tôn giáo lớn đã có 4,4 tỉ người tin theo, chiếm 75% dân số thế giới.

Trong những năm gần đây hoạt động của các tôn giáo khá sôi động, diễn ra theo nhiều xu hướng. Các tôn giáo đều có xu hướng mở rộng ảnh hưởng ra toàn cầu; các tôn giáo cũng có xu hướng dân tộc hoá, bình dân hoá, mềm hoá các giới luật lễ nghi để thích nghi, tồn tại, phát triển trong từng quốc gia dân tộc; các tôn giáo cũng tăng các hoạt động giao lưu, thực hiện thêm các chức năng phi tôn giáo theo hướng thế tục hoá, tích cực tham gia các hoạt động xã hội để mở rộng ảnh hưởng làm cho sinh hoạt tôn giáo đa dạng, sôi động và không kém phần phức tạp.

- Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

Giải quyết vấn đề tôn giáo là một quá trình lâu dài gắn với quá trình phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Để giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, cần thực hiện các vấn đề có tính nguyên tắc sau:

+ Giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới xã hội xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, chỉ có thể giải phóng quần chúng khỏi ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo bằng cách từng bước giải quyết nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Đó phải là kết quả của sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới một cách toàn diện. Theo đó, giải quyết vấn đề tôn giáo phải sử dụng tổng hợp các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực nhằm xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói, dốt nát. Tuyệt đối không được sử dụng mệnh lệnh hành chính cưỡng chế để tuyên chiến, xoá bỏ tôn giáo.

+ Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân, kiên quyết bài trừ mê tín dị đoan.

Trong chủ nghĩa xã hội, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, còn tồn tại lâu dài. Bởi vậy, phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Nội dung cơ bản của quyền tự do tín ngưỡng là: Bất kì ai cũng được tự do theo tôn giáo mà mình lựa chọn, tự do không theo tôn giáo, tự do chuyển đạo hoặc bỏ đạo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho mọi công dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Mọi tổ chức và cá nhân đều phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Tôn trọng gắn liền với không ngừng tạo điều kiện cho quần chúng tiến bộ mọi mặt, bài trừ mê tín dị đoan, bảo đảm cho tín đồ, chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật.

+ Quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

Tôn giáo có tính lịch sử, nên vai trò, ảnh hưởng của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội cũng thay đổi theo sự biến đổi của tồn tại xã hội. Bởi vậy, khi xem xét, đánh giá, giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo cần phải quán triệt quan điểm lịch sử, cụ thể, tránh giáo điều, máy móc, rập khuôn cứng nhắc. Những hoạt động tôn giáo đúng pháp luật được tôn trọng, hoạt động ích nước lợi dân được khuyến khích, hoạt động trái pháp luật, đi ngược lại lợi ích dân tộc bị xử lí theo pháp luật.

+ Phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo.

Trong xã hội, sinh hoạt tôn giáo tồn tại hai loại mâu thuẫn: Mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp bóc lột và thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động, đó là mặt chính trị của tôn giáo. Mâu thuẫn không đối kháng giữa những người có tín ngưỡng khác nhau hoặc giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng, đó là mặt tư tưởng của tôn giáo.

Cho nên, một mặt phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, mặt khác phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động của các thế lực lợi dụng tôn giáo. Việc phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo nhằm: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết

quần chúng nhân dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo; Phát huy tinh thần yêu nước của những chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo; Kiên quyết vạch trần và xử lý kịp thời theo pháp luật những phần tử lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng.

2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo và nhiều người tin theo các tôn giáo. Hiện nay, Nhà nước ta công nhận tư cách pháp nhân của 13 tôn giáo, các tôn giáo lớn như: Phật giáo khoảng 10 triệu tín đồ, Công giáo khoảng 6,1 triệu, Tin Lành khoảng 1,5 triệu, Cao Đài 2,4 triệu, Hoà Hảo 1,2 triệu, Hồi giáo khoảng 100 ngàn. Tổng cộng số tín đồ lên tới hơn 25 triệu người, chiếm hơn ¼ dân số cả nước. Có người cùng lúc tham gia nhiều hành vi tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Trong những năm gần đây các tôn giáo đẩy mạnh hoạt động nhằm phát triển tổ chức, phát huy ảnh hưởng trong đời sống tinh thần xã hội. Các giáo hội đều tăng cường hoạt động mở rộng ảnh hưởng, thu hút tín đồ; tăng cường quan hệ với các tổ chức tôn giáo thế giới. Các cơ sở tôn giáo được tu bổ, xây dựng mới khang trang đẹp đẽ; các lễ hội tôn giáo diễn ra sôi động ở nhiều nơi.

Tuy nhiên tình hình tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Vẫn còn có chức sắc, tín đồ mang tư tưởng chống đối, cực đoan, quá khích gây tổn hại đến lợi ích dân tộc; vẫn còn các hoạt động tôn giáo xen lẫn với mê tín dị đoan, còn các hiện tượng tà giáo hoạt động làm mất trật tự an toàn xã hội.

Các thế lực thù địch vẫn luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng gắn vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” với cái gọi là “tự do tôn giáo” để chia rẽ tôn giáo, dân tộc; tài trợ, xúi giục các phần tử xấu trong các tôn giáo truyền đạo trái phép, lôi kéo các tôn giáo vào những hoạt động trái pháp luật, gây mất ổn định chính trị.

3. Quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng, Nhà nước

Trong các giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn có quan điểm nhất quán: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”. Công tác dân tộc ở nước ta hiện nay, Đảng, Nhà nước ta khái quát trên mấy vấn đề chính sau:

- *Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.*

Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

Trong những năm qua tập trung trợ giúp đồng bào nghèo, các dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, như tình trạng thiếu lương thực, thiếu nước sinh hoạt, nhà ở tạm bợ, không đủ tư liệu sản xuất, dụng cụ sinh hoạt tối thiểu; xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở và vấn đề tranh chấp đất đai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở Tây Nguyên, Tây Bắc và vùng đồng bào dân tộc Khmer ở Tây Nam Bộ. Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới. Tất cả công việc này đều được xây dựng trên nguyên tắc đoàn kết dân tộc.

- Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số.

Do lịch sử để lại, hiện nay giữa các dân tộc ở nước ta vẫn còn tình trạng phát triển không đều. Tương trợ giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển là một tất yếu khách quan trong một quốc gia đa dân tộc. Đảng và Nhà nước ta coi trọng tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc là một nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Kiên toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở; kiên quyết khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân của một số cán bộ; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, luân chuyển cán bộ. Đẩy mạnh phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, phát huy sức mạnh tại chỗ để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra những “điểm nóng” về an ninh, trật tự xã hội ở vùng dân tộc và miền núi. Tiếp tục xây dựng, phát triển nhanh các khu kinh tế kết hợp quốc phòng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tích cực, chủ động tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương. Thông qua các chính sách, biện pháp cụ thể, động viên đồng bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực tự cường, tinh thần vươn lên trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng

ta khẳng định: Tôn giáo còn tồn tại lâu dài, còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; tôn giáo có những giá trị văn hoá, đạo đức tích cực phù hợp với xã hội mới; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác tôn giáo vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng.

Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Về chính sách tôn giáo, Đảng ta khẳng định: “Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của nhân dân”.

3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Để vô hiệu hoá sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam của các thế lực thù địch thì giải pháp chung cơ bản nhất là thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế - xã hội, mà trực tiếp là chính sách dân tộc, tôn giáo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc, các tôn giáo, củng cố xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hiện nay, cần tập trung vào những giải pháp cơ bản, cụ thể sau:

- Ra sức tuyên truyền, quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; về âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch cho toàn dân

Đây là giải pháp đầu tiên, rất quan trọng. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức, tư tưởng của cả hệ thống chính trị, của toàn dân mà trực tiếp là của đồng bào các dân tộc, tôn giáo về các nội dung trên, thì chúng ta mới thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, vô hiệu hoá được sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

Nội dung tuyên truyền giáo dục phải mang tính toàn diện, tổng hợp. Hiện nay cần tập trung vào phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, tôn giáo, chính sách dân tộc, tôn giáo cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước, khơi dậy lòng tự tôn tự hào dân tộc, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để đồng bào hiểu rõ âm mưu thủ đoạn chia rẽ dân tộc, tôn giáo, lương giáo của các thế lực thù địch, để đồng bào đề cao cảnh giác không bị chúng lừa gạt lôi kéo lợi dụng. Vận động đồng bào các dân tộc, tôn giáo đạo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, thực hiện đúng chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo.

- Tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội

Đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nội lực, tạo nên sức đề kháng trước mọi âm mưu thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù. Cần tuân thủ những vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải dựa trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện đại đoàn kết phải rộng rãi, lâu dài. Mở rộng, đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Kiên quyết đấu tranh loại trừ nguy cơ phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Riêng đối với vấn đề dân tộc, tôn giáo, trước tiên cần phải thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, các tôn giáo. Chống kì thị chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, tự ti mặc cảm dân tộc, tôn giáo. Chủ động giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc, tôn giáo, bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Đây là tiền đề quan trọng để vô hiệu hoá sự chống phá của kẻ thù.

- Chăm lo nâng cao đời sống vật chất tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Đây cũng là một trong những giải pháp quan trọng, xét đến cùng có ý nghĩa nền tảng để vô hiệu hoá sự lợi dụng của kẻ thù

Khi đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, đồng bào sẽ đoàn kết, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt quyền lợi, nghĩa vụ công dân thì không kẻ thù nào có thể lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam.

Bởi vậy, phải đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả các chương trình, dự án ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội miền núi vùng dân tộc, vùng tôn giáo tạo mọi điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc, các tôn giáo nhanh chóng xoá đói giảm nghèo nâng cao dân trí, sức khoẻ, bảo vệ bản sắc văn hoá các dân tộc. Khắc phục sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc, các tôn giáo; sự kì thị, chia rẽ dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng đoàn kết các dân tộc các

tôn giáo phải bằng các những hành động thiết thực cụ thể như: ưu tiên đầu tư sức lực tiền của giúp đồng bào phát triển sản xuất.

- Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị; của những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo tham gia vào phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

Tích cực xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc, vùng tôn giáo. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ cả cán bộ lãnh đạo quản lý và cán bộ chuyên môn kỹ thuật, giáo viên là người dân tộc thiểu số, người có tôn giáo Bởi đây là đội ngũ cán bộ sở tại có rất nhiều lợi thế trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo. Đổi mới công tác dân vận vùng dân tộc, tôn giáo theo phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, vững chắc; sử dụng nhiều phương pháp phù hợp với đặc thù từng dân tộc, từng tôn giáo.

- Chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, kịp thời giải quyết tốt các điểm nóng

Cần thường xuyên vạch trần bộ mặt phản động của kẻ thù để nhân dân nhận rõ và không bị lừa bịp. Đồng thời, vận động, bảo vệ đồng bào các dân tộc, tôn giáo để đồng bào tự vạch mặt bọn xấu cùng những thủ đoạn xảo trá của chúng. Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong cuộc đấu tranh này.

Kịp thời chủ động giải quyết tốt các điểm nóng liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo. Chủ động, kịp thời phát hiện, dập tắt mọi âm mưu, hành động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo kích động lôi kéo đồng bào gây bạo loạn. Khi xuất hiện điểm nóng, cần tìm rõ nguyên nhân, biện pháp giải quyết kịp thời, không để lan rộng, không để kẻ thù lấy cớ can thiệp; xử lý nghiêm minh theo pháp luật những kẻ cầm đầu, ngoan cố chống phá cách mạng. Đồng thời, kiên trì thuyết phục vận động những người nhẹ dạ, cả tin nghe theo kẻ xấu quay về với cộng đồng; đối xử khoan hồng, độ lượng, bình đẳng với những người lầm lỗi đã ăn năn hối cải, phục thiện.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về vấn đề dân tộc?
2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về vấn đề tôn giáo?
3. Trình bày một số giải pháp nâng cao khối đại đoàn kết toàn dân đối với đồng bào dân tộc, tôn giáo?

BÀI 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự. (*Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017*)

Phòng ngừa tội phạm là việc các cơ quan của Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều biện pháp nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế và làm giảm từng bước, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

1.2. Nội dung, nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

1.2.1. Nghiên cứu, xác định rõ các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội

Để phòng ngừa có hiệu quả tội phạm đòi hỏi các cơ quan chức năng phải xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm xây dựng chiến lược phòng ngừa phù hợp.

Những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm hiện nay bao gồm:

- Sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường: Nền kinh tế thị trường, bên cạnh những mặt ưu điểm cũng bộc lộ nhiều mặt trái trở thành những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm:

+ Mặt trái nền kinh tế thị trường hình thành lối sống hưởng thụ xa hoa, truy; làm xuống cấp nhiều mặt về văn hoá, đạo đức, lối sống làm mất đi truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc;

+ Nền kinh tế thị trường đẩy mạnh tốc độ phân tầng xã hội, tạo ra sự phân hoá giàu nghèo sâu sắc, một bộ phận giàu lên nhanh chóng trong đó có một số người làm giàu bất chính từ đó dẫn đến phạm tội, mặt khác không ít người không có tư liệu sản xuất phải ra thành phố, thị xã làm thuê kiếm sống bị tác động bởi những hiện tượng tiêu cực dễ dẫn đến phạm tội;

- Tác động trực tiếp, toàn diện của những hiện tượng xã hội tiêu cực do chế độ cũ để lại:

+ Hậu quả của chế độ thực dân, đế quốc cùng với chiến tranh kéo dài trong nhiều năm đã phá hoại cơ sở vật chất, hình thành lối sống hưởng thụ, tư tưởng tham lam, ích kỷ, sa đọa truy lạc trong một bộ phận nhân dân;

+ Những tác động tiêu cực, tàn dư của chế độ xã hội cũ còn tồn tại lâu dài tác động vào đời sống xã hội làm nảy sinh các hiện tượng tiêu cực trong đó có tội phạm.

- Sự thâm nhập ảnh hưởng của tội phạm, tệ nạn xã hội của các quốc gia khác;

- Những hạn chế trong các mặt công tác quản lý nhà nước về con người, văn hoá, kinh doanh ...;

- Những hạn chế trong giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ văn hoá của người dân;

- Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, việc thực thi pháp luật có lúc còn kém hiệu quả, một số chính sách về kinh tế, xã hội chậm đổi mới tạo sơ hở cho tội phạm hoạt động phát triển. Sự chậm đổi mới chủ trương chính sách về kinh tế xã hội và pháp luật đã bộc lộ những sơ hở khiến cho một số đối tượng lợi dụng để hoạt động phạm tội;

- Công tác đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan chức năng nói chung và của ngành công an nói riêng, có lúc còn bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu sót; thể hiện trên các mặt:

+ Trình độ nghiệp vụ, pháp luật của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến hữu khuynh né tránh, thậm chí có một số cán bộ biến chất, tiếp tay cho tội phạm, buông lỏng công tác đấu tranh trấn áp tội phạm;

+ Mối quan hệ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa thực sự đồng bộ, thiếu thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, giáo dục, cải tạo phạm nhân. Hoạt động trao đổi thông tin giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật còn chưa tốt;

+ Hoạt động điều tra, xử lý tội phạm có lúc chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao, xử lý chưa nghiêm minh;

+ Hệ thống tổ chức bộ máy, phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật và trong nội bộ từng cơ quan chưa thực sự khoa học, hiệu quả vận hành chưa cao.

- Công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự còn bộc lộ nhiều hạn chế. Công tác giáo dục cải tạo đôi khi chưa xoá bỏ được tư tưởng phạm tội của các đối tượng, số đối tượng phạm tội trở lại còn nhiều;

- Phong trào quần chúng tham gia đấu tranh chống tội phạm ở một số nơi chưa thực sự mạnh mẽ, chưa hiệu quả, chưa phát huy được sức mạnh của quần chúng trong công tác giáo dục, cải tạo và tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội.

1.2.2. Nghiên cứu, soạn thảo đề ra các chủ trương, giải pháp, biện pháp thích hợp nhằm từng bước xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm

Tuỳ thuộc vào nguyên nhân, điều kiện cụ thể của tình trạng phạm tội trên các lĩnh vực đề soạn thảo đề xuất các biện pháp đấu tranh xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm cho phù hợp, bao gồm: Các giải pháp phát triển kinh tế và các giải pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Phòng ngừa tội phạm kết hợp với thực hiện các chính sách xã hội phù hợp với các địa phương cụ thể;

- Nhà nước phải xây dựng chương trình quốc gia phòng chống tội phạm nói chung, đảm bảo các yêu cầu, nội dung sau: Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, sử dụng đồng bộ hệ thống, các biện pháp phòng ngừa, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành, của công dân;

- Mỗi cấp, mỗi ngành phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để xây dựng và tổ chức chương trình hành động cụ thể phòng chống tội phạm;

- Mỗi công dân phải nhận thức rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong công tác phòng ngừa tội phạm;

- Nhà nước, chính quyền các cấp phải thường xuyên kiểm tra, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần nhằm duy trì và đẩy mạnh công tác phòng chống tội phạm.

1.2.3. Tổ chức tiến hành các hoạt động phòng chống tội phạm

Các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể của mình để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động phòng ngừa tội phạm.

- Chính quyền các cấp tổ chức triển khai thực hiện chương trình phòng ngừa tội phạm nhằm khắc phục nguyên nhân, điều kiện của tội phạm ở mỗi cấp;

- Các Bộ, ngành triển khai chương trình phòng ngừa tội phạm nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm có liên quan đến hoạt động của mình;

- Từng hộ gia đình, mỗi cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm.

1.2.4. Tổ chức tiến hành các hoạt động phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm

Các cơ quan chức năng có nhiệm vụ tiến hành phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật có trách nhiệm: chủ động phối kết hợp với các lực lượng có liên quan kịp thời phát hiện các thông tin về tội phạm và có liên quan đến tội phạm; tổ chức điều tra làm rõ các hành vi phạm tội, con người kẻ phạm tội, làm rõ những vấn đề cần chứng minh theo yêu cầu của pháp luật, phục vụ xử lý tội phạm; các cơ quan truy tố, xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội để xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo tính

ng nghiêm minh của pháp luật, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội.

1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

1.3.1. Chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm

- Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp:

Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tiến hành phòng ngừa tội phạm trên các phương diện sau:

+ Chủ động, kịp thời ban hành các đạo luật, nghị quyết, các văn bản pháp lý về phòng chống tội phạm, từng bước hoàn thiện pháp luật, làm cơ sở cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, mỗi công dân làm tốt công tác phòng chống tội phạm;

+ Thành lập các uỷ ban, các tiểu ban giúp cho Quốc hội soạn thảo ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh chống tội phạm nói chung;

+ Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói riêng của các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội;

+ Hội đồng nhân dân địa phương ra các Nghị quyết về phòng chống tội phạm ở địa phương mình.

- Chính phủ và Uỷ ban nhân dân các cấp:

Chức năng chính của Chính phủ và Uỷ ban nhân dân các cấp trong phòng chống tội phạm là quản lý, điều hành, phối hợp, đảm bảo các điều kiện cần thiết, thể hiện:

+ Cụ thể hoá các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thành những văn bản pháp qui hướng dẫn, tổ chức các lực lượng phòng chống tội phạm;

+ Phối hợp giữa cơ quan công an với kiểm sát, tòa án để tiến hành hoạt động phòng chống tội phạm;

+ Phối hợp tiến hành đồng bộ hoạt động giữa các chủ thể khác nhau thuộc cấp mình quản lý theo kế hoạch thống nhất;

+ Đảm bảo các điều kiện vật chất cho hoạt động phòng chống tội phạm như: Ngân sách, phương tiện, điều kiện làm việc;

+ Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ và phối hợp điều chỉnh hoạt động phòng chống tội phạm đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

+ Đề ra các biện pháp nhằm động viên, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia hoạt động phòng chống tội phạm như: Khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

- Các cơ quan quản lý kinh tế, văn hoá, giáo dục, dịch vụ, du lịch trong phạm vi tổ chức hoạt động chuyên môn:

+ Phát hiện những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh phát triển tội phạm thuộc lĩnh vực mình quản lý;

+ Đề ra những quy định thích hợp, tham mưu cho Nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách đúng đắn góp phần khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm;

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án phòng ngừa tội phạm trong phạm vi cơ quan có hiệu quả;

+ Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, làm tốt công tác phòng chống trong nội bộ, ngoài xã hội theo chương trình chung của Chính phủ.

- Các tổ chức chính trị - xã hội

+ Tăng cường công tác tham mưu cho cấp ủy, phối hợp của chính quyền chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tội phạm;

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động về công tác phòng, chống tội phạm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc chấp hành pháp luật ở cộng đồng dân cư;

+ Xây dựng và củng cố các mô hình đảm bảo về an ninh, trật tự tại địa bàn dân cư; củng cố hệ thống tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác tội phạm ở khu dân cư; tổ chức các hình thức lấy ý kiến nhân dân thông qua các kênh đối thoại về tình hình an ninh, trật tự;

+ Hướng dẫn các kỹ năng, biện pháp cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ người phạm tội tại cộng đồng;

+ Phối hợp xây dựng cơ chế đào tạo nghề, giải quyết việc làm, ghi nhận người có công khi tham gia phát hiện tố giác tội phạm;

+ Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia công tác phòng, chống tội phạm ở xã, phường, thị trấn và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư;

+ Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội về lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn dân cư. Hàng năm phối hợp tổ chức hiệu quả ngày hội “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, các đợt cao điểm toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm và ký cam kết không vi phạm pháp luật; thực hiện tốt việc sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng;

+ Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Các tổ chức xã hội, các tổ chức quần chúng tự quản:

+ Phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn soạn thảo, tham gia kế hoạch phòng ngừa tội phạm;

+ Tuyên truyền cho hội viên thấy được tính chất, thủ đoạn hoạt động của tội phạm nâng cao ý thức cảnh giác;

+ Trực tiếp huy động các hội viên tham gia chương trình phòng chống tội phạm nói chung của Chính phủ trong phạm vi địa phương, nội bộ hiệp hội của mình.

- Các cơ quan bảo vệ pháp luật:

Nghiên cứu, phân tích tình trạng phạm tội, xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, soạn thảo đề xuất các biện pháp phòng chống thích hợp. Sử dụng các biện pháp luật định và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng, trực tiếp tiến hành các hoạt động phòng chống tội phạm.

+ Công an: Trực tiếp tổ chức, triển khai các hoạt động phòng chống tội phạm theo hai hướng: Tham gia phòng chống xã hội (phòng chống chung) và trực tiếp tiến hành toàn diện hoạt động phòng chống nghiệp vụ, điều tra tội phạm;

+ Viện kiểm sát: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, giữ quyền công tố;

+ Toà án các cấp: Thông qua hoạt động xét xử các vụ án đảm bảo công minh, đúng pháp luật; phát hiện những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để Chính phủ, các ngành, các cấp kịp thời có biện pháp ngăn chặn, loại trừ.

- Công dân:

Công dân có nghĩa vụ và quyền lợi trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự. Công dân với tư cách là chủ thể trong phòng chống tội phạm phải quán triệt:

+ Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, tích cực tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm;

+ Tích cực, chủ động phát hiện mọi hoạt động của tội phạm và thông báo cho các cơ quan chức năng;

+ Tham gia nhiệt tình vào công tác giáo dục, cảm hoá các đối tượng có liên quan đến hoạt động phạm tội tại cộng đồng dân cư;

+ Phối hợp tham gia, giúp đỡ các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện tốt chương trình “Quốc gia phòng chống tội phạm”. Thực hiện tốt các phong trào: “Toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, tố giác tội phạm, cảm hoá giáo dục người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư”, làm tốt công tác tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội khi trở về địa phương;

+ Trực tiếp làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ngay trong phạm vi gia đình (quản lý, giáo dục các thành viên trong gia đình).

1.3.2. Nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

- Nhà nước quản lý, kết hợp giữa chủ động phòng ngừa với chủ động liên tục tiến công, tuân thủ pháp luật, phối hợp và cụ thể, dân chủ, nhân đạo, khoa học và tiến bộ;

- Bảo đảm đúng điều kiện, trình tự, thủ tục, hình thức, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Tiến hành thường xuyên, liên tục, lấy phòng chống là chính, chủ động, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh mọi vi phạm;

- Tôn trọng, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền gây ra trong hoạt động phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao phải được bồi thường theo quy định của pháp luật.

1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

1.4.1. Trách nhiệm của nhà trường

- Xây dựng nhà trường trong sạch, lành mạnh không có các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội và tội phạm; Bảo đảm môi trường học tập, sinh hoạt an toàn và lành mạnh cho học sinh, sinh viên và mọi người trong trường;

- Thực hiện đầy đủ chương trình phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong nhà trường; tuyên truyền giáo dục phòng chống tội phạm cho học sinh, sinh viên;

- Phát động các phong trào trong nhà trường hưởng ứng các cuộc vận động toàn dân tham gia phòng chống tội phạm với nội dung, hình thức phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường;

- Phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an và các cơ quan liên quan trong việc phòng ngừa tội phạm trong và ngoài nhà trường.

1.4.2. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên

- Không ngừng học tập nâng cao kiến thức, ý thức pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật cho mọi người trong đó có vấn đề phòng chống tội phạm;

- Chấp hành nghiêm chỉnh những nội quy, quy định của nhà trường;

- Phát hiện và cung cấp nhanh chóng các thông tin về tội phạm cho cơ quan công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền;

- Tham gia các hoạt động phòng ngừa tội phạm trong và ngoài nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.1.1. Khái niệm

Tệ nạn xã hội là một hiện tượng xã hội tiêu cực, có tính phổ biến, biểu hiện bằng những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng.

- Tệ nạn xã hội là những hành vi sai lệch chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội, như: Thói hư, tật xấu; phong tục tập quán cổ hủ, lạc hậu và nếp sống xa đọa trụy lạc, mê tín đồng bóng, bói toán...

- Bản chất của tệ nạn xã hội là xấu xa, trái với nếp sống văn minh, trái với đạo đức, bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tệ nạn xã hội là biểu hiện cụ thể của lối sống thực dụng, coi thường các chuẩn mực đạo đức, xã hội và pháp luật, làm xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc, phá vỡ tình cảm, hạnh phúc gia đình, phá hoại nhân cách, phẩm giá con người, ảnh hưởng đến kinh tế, sức khoẻ, năng suất lao động, làm băng hoại giống nòi dân tộc... là con đường dẫn đến tội phạm.

2.1.2. Mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội

- Ngăn ngừa chặn đứng không để cho tệ nạn xã hội phát sinh, phát triển, lan rộng trên địa bàn, trong xã hội;

- Từng bước xóa bỏ dần những nguyên nhân điều kiện của tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng đời sống văn hoá lành mạnh, bảo vệ thuần phong mỹ tục của dân tộc;

- Phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm minh những hành vi hoạt động tệ nạn xã hội góp phần giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

2.1.3. Đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

- Có tính lây lan nhanh trong xã hội;

- Tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức; đối tượng tham gia rất đa dạng và phức tạp về thành phần;

- Các đối tượng hoạt động có nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi để đối phó với lực lượng chức năng và che mắt quần chúng nhân dân thường cấu kết với nhau thành đường dây, ổ nhóm;

- Tệ nạn xã hội thường có quan hệ chặt chẽ với tội phạm hình sự, các hiện tượng tiêu cực xã hội khác và có sự chuyển hoá lẫn nhau;

- Địa bàn tập trung hoạt động thường là những nơi tập trung đông người, các khu công nghiệp, du lịch những nơi trình độ của quần chúng nhân dân còn lạc hậu thấp kém, và công tác quản lý xã hội còn nhiều sơ hở thiếu sót.

2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

Công tác phòng chống tệ nạn xã hội là quá trình Nhà nước cùng các ngành, các cấp các đoàn thể tổ chức xã hội và mọi công dân (trong đó lực lượng công an là nòng cốt) tiến hành đồng bộ các biện pháp nhằm phát hiện, ngăn chặn, loại trừ các tệ nạn xã hội.

Đấu tranh loại trừ tệ nạn ra khỏi đời sống xã hội phải có sự tham gia của các cấp, các ngành, của toàn thể xã hội. Trong đó, lực lượng cơ sở có một vai trò, vị trí rất quan trọng. Đây là lực lượng chủ công, nòng cốt tuyên truyền, hướng dẫn quần chúng nhân dân và trực tiếp thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các biện pháp theo chức năng, nhiệm vụ của mình để phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn.

2.2.1. Chủ trương, quan điểm

Nghiêm cấm mọi hình thức hoạt động tệ nạn xã hội, xử lý thích đáng những tên hoạt động chuyên nghiệp, hoạt động có tổ chức, những tên cầm đầu hoặc tổ chức lôi kéo người khác đi vào con đường hoạt động tệ nạn xã hội. Chủ động phòng ngừa ngăn chặn không để tệ nạn xã hội lây lan phát triển gây tác hại đến đời sống nhân dân và trật tự xã hội. Giáo dục cải tạo những người mắc tệ nạn xã hội làm cho họ trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Quan điểm trên được thể hiện trên các mặt cụ thể sau:

- Phòng ngừa là cơ bản, lồng ghép và kết hợp chặt chẽ công tác phòng chống tệ nạn xã hội với các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương

Đây là phương hướng cơ bản nhất, vừa thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, mang ý nghĩa kinh tế, vừa phù hợp với đạo đức, phong tục tập quán của dân tộc.

Để có thể giải quyết, bài trừ triệt để tệ nạn xã hội đòi hỏi phải khắc phục từng bước những yếu kém, tồn tại của nền kinh tế xã hội, phải thực hiện đồng bộ các chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, lồng ghép, gắn kết công tác phòng chống tệ nạn xã hội với các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương như chính sách về lao động, việc làm, nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân, các chính sách về văn hoá, giáo dục nhằm điều chỉnh việc xây dựng các chuẩn mực xã hội và định hướng giá trị xã hội lành mạnh, phát huy và kế thừa các phẩm chất đạo đức truyền thống tốt đẹp v.v. Đẩy mạnh chương trình “xóa đói giảm nghèo”, “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” nhằm từng bước ngăn chặn, loại trừ, xoá bỏ tệ nạn xã hội trên địa bàn.

- Công tác phòng chống tệ nạn xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội, phải được triển khai đồng bộ ở các cấp, các ngành, trong đó lấy phòng chống từ gia đình, cơ quan, đơn vị, trường học làm cơ sở

Trong công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội thì Chính quyền, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể ở cơ sở và gia đình giữ một vai trò rất quan trọng. Đây là lực lượng trực tiếp thực hiện, biến những chủ trương, chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước về phòng chống tệ nạn xã hội thành hiện thực. Là nơi thực hiện các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước về xây dựng đời sống văn hoá mới ở khu dân cư, góp phần đẩy lùi và bài trừ tệ nạn xã hội. Do đó cần xác định đúng vai trò của nhà trường trong đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội.

- *Kết hợp chặt chẽ giữa việc xử lý nghiêm khắc với việc cảm hoá, giáo dục, cải tạo đối với những đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội*

Xử lý nghiêm minh những đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội chuyên nghiệp, những đối tượng chủ chứa, tổ chức, môi giới, cầm đầu trong các đường dây, ô nhóm hoạt động tệ nạn xã hội, cần tích cực, kiên trì cũng như quan tâm tạo các điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần để động viên, giáo dục, cảm hoá đối tượng là nạn nhân của tệ nạn xã hội để họ yên tâm rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ.

2.2.2. Các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

Trong quá trình đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, Nhà nước ta luôn chú trọng đến việc nâng cao vai trò, hiệu quả của pháp luật và đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để điều chỉnh công tác này, như: Pháp lệnh phòng, chống mại dâm (2003); Bộ luật hình sự quy định: Tội hành nghề mê tín dị đoan, Tội chứa mại dâm, Tội môi giới mại dâm, Tội mua dâm người chưa thành niên, Tội đánh bạc, Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc; các tội phạm về ma tuý; các văn bản dưới luật quy định về đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3.1. Đối với tổ chức

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội;

- Chú trọng tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật cho người dân trong phòng chống các tệ nạn xã hội;

- Chủ động phát hiện các hành vi hoạt động tệ nạn xã hội để có biện pháp ngăn chặn kịp thời;

- Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền để đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội;

- Thường xuyên phát động các phong trào phòng chống tệ nạn tại địa phương, cơ sở;

- Tổ chức các hoạt động thi tìm hiểu pháp luật, pháp lệnh, các văn bản của Đảng, Nhà nước về phòng chống tệ nạn xã hội.

2.3.1. Đối với cá nhân

- Nhận thức rõ tác hại của tệ nạn xã hội từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân trong công tác phòng chống tệ nạn xã hội;

- Có trách nhiệm phát hiện, cung cấp nhanh chóng các thông tin về tệ nạn xã hội cho cơ quan công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền;

- Tham gia tích cực vào các hoạt động tuyên truyền cũng như ngăn chặn các hoạt động tệ nạn xã hội hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày nội dung của công tác phòng ngừa tội phạm, mối quan hệ giữa các nội dung của hoạt động phòng ngừa tội phạm?
2. Phân tích mối quan hệ giữa các chủ thể trong tổ chức hoạt động phòng ngừa tội phạm, liên hệ với thực tế môi trường học tập, công tác?
3. Vai trò của học sinh, sinh viên trong công tác phòng ngừa tội phạm, liên hệ với môi trường học tập của bản thân?
4. Phân tích các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước trong đấu tranh, phòng chống tệ nạn xã hội, công tác phòng chống tệ nạn xã hội đạt hiệu quả cần chú ý gì về lĩnh vực pháp luật?
5. Nội dung, phương pháp phòng chống tệ nạn xã hội, để làm tốt công tác phòng chống tệ nạn xã hội nói chung cần có những giải pháp nào (về pháp luật, về tổ chức thực hiện, về xây dựng môi trường sống...)?

BÀI 7: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Đội hình tiểu đội

1.1 Đội hình tiểu đội một hàng ngang

- Ý nghĩa: Đội hình tiểu đội một hàng ngang thường dùng trong học tập, sinh hoạt, kiểm tra, kiểm điểm, khám súng, giá súng. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

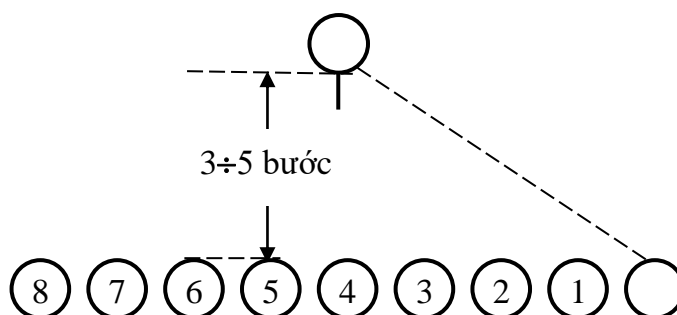
+ Khẩu lệnh: “*Tiểu đội, thành một hàng ngang... tập hợp*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Tiểu đội, thành một hàng ngang*” là dự lệnh, “**tập hợp**” là động lệnh.

+ Động tác: Tiểu đội trưởng xác định vị trí và hướng tập hợp, rồi quay về phía các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh: “*Tiểu đội*” (nếu có các tiểu đội khác cùng học tập ở bên cạnh thì phải hô rõ phiên hiệu của tiểu đội mình).

Ví dụ: “*Tiểu đội 1*”. Nếu không có tiểu đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô: “*Tiểu đội*”, khi nghe hô “*Tiểu đội*”, toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng đứng nghiêm chờ lệnh.

Khi toàn tiểu đội đã sẵn sàng chờ lệnh, tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Thành một hàng ngang... tập hợp*”, rồi quay về phía hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp.

Nghe dứt động lệnh “**tập hợp**” toàn tiểu đội nhanh chóng, im lặng chạy vào tập hợp, đứng về phía bên trái của tiểu đội trưởng thành một hàng ngang, giãn cách 70cm (tính từ giữa gót chân của hai người đứng bên cạnh nhau) hoặc cách nhau 20cm (tính khoảng cách hai cánh tay của hai người đứng cạnh nhau).



Hình 1: Đội hình tiểu đội một hàng ngang

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

Khi đã có từ 2÷3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều ra phía trước chính giữa đội hình cách 3÷5 bước, quay vào đội

hình đơn đốc tiểu đội tập hợp. Từng người, khi đã đứng vào vị trí phải nhanh chóng tự động gióng hàng đứng giãn cách sau đó đứng nghỉ (xem hình 1).

- Điềm số:

+ Khẩu lệnh: “**điềm số**” không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “**điềm số**”, các chiến sỹ theo thứ tự từ bên phải sang trái lần lượt điềm số từ một cho đến hết tiểu đội. Khi điềm số của mình, phải kết hợp quay mặt sang trái 45°, khi điềm số xong phải quay mặt trở lại; người đứng cuối cùng không phải quay mặt, sau khi điềm số của mình xong thì hô “**hết**”.

Từng người, trước khi điềm số của mình phải đứng nghiêm, nếu đang đứng nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi mới điềm số của mình, điềm số xong phải về tư thế đứng nghỉ. Điềm số phải hô to, rõ, gọn, dứt khoát, liên tục.

- Chỉnh đốn hàng ngũ: Trước khi chỉnh đốn hàng ngũ, tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn bên phải (trái)* - **thẳng**”, có dự lệnh và động lệnh, “*Nhìn bên phải (trái)* là dự lệnh; “**thẳng**” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**thẳng**”, trừ chiến sỹ làm chuẩn (người đứng đầu bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, còn các chiến sỹ khác phải quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên, xuống để gióng hàng và giữ giãn cách.

Khi gióng hàng ngang, từng người phải nhìn được nắp túi áo ngực bên trái (phải) của người đứng thứ tư về bên phải (trái) của mình (đối với chiến sỹ nữ nhìn ve cổ áo).

Khi tiểu đội đã gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “**thôi**”. Nghe dứt động lệnh “**thôi**”, tất cả tiểu đội đều quay mặt trở lại, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí đứng.

Tiểu đội trưởng kiểm tra giãn cách giữa các chiến sỹ, sau đó quay nửa bên trái (phải) đi đều về phía người làm chuẩn cách 2÷3 bước, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang. Nếu thấy gót chân và ngực của các chiến sỹ nằm trên một đường thẳng là hàng ngang đã thẳng.

Nếu chiến sỹ nào đứng chưa thẳng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh: “*Đồng chí X hoặc số X Lên hoặc xuống*”, chiến sỹ nghe gọi tên hoặc số của mình phải quay mặt nhìn về hướng tiểu đội trưởng và làm theo lệnh của tiểu đội trưởng. Khi các chiến sỹ đã đứng thẳng hàng tiểu đội trưởng hô “**được**”, các chiến sỹ quay mặt trở về hướng cũ.

Thứ tự sửa cho người đứng gần, người làm chuẩn trước, tiểu đội trưởng có thể qua phải (trái) một bước để kiểm tra hàng.

Cũng có thể sửa cho 2÷3 chiến sĩ cùng một lúc. Ví dụ: “Từ số 3 đến số 7, lên hoặc xuống”, các chiến sĩ trong số được gọi làm động tác như khi sửa từng người.

Chỉnh đốn xong tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy.

Nếu lấy chiến sĩ đứng ở giữa hàng làm chuẩn để chỉnh đốn thì: Tiểu đội trưởng phải dùng khẩu lệnh để chỉ định người làm chuẩn: “*Đồng chí X hoặc số X làm chuẩn*”, chiến sĩ X nghe gọi, đứng nghiêm trả lời “*Có*” và giơ tay trái lên. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Nhìn giữa. thẳng*”, các chiến sĩ đứng hai bên lấy người làm chuẩn để giống hàng. Chiến sĩ làm chuẩn sau khi nghe dứt động lệnh “**thẳng**”, khoảng 5 giây thì bỏ tay xuống vẫn đứng nghiêm. Khi chỉnh đốn hàng, tiểu đội trưởng có thể về bên phải (trái) để chỉnh đốn hàng ngũ.

Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ làm như khi nhìn bên phải (trái) để chỉnh đốn hàng ngang.

- Giải tán:

+ Khẩu lệnh: “**giải tán**”, không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “**giải tán**”, mọi người trong tiểu đội nhanh chóng tản ra, nếu đang đứng nghiêm phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi tản ra.

1.2 Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

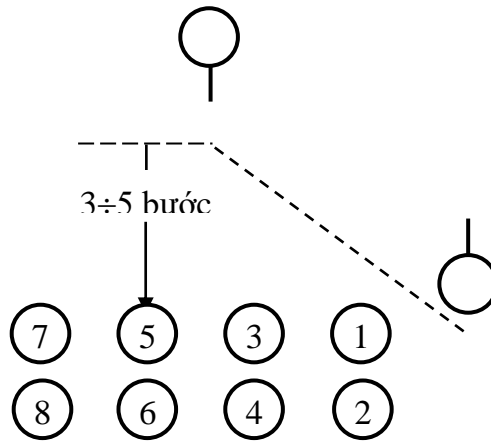
- Ý nghĩa và các bước thực hiện cơ bản giống đội hình tiểu đội một hàng ngang. Những điểm khác:

+ Khẩu lệnh: “Tiểu đội, thành 2 hàng ngang - **tập hợp**”.

+ Vị trí khi đứng trong đội hình: Các số lẻ đứng hàng trên (số 1, 3, 5, 7), các số chẵn đứng hàng dưới (số 2, 4, 6, 8,). Cự ly giữa hàng trên và hàng dưới làm 1m (hình 2).

+ Đội hình hai hàng ngang không có điểm số.

+ Khi giống hàng, các chiến sĩ đứng hàng thứ hai vừa phải giống hàng ngang và dùng ánh mắt giống hàng dọc để đứng đúng cự ly và giãn cách.



Hình 2: Tiểu đội hai hàng ngang

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

1.3 Đội hình tiểu đội một hàng dọc

- Ý nghĩa: Đội hình tiểu đội một hàng dọc thường dùng trong hành tiến, trong đội hình tập hợp cả trung đội, đại đội khi tập trung sinh hoạt học tập. Đội hình tiểu đội một hàng dọc thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

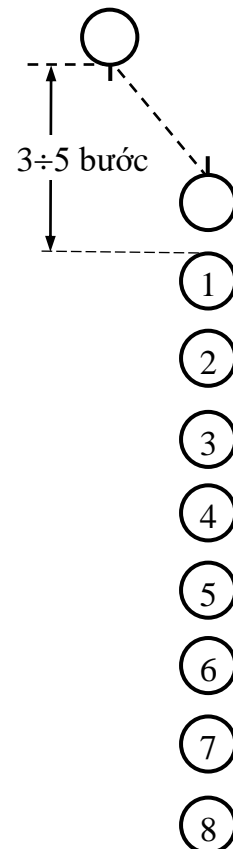
+ Khẩu lệnh: “Tiểu đội, thành một hàng dọc - **tập hợp**”, có dự lệnh và động lệnh. “Tiểu đội, thành một hàng dọc” là dự lệnh, “**tập hợp**” là động lệnh.

+ Động tác của tiểu đội trưởng giống như ở đội hình một hàng ngang.

Khi nghe dứt động lệnh “**tập hợp**”, toàn tiểu đội im lặng nhanh chóng chạy vào tập hợp, đứng sau tiểu đội trưởng thành một hàng dọc, cự ly giữa người đứng trước và người đứng sau là 1m (tính từ hai gót chân của hai người).

Khi đã có từ 2÷3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều ra phía trước đội hình, chệch về bên trái cách đội hình 3÷5 bước, quay vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp.

Từng người, khi đã vào vị trí phải nhanh chóng tự động dóng hàng đứng đúng cự ly, sau đó đứng nghỉ. (Hình 3).



Hình 3: Đội hình tiểu đội một hàng dọc

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Điềm số:

+ Khẩu lệnh: “**điềm số**”, không có dự lệnh.

+ Động tác: Giống như ở phần tiểu đội một hàng ngang, chỉ khác: Khi quay mặt phải quay hết cỡ sang bên trái và điềm số từ trên xuống dưới.

- Chinh đôn hàng ngũ: Trước khi chinh đôn, tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn trước* **thẳng**”, có dự lệnh và động lệnh. “*Nhìn trước*” là dự lệnh, “**thẳng**” là động lệnh.

+ Khi nghe dứt động lệnh “**thẳng**”, trừ chiến sĩ số 1 làm chuẩn, còn các chiến sĩ khác dóng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không nhìn thấy gáy người đứng thứ hai trước mình), tự xê dịch sang phải, trái để thẳng hàng dọc và xê dịch lên, xuống để đứng cự ly.

Khi tiểu đội đã gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “**thôi**”, toàn tiểu đội đứng nghiêm. Tiểu đội trưởng quay nửa bên trái đi đều về trước, chính giữa đội hình các đội hình từ 2÷3 bước, nhìn vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. Hàng dọc thẳng là đầu (mũ), cạnh vai của các chiến sĩ nằm trên một đường thẳng.

Nếu chiến sĩ nào chưa đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh gọi tên (hoặc số) để sửa: “*Qua phải*”, “*Qua trái*”. Chiến sĩ (số) được gọi tên làm theo lệnh của tiểu đội trưởng. Khi chiến sĩ đã đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô “**được**”, lần lượt sửa từ trên xuống dưới, cũng có thể sửa cho 2÷3 chiến sĩ cùng một lúc. Sửa xong, tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy ở bên trái phía trước đội hình.

- Giải tán: Khẩu lệnh, động tác giống như ở đội hình một hàng ngang.

1.4 Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

- Ý nghĩa và các bước thực hiện cơ bản giống như tiểu đội một hàng dọc. Những điểm khác:

+ Khẩu lệnh: “*Tiểu đội, thành hai hàng dọc* - **tập hợp**”.

+ Các chiến sĩ số lẻ đứng thành một hàng dọc ở bên phải, các chiến sĩ số chẵn đứng thành một hàng dọc ở bên trái. (Hình 4).

+ Đội hình hai hàng dọc không điềm số.

+ Khi gióng hàng, các chiến sĩ đứng ở hàng bên trái (hàng số chẵn) vừa gióng hàng dọc, vừa dùng ánh mắt để gióng hàng ngang.

Những điểm chú ý:

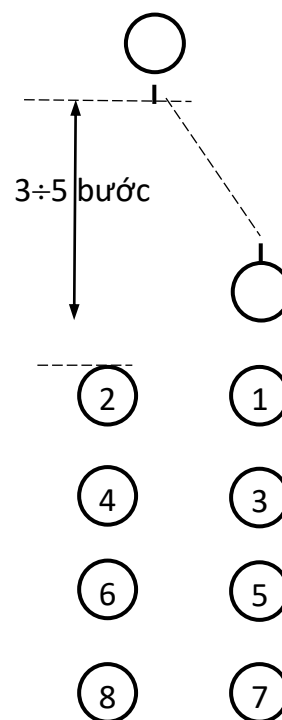
- Trước khi tập hợp, người chỉ huy phải căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung công việc, địa hình,

thời tiết và phương hướng để xác định đội hình tập hợp và hướng của đội hình. Khi tập hợp nên tránh hướng gió, hướng mặt trời chiếu thẳng vào mắt chiến sĩ, (nếu không ảnh hưởng đến việc xem tập, xem động tác mẫu).

- Phải xác định được đội hình, vị trí tập hợp, hướng đội hình rồi đứng tại vị trí tập hợp hô khẩu lệnh tập hợp, sau đó làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp. Nếu vị trí tập hợp xa nơi tiểu đội trưởng đứng (quá 20m) thì tiểu đội trưởng phải đôn đốc, nhắc nhở tiểu đội về vị trí tập hợp. Tiểu đội trưởng không được hô dứt động lệnh “**tập hợp**”, rồi mới chạy đến vị trí tập hợp tiểu đội (dù chỉ 3÷ 4m).

- Khẩu lệnh phải rõ ràng, dứt khoát, động tác phải khẩn trương, chuẩn xác, mẫu mực. Khi sửa cho chiến sĩ phải dùng khẩu lệnh để chỉ huy, không sờ vào người.

- Từng người khi đã vào tập hợp phải trật tự, động tác giống hàng đứng cự ly, giãn cách, tập trung nghe lệnh của tiểu đội trưởng.



Hình 4: Tiểu đội hai hàng dọc

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

2. Đội hình trung đội

2.1 Đội hình trung đội một hàng ngang

- Ý nghĩa: Đội hình trung đội một hàng ngang thường dùng trong huấn luyện, nói chuyện, điểm danh, kiểm tra, điểm nghiệm, khám súng, giá súng, đặt súng....Đội hình trung đội một hàng ngang thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

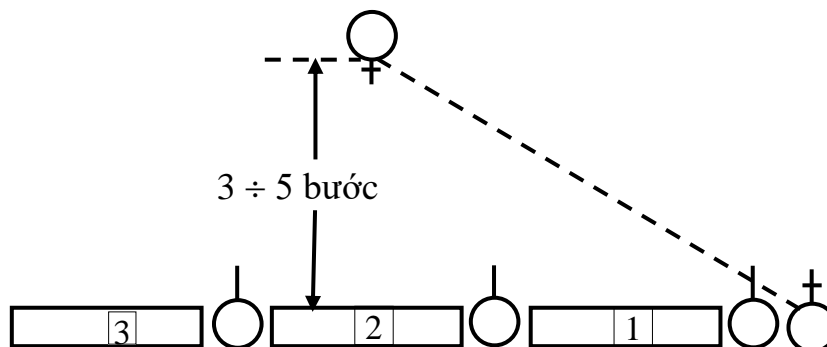
+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành một hàng ngang - **tập hợp***”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội, thành một hàng ngang*” là dự lệnh, “**tập hợp**” là động lệnh.

+ Động tác: Cơ bản giống như phân tiểu đội hàng ngang.

Khi nghe dứt động lệnh, toàn trung đội im lặng chạy vào tập hợp đứng về phía bên trái của trung đội trưởng theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành một hàng ngang) trung đội thành một hàng ngang.

Khi tiểu đội đã vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra phía trước chính giữa đội hình cách 5÷8 bước quay vào đội hình đơn đốc trung đội tập hợp.

Từng người vào vị trí phải nhanh chóng tự động giống hàng ngang, đứng giãn cách, sau đó đứng nghỉ (hình 5).



Hình 5: Đội hình trung đội một hàng ngang

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

Nếu trung đội ở nơi không có các phân đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô khẩu lệnh: “**Trung đội thành 1 hàng ngang - tập hợp**”, không phải hô phiên hiệu đơn vị.

Nếu trung đội đang vui chơi, trung đội trưởng khi hô khẩu lệnh tập hợp, phải thổi còi (nếu có) hoặc phát tín hiệu để mọi người ngừng hoạt động, chú ý nghe khẩu lệnh.

- Điểm số:

+ Điểm số theo từng tiểu đội để đổi hình, đổi hướng:

Khẩu lệnh: “**từng tiểu đội điểm số**”, không có dự lệnh.

Nghe dứt động lệnh, từng tiểu đội điểm số theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3. Các tiểu đội trưởng không điểm số. Người đứng cuối cùng của tiểu đội điểm số xong thì hô “**hết**”, không phải quay mặt.

+ Điểm số toàn trung đội để nắm quân số

Khẩu lệnh: “**điểm số**”, không có dự lệnh.

Động tác: Khi nghe dứt động lệnh, toàn trung đội điểm số, các tiểu đội trưởng cũng điểm số. Lần lượt điểm số theo thứ tự và nối tiếp nhau từ tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3. Người đứng cuối cùng của tiểu đội 3 điểm số xong thì hô: “**hết**”, không phải quay mặt.

Động tác điểm số của từng người giống như điểm số đội hình tiểu đội.

- Chính đốn hàng ngũ:

Trước khi chỉnh đôn, trung đội trưởng phải hô cho toàn trung đội đứng nghiêm.

Khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như chỉnh đôn hàng ngũ của phân tiểu đội 1 hàng ngang.

Chỉ khác: Khi trung đội trưởng quay nửa bên trái (phải) chạy đều về phía bên phải (trái) người làm chuẩn để chỉnh đôn đội hình, cách người làm chuẩn $3 \div 5$ bước, quay vào đội hình để chỉnh đôn hàng ngũ.

- Giải tán:

Khẩu lệnh, động tác giống như giải tán ở đội hình tiểu đội một hàng ngang.

2.2 **Đội hình trung đội hai hàng ngang**

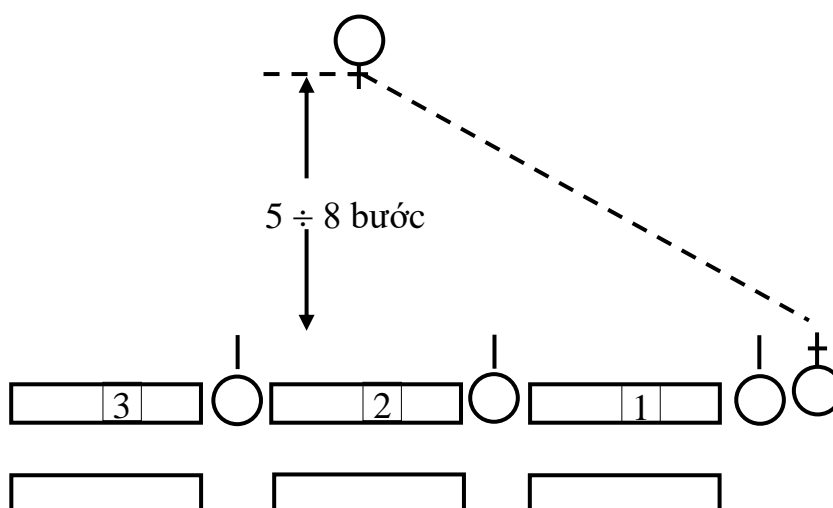
- Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở tiểu đội hai hàng ngang cấu thành. Thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành hai hàng ngang - tập hợp*”, có dự lệnh và động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**tập hợp**”, toàn trung đội im lặng chạy vào tập hợp đứng bên trái của trung đội trưởng theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành hai hàng ngang, số lẻ đứng trên, số chẵn đứng dưới) toàn trung đội thành hai hàng ngang.

Khi thấy tiểu đội 1 đã vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra đứng ở phía trước chính giữa đội hình cách $5 \div 8$ bước quay vào đội hình đôn đốc trung đội tập hợp (xem hình 6).



Hình 6: **Đội hình trung đội hai hàng ngang**

(Nguồn: *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008*).

- Chỉnh đôn hàng ngũ:

Khẩu lệnh và động tác của trung đội trưởng, động tác của chiến sĩ trong trung đội giống như chỉnh đốn hàng ngũ của đội hình trung đội một hàng ngang.

Chỉ khác: Cả hai hàng đều phải quay mặt và dóng hàng, các chiến sĩ đứng ở hàng dưới vừa giống hàng ngang vừa phải dùng ánh mắt để giống hàng dọc. Người làm chuẩn đứng ở đầu (hoặc cuối) của từng hàng nhìn thẳng.

Trung đội trưởng kiểm tra hàng trên trước, sau đó mới kiểm tra hàng dưới.

- Giải tán: Như ở đội hình tiểu đội hàng ngang.

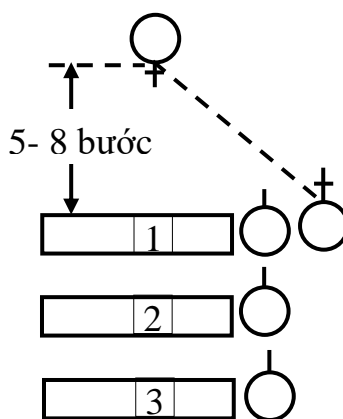
2.3 **Đội hình trung đội ba hàng ngang**

- Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội hai hàng ngang cấu thành. Thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành ba hàng ngang - tập hợp*”, có dự lệnh và động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**tập hợp**”, toàn trung đội vào vị trí tập hợp theo thứ tự: Tiểu đội 1 đứng bên trái trung đội trưởng, tiểu đội 2 đứng sau tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng sau tiểu đội 2 (mỗi tiểu đội thành một hàng ngang, trung đội thành ba hàng ngang, vị trí chỉ huy của trung đội trưởng và các động tác giống như phần tập hợp trung đội hai hàng ngang (xem hình 7).



Hình 7: Trung đội ba hàng ngang

(Nguồn: *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008*).

- Điểm số:

+ Khẩu lệnh: “**điểm số**”, không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “**điểm số**”, chỉ có tiểu đội 1 điểm số (giống như phần tiểu đội một hàng ngang điểm số), tiểu đội trưởng không điểm số. Tiểu đội 2, tiểu đội 3 không điểm số mà lấy số của tiểu đội 1 mà tính số của mình.

Nếu tiểu đội 2 và tiểu đội 3 thừa hoặc thiếu quân số so với quân số đã điem của tiểu đội 1, thì người đứng cuối hàng của tiểu đội 2 và tiểu đội 3 phải báo cáo cho trung đội trưởng biết, khi báo cáo phải đứng nghiêm, báo cáo xong đứng nghỉ.

Ví dụ: Tiểu đội 1 có 7 người.

Tiểu đội 2 có 8 người.

Tiểu đội 3 có 6 người.

Khi báo cáo, người đứng cuối hàng tiểu đội 2 báo: “Tiểu đội 2 thừa một”. Người đứng cuối hàng tiểu đội 3 báo: “Tiểu đội 3 thiếu một”.

- Chinh đon hàng ngũ: Trước khi chinh đon hàng ngũ, trung đội trưởng phải hô cho trung đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn bên phải (trái) - thẳng*”, có dự lệnh và động lệnh. *Nhìn bên phải (trái)* là dự lệnh, “**thẳng**” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**thẳng**”, cả ba hàng đều phải quay mặt hết cỡ về bên làm chuẩn để giống hàng, ba người làm chuẩn của 3 hàng nhìn thẳng và giữ đúng cự ly. Hàng thứ ha và ba phải dùng ánh mắt để giữ hàng dọc.

Các động tác khác thực hiện như phần chinh đon hàng ngũ ở đội hình trung đội một hàng ngang.

- Giải tán: Như ở đội hình trung đội một hàng ngang.

2.4 Đội hình trung đội một hàng dọc

- Ý nghĩa: Đội hình một hàng dọc thường dùng để hành quân, di chuyển ở ngoài bãi tập được nhanh chóng, thuận tiện. Đội hình một hàng dọc thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành một hàng dọc - tập hợp*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội, thành một hàng dọc*” là dự lệnh, “**tập hợp**” là động lệnh.

Hô khẩu lệnh xong, trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**tập hợp**”, toàn trung đội nhanh chóng im lặng vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng 1m theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành 1 hàng dọc) nối tiếp nhau thành trung đội một hàng dọc (cự ly mỗi người cách nhau 1m).

Khi thấy tiểu đội 1 đã vào vị trí, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra phía trước chệch về bên trái đội hình, cách 5÷8 bước, quay vào đội hình để đôn đốc các tiểu đội tập hợp.

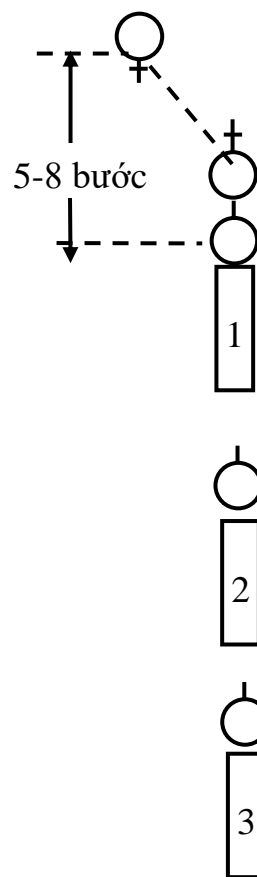
Từng người đã vào vị trí phải nhanh chóng tự động gióng hàng ngang, đứng giãn cách, sau đó đứng nghỉ.

Nếu trung đội ở một nơi không có các phân đội khác ở bên cạnh, thì chỉ hô khẩu lệnh: “*Trung đội một hàng dọc - tập hợp*”, không phải hô phiên hiệu đơn vị. Nếu trung đội đang vui chơi, trung đội trưởng trước khi hô khẩu lệnh tập hợp, phải thổi còi (nếu có) hoặc phát tín hiệu để mọi người ngừng hoạt động, chú ý nghe khẩu lệnh. (xem hình 8)

- Điểm số: (có hai cách điểm số)

Giống như điểm số ở đội hình trung đội một hàng ngang.

Nếu nghe thấy khẩu lệnh: “**tùng tiểu đội điểm số**”, thì theo thứ tự tiểu đội 1, 2, 3 điểm số, tiểu đội trưởng không điểm số.



Hình 8: Trung đội một hàng dọc

(*Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008*).

Nếu nghe khẩu lệnh: “**điểm số**”, thì toàn trung đội điểm số từ một đến hết, các tiểu đội trưởng cũng phải điểm số. Động tác điểm số của từng người như phần điểm số ở đội hình tiểu đội.

- Chinh đôn hàng ngũ: Trước khi điểm số, hô cho trung đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn trước thẳng*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Nhìn trước*” là dự lệnh, “**thẳng**” là động lệnh.

+ Động tác: Giống như ở phần tiểu đội một hàng dọc, chỉ khác: Trung đội trưởng đi về phía đầu đội hình, cách người đứng đầu 3÷5 bước để kiểm tra hàng.

- Giải tán: Thực hiện như ở đội hình hàng ngang.

2.5 **Đội hình trung đội hai hàng dọc**

- Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội hai hàng dọc cấu thành. Thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành hai hàng dọc - tập hợp*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội, thành hai hàng dọc*” là dự lệnh, “**tập hợp**” là động lệnh.

Hô khẩu lệnh xong, trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

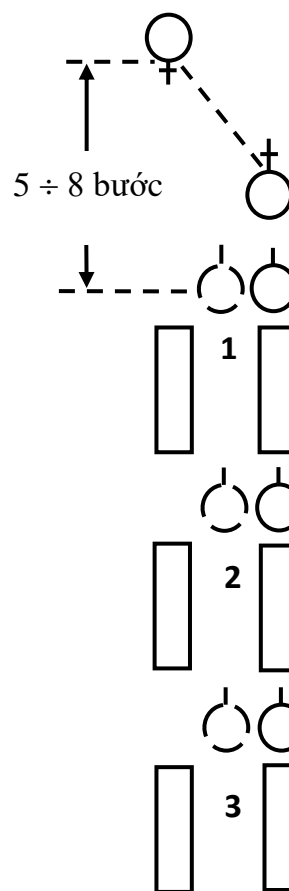
+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**tập hợp**”, toàn trung đội nhanh chóng, im lặng vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng theo thứ tự: Tiểu đội 1 đứng sau trung đội trưởng, tiểu đội 2 đứng sau tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng sau tiểu đội 2, mỗi tiểu đội thành 2 hàng dọc, số lẻ đứng bên phải, số chẵn đứng bên trái, thành trung đội hai hàng dọc.

- Chính đôn hàng ngũ: Cơ bản giống như đội hình tiểu đội hai hàng dọc.

Chỉ khác: Khi nghe dứt động lệnh: “**thẳng**”, các tiểu đội trưởng qua trái 1/2 bước để đứng trước chính giữa đội hình tiểu đội của mình. Tất cả nhìn thẳng để giống hàng dọc và dùng ánh mắt để giống hàng ngang (hình 9).

Khoảng cách của trung đội trưởng đến tiểu đội 1 khi kiểm tra hàng là 3÷5 bước.

- Giải tán: Thực hiện như ở đội hình trung đội hàng ngang.



Hình 9: Trung đội hai hàng dọc

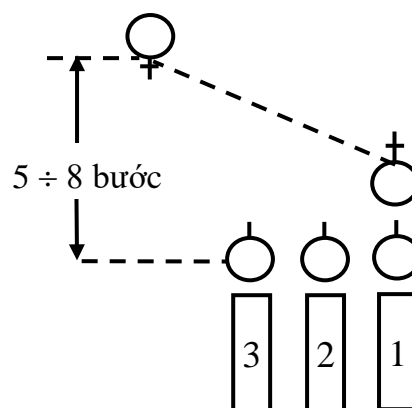
(Nguồn: *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008*).

2.6 *Đội hình trung đội ba hàng dọc*

- Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội một hàng dọc cấu thành. Thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành ba hàng dọc - tập hợp*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội, thành ba hàng dọc*” là dự lệnh, “**tập hợp**” là động lệnh.



Hình 10: Trung đội ba hàng dọc

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**tập hợp**”, toàn trung đội nhanh chóng, im lặng vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng theo thứ tự: Tiểu đội 1 đứng sau trung đội trưởng, tiểu đội 2 đứng sau tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng bên trái tiểu đội 2, mỗi tiểu đội thành một hàng dọc, trung đội thành ba hàng dọc (xem hình 10).

- Điểm số:

Khẩu lệnh, động tác giống như điểm số của trung đội ba hàng ngang. Chỉ khác là điểm số theo đội hình hàng dọc.

- Chinh đốn hàng ngũ:

Khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như chinh đốn hàng ngũ ở đội hình trung đội hàng dọc (các tiểu đội trưởng không điểm số).

- Giải tán: Thực hiện như đội hình trung đội một hàng dọc.

3. ĐỔI HƯỚNG ĐỘI HÌNH

Ý nghĩa: Dùng để đổi hướng đội hình cho phù hợp với nhiệm vụ và địa hình cụ thể, đồng thời rèn luyện ý thức hiệp đồng động tác trong đội hình.

a) *Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ*

- *Đổi hướng đội hình về phía bên phải bằng cách quay bên phải:*

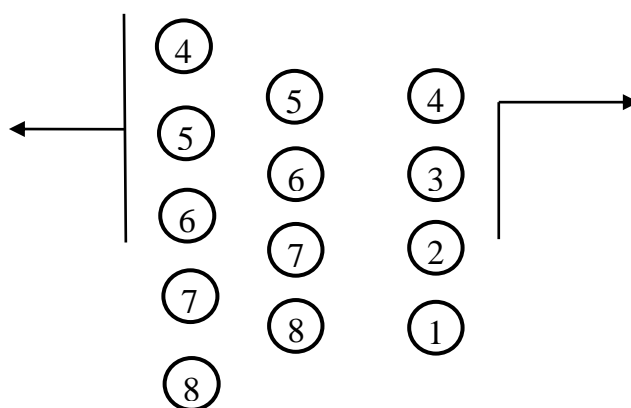
+ Khẩu lệnh: “*Bên phải...quay*”, có dự lệnh và động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**quay**”, từng người trong đội hình đều thực hiện động tác quay bên phải.

- *Đổi hướng đội hình về phía bên trái bằng cách quay bên trái:*

+ Khẩu lệnh: “*Bên trái...quay*”, có dự lệnh và động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**quay**”, từng người trong đội hình đều thực hiện động tác quay bên trái. đội hình lúc này đổi sang hướng mới nhưng không thể giữ được đội hình hàng dọc (ngang) như trước khi đổi (xem hình 11).



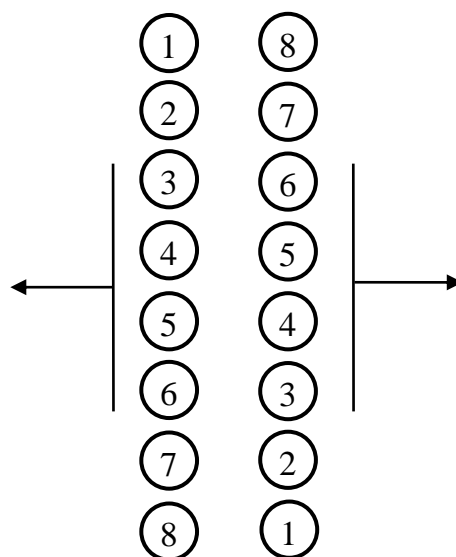
Hình 11: Đổi hướng đội hình về bên phải (trái)

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- *Đổi hướng đội hình về đằng sau bằng cách quay đằng sau:*

+ **Khẩu lệnh:** “*Đằng sau...quay*”, có dự lệnh và động lệnh.

+ **Động tác:** Nghe dứt động lệnh “**quay**”, từng người trong đội hình đều thực hiện động tác quay đằng sau. đội hình lúc này đổi sang hướng mới nhưng không thể giữ được đội hình hàng dọc (ngang) như trước khi đổi nhưng ngược số thứ tự (xem hình 12).



Hình 12: *Đổi hướng đội hình về đằng sau*

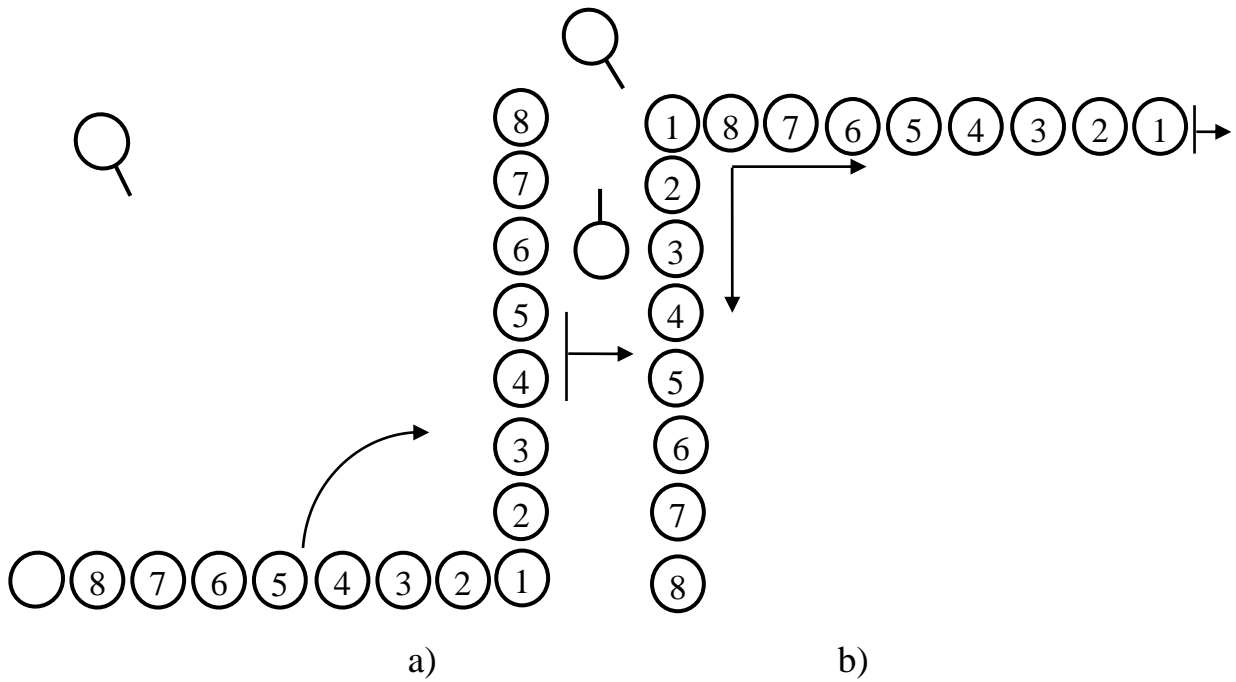
(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

b) Đổi hướng đội hình trong khi đi

- **Động tác vòng bên phải:**

+ **Khẩu lệnh:** “*Vòng bên phải...bước*”, có dự lệnh và động lệnh, động lệnh rơi vào chân phải.

+ **Động tác:** Nghe dứt động lệnh “**bước**”, người đầu hàng bên phải làm động tác giậm chân xoay dần sang bên phải rồi đi tiếp, các số ở bên trái lấy người bên phải làm chuẩn vừa đi vừa chuyển hướng sang bên phải giữ hàng ngang thẳng, các hàng sau đi đều đến vị trí hàng trước thì làm động tác như hàng trước đổi hướng sang bên phải (xem hình 13).



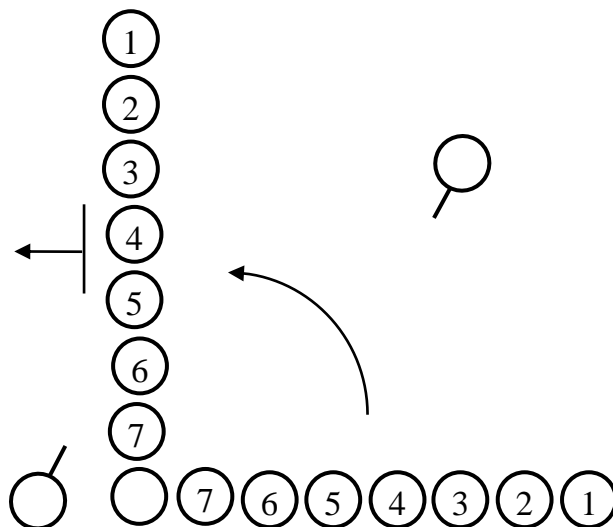
Hình 13: Đổi hướng khi đi - Vòng bên phải

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Động tác vòng bên trái:

+ Khẩu lệnh: “Vòng bên trái...**bước**”, có dự lệnh và động lệnh, động lệnh rơi vào chân trái.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**bước**”, người đầu hàng bên trái làm động tác giậm chân xoay dần sang bên trái rồi đi tiếp, các số ở bên phải lấy người bên trái làm chuẩn vừa đi vừa chuyển hướng sang bên trái giữ hàng ngang thẳng, các hàng sau đi đều đến vị trí hàng trước thì làm động tác như hàng trước đổi hướng sang bên trái (xem hình 14).



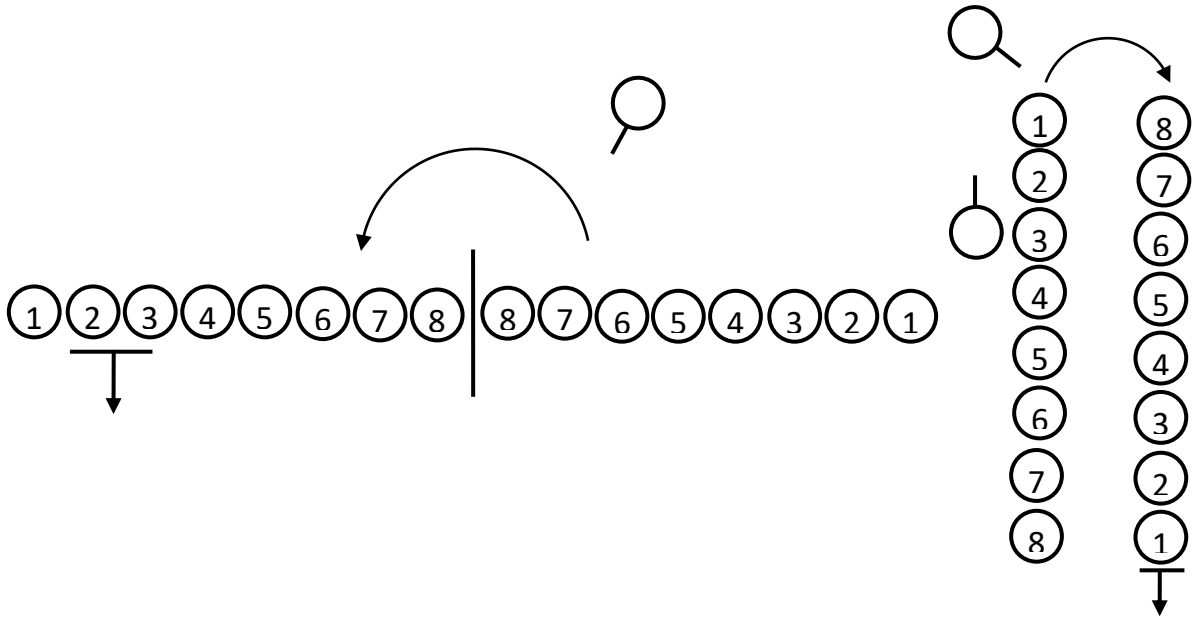
Hình 14: Đi vòng bên trái

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

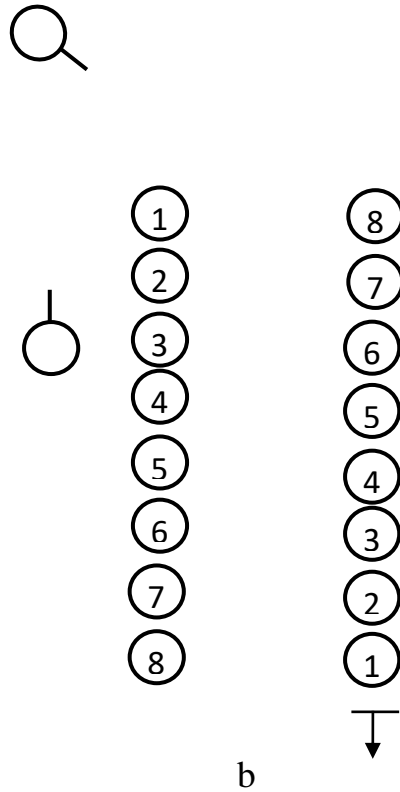
- Động tác vòng đằng sau:

+ Khẩu lệnh: “Vòng bên phải (trái) vòng đằng sau...**bước**”, có dự lệnh và động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**bước**”, toàn đội hình làm động tác vòng giống như động tác vòng bên phải bên (trái). Chỉ khác người làm trụ phối hợp với trong hàng xoay dần sang hướng mới 180^0 (xem hình 15).



a



Hình 15: Đi vòng đằng sau

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Ý nghĩa, thứ tự nội dung các bước tập hợp đội hình tiểu đội hàng ngang?
2. Ý nghĩa, thứ tự nội dung các bước tập hợp đội hình tiểu đội hàng dọc?
3. Ý nghĩa, thứ tự nội dung các bước tập hợp đội hình trung đội hàng ngang?
4. Ý nghĩa, thứ tự nội dung các bước tập hợp đội hình trung đội hàng dọc?
5. Ý nghĩa, nội dung các bước đổi hình khi đứng tại chỗ và khi đang đi đều?

BÀI 8: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

A. GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Súng trường CKC cỡ 7,62 mm

Súng trường tự động nạp đạn kiểu Xi mô nốp cỡ 7,62mm do Liên Xô cũ chế tạo, gọi tắt là CKC. Trung Quốc và một số nước dựa theo kiểu này để sản xuất năm 1956, gọi là kiểu K56. Việt Nam gọi chung là súng trường nửa tự động CKC.



Hình 1: Súng trường CKC

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

1.1. Tác dụng và tính năng chiến đấu

1.1.1. Tác dụng

Súng trường tự động CKC trang bị cho từng người sử dụng, dùng hoả lực, lưỡi lê, báng súng để tiêu diệt sinh lực địch, súng cấu tạo gọn nhẹ, chỉ bắn được phát một.

Súng sử dụng đạn kiểu 1943 do Liên Xô (cũ) sản xuất, hoặc đạn kiểu 1956 (K56) do Trung Quốc và một số nước sản xuất. Việt Nam đã sản xuất loại đạn dùng cho AK và đưa vào sử dụng; gồm có các loại đầu đạn thường, đầu đạn vạch sáng, đầu đạn xuyên cháy, đầu đạn cháy, hộp tiếp đạn chứa 10 viên, dùng chung đạn với súng tiểu liên AK; súng trường K63; súng trung liên RPD, RPK.

1.1.2. Tính năng chiến đấu

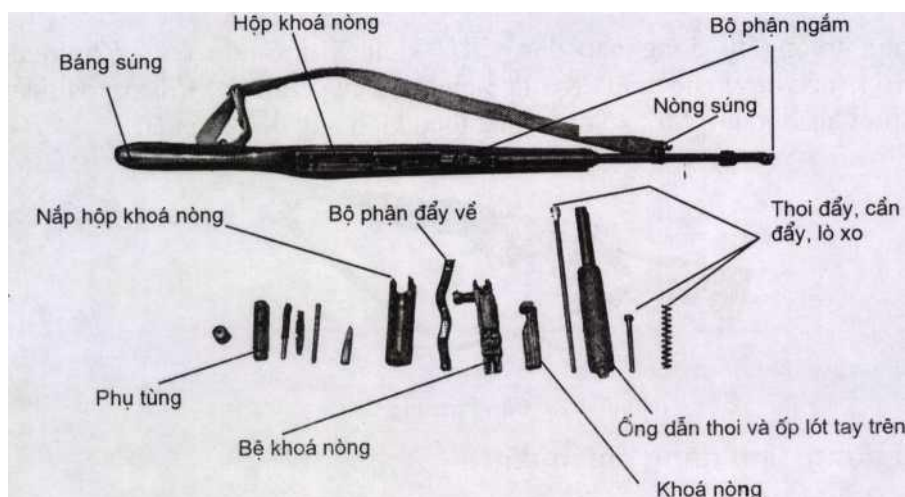
- | | |
|---------------------------------------|--------|
| - Tầm bắn xa nhất: | 3600 m |
| - Tầm bắn hiệu quả nhất: | 400 m |
| - Hoả lực tập trung mục tiêu mặt đất: | 800 m |
| - Bắn máy bay quân dù: | 500 m |
| - Tầm bắn thẳng: Mục tiêu người nằm | 365 m |
| Mục tiêu người chạy | 525 m |
| - Tầm bắn ghi trên thước ngắm: | 1000 m |

- Đầu đạn vẫn có khả năng sát thương mục tiêu ở cự ly: 1500 m.
- Tốc độ đầu của đầu đạn: 735 m/s
- Tốc độ bắn chiến đấu: 35-40 phát/phút
- Khối lượng toàn bộ súng: Không lắp đạn nặng 3,75 kg
Có lắp đạn đủ nặng 3,90 kg
- Khối lượng viên đạn nặng: 16,2 gam
- Chiều dài của súng: Khi giương lê 1260 mm
Khi gập lê 1020 mm

1.2. Cấu tạo chung của súng và đạn

1.2.1. Cấu tạo chung của súng

Súng trường tự động CKC có 12 bộ phận chính sau:



Hình 2: Cấu tạo của súng trường CKC

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- | | |
|--------------------------------------|---------------------------------|
| - Nòng súng | - Bộ phận đẩy về |
| - Bộ phận ngắm | - Cần đẩy và lò xo cần đẩy |
| - Hộp khoá nòng và nắp hộp khoá nòng | - Ống dẫn thoi, ốp lót tay trên |
| - Bộ khoá nòng | - Báng súng |
| - Khoá nòng | - Hộp tiếp đạn |
| - Bộ phận cò | - Lê |

Đông bộ của súng: Phụ tùng, dây súng, bao đựng kẹp đạn và đạn.

1.2.2. Cấu tạo chung của đạn

Vỏ đạn, hạt lửa, thuốc phóng, đầu đạn.

1.3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn

1.3.1. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng

- Nòng súng

+ Tác dụng: Làm buồng đốt và chịu áp lực khí thuốc; Định hướng bay cho đầu đạn; Tạo cho đầu đạn có tốc độ đầu nhất định; Làm cho đầu đạn xoay tròn quanh trục khi vận động.

+ Cấu tạo: Lỗ trích khí thuốc, khâu truyền khí thuốc, buồng đạn để chứa đạn và chịu áp lực của khí thuốc; bộ lắp lê có máng giữ lê ở thể gập và mở, có lỗ lắp thông nòng, khuy để mắc dây súng, khâu giữ đầu báng súng; máng giữ hộp tiếp đạn, nòng súng và hộp khóa nòng bằng ốc.

- Bộ phận ngắm

+ Tác dụng: Để ngắm bắn vào các mục tiêu ở cự li khác nhau.

+ Cấu tạo:

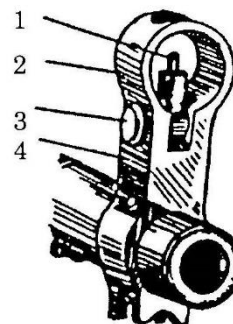
Đầu ngắm: Bộ đầu ngắm, bộ di động, thân đầu ngắm có ren để hiệu chỉnh súng về tầm, vành bảo vệ đầu ngắm.

1.Đầu ngắm

2.Vòng bảo vệ đầu ngắm

3.Bộ di động

4.Bộ đầu ngắm



Hình 3: Bộ phận đầu ngắm

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề, Tổng cục Dạy nghề, 2015).

Thước ngắm: Bộ thước ngắm, thân thước ngắm có các vạch khắc ghi các số từ 1-10 tương ứng cự ly thực tế từ 100m đến 1000m, cỡ ngắm để lấy góc bắn ở các cự ly khác nhau (thước ngắm chữ Π tương ứng cự ly 300m).

1. Bộ thước ngắm

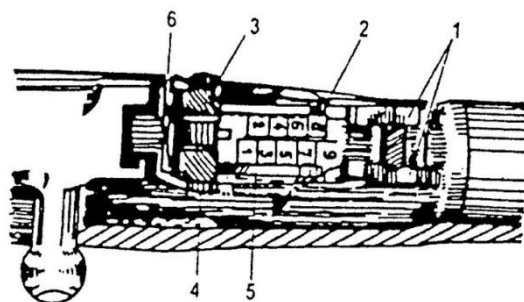
2. Thân thước ngắm

3. Cỡ thước ngắm

4. Then hãm

5. Thành thước ngắm

6. Khe ngắm



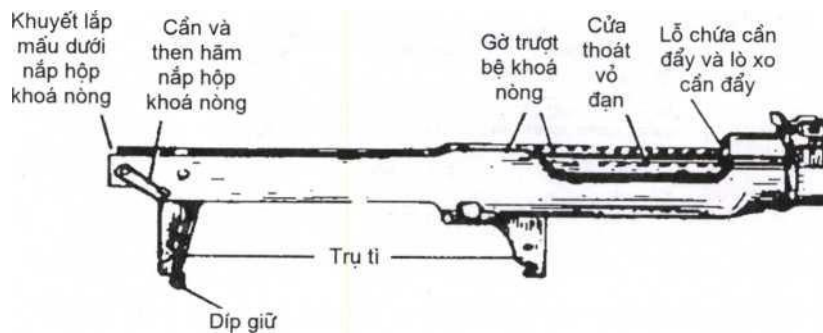
Hình 4: Bộ phận thước ngắm

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề, Tổng cục Dạy nghề, 2015).

- Hộp khoá nòng

+ Tác dụng: Để liên kết các bộ phận của súng, hướng cho bộ khoá nòng và khoá nòng chuyển động, che bụi và bảo vệ các bộ phận bên trong hộp khoá nòng.

+ Cấu tạo: Gồm có lỗ chứa cần đẩy; gờ trượt bộ khoá nòng; mấu hất vỏ đạn; lẫy báo hết đạn để giữ khoá nòng ở phía sau khi bắn hết đạn; khắc tỳ để đuôi khoá nòng tỳ vào khi đóng khoá; chốt giữ nắp hộp khoá nòng; khuyết chứa mấu giữ then hãm.



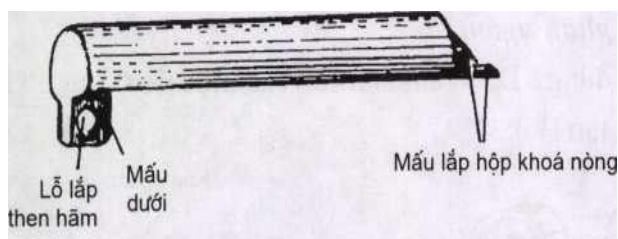
Hình 5: Hộp khoá nòng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Nắp hộp khoá nòng

+ Tác dụng: Bảo vệ, che bụi các bộ phận bên trong hộp khoá nòng.

+ Cấu tạo: Gồm có hai mấu nắp hộp khoá nòng, hai gờ trượt bộ khoá nòng, mấu đuôi nắp hộp khoá nòng, lỗ lắp then hãm.



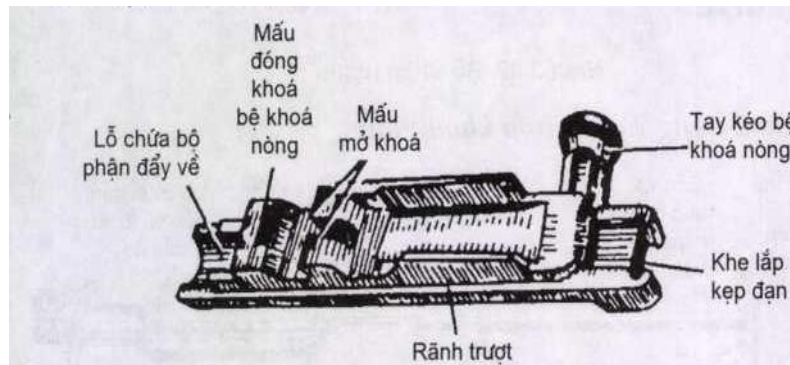
Hình 6: nắp hộp khoá nòng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Bộ khoá nòng

+ Tác dụng: Để làm cho khoá nòng và bộ phận cò chuyển động.

+ Cấu tạo: Gồm có khe lắp kẹp đạn, mặt tỳ để đuôi cần đẩy tỳ vào làm bệ khoá nòng lùi, rãnh trượt khớp với gờ trượt ở bệ khoá nòng, tay kéo khoá nòng, mấu kéo khoá nòng để móc vào mấu mở, mở và kéo khoá nòng về sau, mấu đề để đề thân đuôi khoá nòng xuống khi khoá nòng, lỗ chứa bộ phận đẩy về.



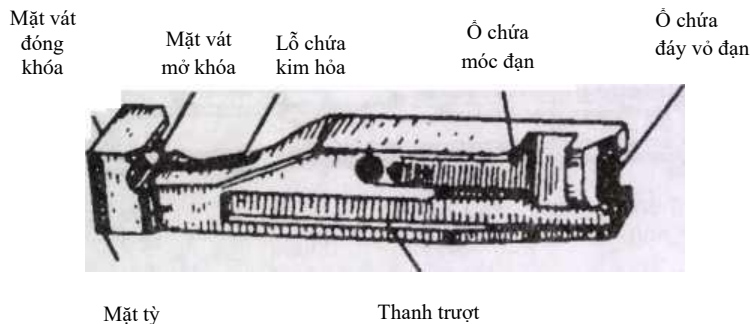
Hình 7: Bộ khoá nòng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Khoá nòng

+ Tác dụng: Đẩy đạn vào buồng đạn, đóng mở khoá nòng, làm đạn nổ, lấy vỏ đạn ra khỏi buồng đạn.

+ Cấu tạo: Gồm có ổ chứa đít đạn, mấu đẩy đạn, móc đạn, kim hoá, mấu mở khoá để khớp với mấu kéo ở bệ khoá khi mở khoá, mấu vát đóng khoá khớp với khắc tỳ hộp khoá nòng khi đóng khoá và để giương búa.



Hình 8: Khóa nòng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Bộ phận cò

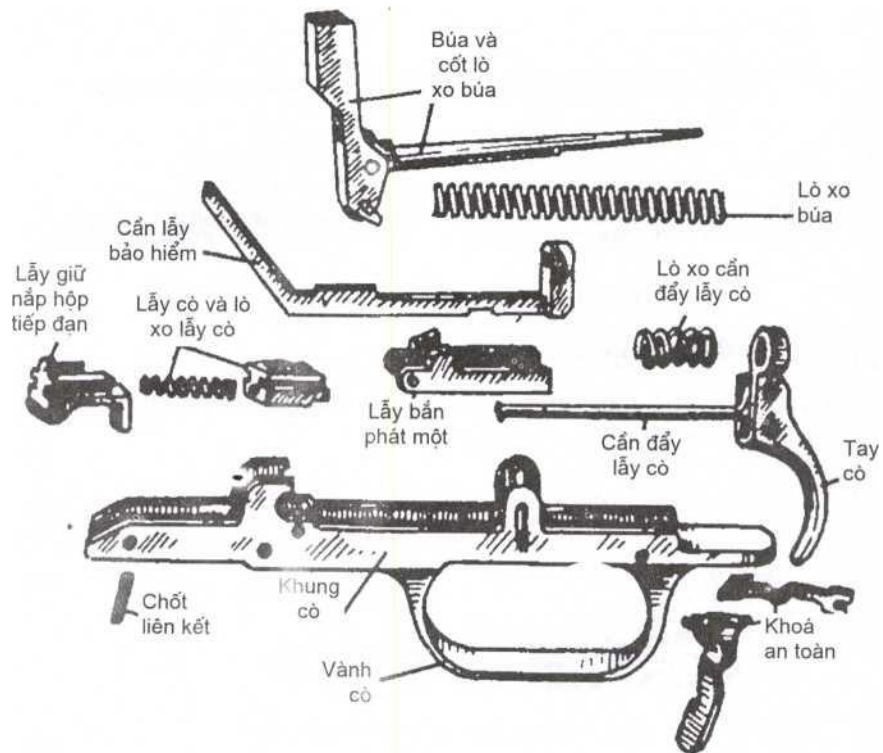
+ Tác dụng: Giữ búa ở thể giương, làm búa đập vào kim hoá, khoá an toàn, chống nổ sớm khi chưa đóng khoá chắc chắn.

+ Cấu tạo:

Khung cò: Để liên kết các bộ phận cò.

Then giữ nắp hộp tiếp đạn

Lẫy bảo hiểm: Để giữ cho búa không đập vào kim hỏa khi chưa đóng khoá



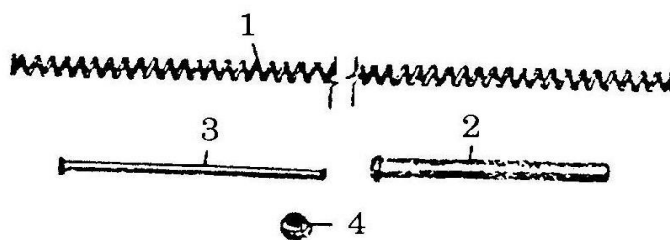
Hình 9: Bộ phận cò

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Bộ phận đẩy về

+ Tác dụng: Đẩy bộ khoá nòng, khoá nòng tiến về trước.

+ Cấu tạo: Lò xo đẩy về, cốt lò xo, vành hãm, cốt di động.



Hình 10: Bộ phận đẩy về

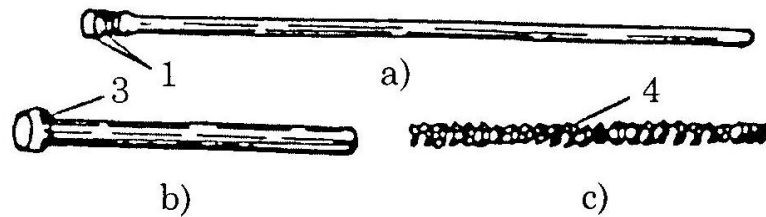
1.Lò xo đẩy về; 2.Cốt lò xo; 3.Cốt di động; 4.Vành hãm

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Năm xuất bản 2015).

- Thoi đẩy, cần đẩy và lò xo cần đẩy

+ Tác dụng: Để truyền áp lực khí thuốc đẩy bộ khoá nòng lùi.

+ Cấu tạo: Gồm thoi đẩy có mặt thoi, vành dẫn, rãnh cản khí thuốc; cần đẩy có vành tán cần đẩy.



Hình 11: Thoi đẩy, cần đẩy và lò xo

a.Thoi đẩy; b.Cần đẩy; c.Lò xo cần đẩy

1.Mặt thoi; 2.Rãnh cản khí thuốc; 3.Vành tán cần đẩy

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề, Tổng cục Dạy nghề, 2015).

- Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

+ Tác dụng: Dẫn thoi chuyển động, giữ súng bảo vệ tay khỏi nóng khi bắn.

+ Cấu tạo: Ống dẫn thoi có lỗ thoát khí thuốc và mấu để lắp ống dẫn thoi với bộ khoá nòng, ốp lót tay có khe thoát nhiệt.



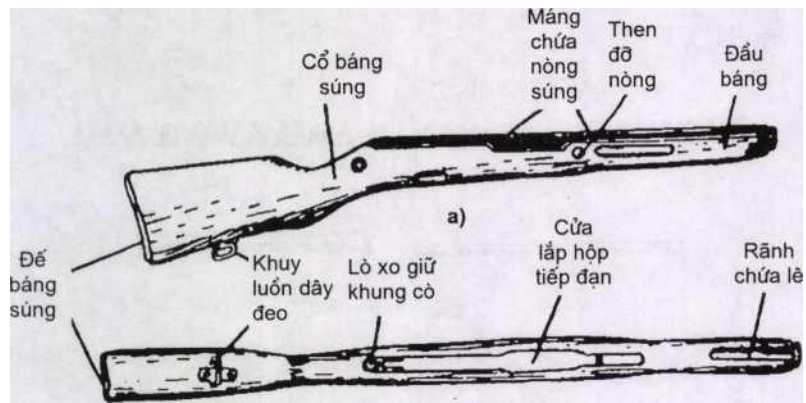
Hình 12: Ốp lót tay và Ống dẫn thoi

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Báng súng

+ Tác dụng: Tỳ súng vào vai, giữ súng khi bắn;

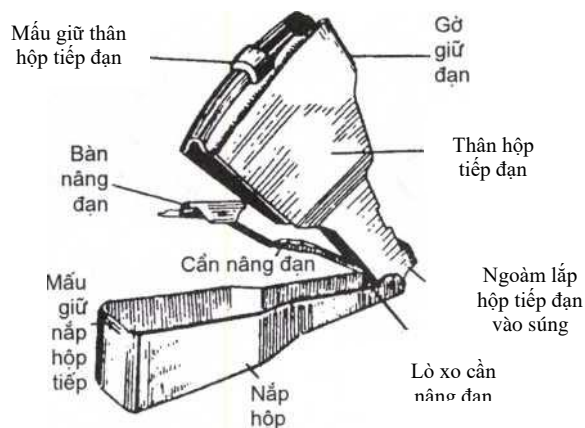
+ Cấu tạo: Đế báng súng, cổ báng, đầu báng, cửa lắp hộp tiếp đạn và bộ phận cò, máng chứa nòng súng, ổ chứa phụ tùng.



Hình 13: Báng súng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

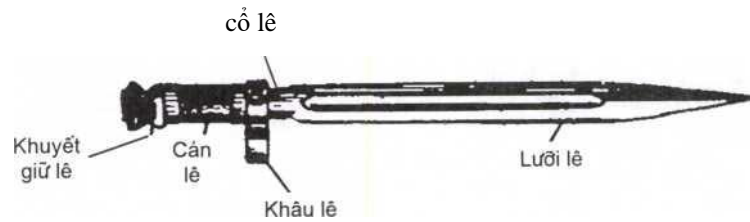
- Hộp tiếp đạn
- + Tác dụng: Chứa đạn và tiếp đạn cho súng khi bắn
- + Cấu tạo: Thân hộp tiếp đạn, lò xo cần nâng đạn, trục để lắp cần nâng đạn, nắp hộp tiếp đạn.



Hình 14: Hộp tiếp đạn

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Lê
- + Tác dụng: Dùng để gạt, đâm khi đánh giáp lá cà
- + Cấu tạo: Lưỡi lê, cán lê, khâu lê.



Hình 15: Lưỡi lê

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

1.3.2. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của đạn

- Vỏ đạn

+ Tác dụng: Để liên kết các bộ phận với nhau thành 1 viên đạn hoàn chỉnh; để chứa và bảo vệ thuốc phóng, hạt lửa; bịt kín buồng đạn, không cho khí thuốc phụt ra sau khi bắn; định vị khi nạp đạn vào buồng đạn.

+ Cấu tạo: Vỏ đạn thường được làm bằng đồng thau hay thép mạ đồng, gồm có: Cổ vỏ đạn để liên kết với đầu đạn, vai vỏ đạn để tì vào buồng đạn, thân vỏ đạn để chứa và bảo vệ thuốc phóng, gờ đáy vỏ đạn để mắc vào ngàm móc đạn, đáy vỏ đạn có lỗ chứa hạt lửa, bên trong có 2 lỗ thông lửa.

- Hạt lửa

+ Tác dụng: Để phát lửa đốt cháy thuốc phóng

+ Cấu tạo: Gồm vỏ và thuốc mồi. Vỏ hạt lửa làm bằng đồng để đựng thuốc mồi, được lắp vào đáy vỏ đạn. Thuốc mồi gồm fuyminat thủy ngân, clorat kali, sunfua ăngtimoan.

- Thuốc phóng

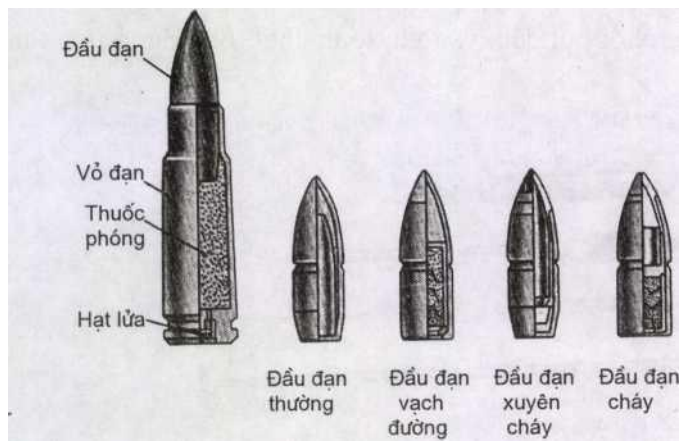
+ Tác dụng: Để sinh ra áp lực khí thuốc đẩy đầu đạn vận động.

+ Cấu tạo: Thuốc phóng là loại thuốc không khói với hình dáng là hạt nhỏ, từng phiến mỏng hoặc hình trụ.

- Đầu đạn

+ Tác dụng: Để sát thương, tiêu diệt các mục tiêu, làm hư hỏng, cháy hay phá huỷ các phương tiện chiến tranh; bịt kín phía trước nòng súng không cho khí thuốc lọt ra ngoài.

Đầu đạn có: Đầu đạn thường, đầu đạn vạch đường, đầu đạn xuyên cháy và đầu đạn cháy.



Hình 16: Đạn súng tiểu liên (K56)

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

Vỏ đầu đạn: Để bảo vệ lõi đạn, cắt rãnh và bịt kín không cho khí thuốc lọt ra phía trước, vỏ đầu đạn được làm bằng vật liệu bền, dẻo, ít han gỉ, rẽ tiền như đồng thau, thép mạ, thép ghép đồng.

Lõi đầu đạn: Là phần bên trong của đầu đạn, tùy theo cách cấu tạo lõi mà quyết định tính chất và tác dụng của đầu đạn.

Tên gọi, tác dụng, cấu tạo các loại đầu đạn:

Ví dụ: Đầu đạn thường lõi bằng kim loại có độ cứng vừa phải (thép non). Đầu đạn cháy lõi chứa thuốc cháy.

- Đầu đạn thường

+ Tác dụng: Để tiêu diệt địch ngoài công sự, sau các vật che khuất, che đỡ mà đầu đạn có thể xuyên qua.

+ Cấu tạo: Vỏ đầu đạn, lớp chì, lõi thép, chóp đầu đạn không sơn.

- Đầu đạn vạch đường

+ Tác dụng: Để tiêu diệt địch, ngoài ra còn để sửa bắn và chỉ thị mục tiêu ở cự li 800m trở lại.

+ Cấu tạo: Vỏ đầu đạn, lớp chì, lõi chì, ống đựng thuốc vạch sáng, thuốc vạch sáng, chóp đầu đạn sơn màu lá cây.

- Đầu đạn xuyên cháy

+ Tác dụng: Để đốt cháy chất dễ cháy và tiêu diệt sinh lực địch ở sau những vật chắn có bọc thép mỏng ở cự li 300m trở lại.

+ Cấu tạo: Vỏ đầu đạn, lớp chì, lõi thép, tấm đáy bằng chì, mũi đầu đạn, thuốc cháy, chóp đầu đạn sơn màu đen và đỏ.

- Đầu đạn cháy

+ Tác dụng: Để đốt cháy chất dễ cháy.

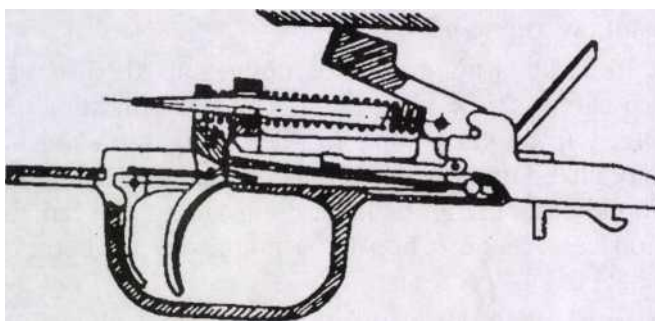
+ Cấu tạo: Vỏ đầu đạn, lớp chì, mũi đầu đạn, tấm đáy, thuốc cháy, chóp sơn màu đỏ.

1.4. Chuyển động của súng

Mở khoá an toàn, lắp đạn vào súng, lên đạn, khoá an toàn không chặn vào tay cò, tay cò chuyển động được

Bóp cò: Đầu cò đẩy cần đẩy, đẩy lẫy búa về trước, mặt tỳ lẫy búa rời khỏi khấc đuôi búa, lò xo búa bung ra đẩy búa đập vào đuôi kim hoả

Khi búa đập mấu đuôi búa đè lên mặt tỳ lẫy bảo hiểm, lẫy bảo hiểm đè lên cần đẩy lẫy cò, làm cho đầu cần đẩy lẫy cò tụt xuống, không tỳ vào mặt tỳ lẫy cò, lẫy cò bị lò xo lẫy cò đẩy về sau (vì ta đang bóp cò), kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc phóng, thuốc phóng cháy sinh ra áp lực khí thuốc đẩy đạn vận động trong nòng súng.



Hình 17: Chuyển động các bộ phận khi bắn

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

Khi đầu đạn qua lỗ trích khí thuốc, một phần khí thuốc qua lỗ truyền khí thuốc đẩy vào mặt thoi, thoi lùi đẩy vào cần đẩy, cần đẩy đẩy vào bộ khoá nòng làm bộ khoá nòng lùi về sau, khi khoá nòng lùi về sau, mấu đạn kéo theo vỏ đạn ra khỏi buồng đạn, gập mấu hất vỏ đạn hất vỏ đạn ra ngoài.

Tay cò vẫn bóp cò (giữ cò), cần lẫy cò vẫn nằm dưới lẫy, lẫy cò vẫn chẹn vào dưới mấu đuôi búa nên búa không đập về phía trước được (không bắn được liên thanh).

Muốn bắn tiếp phải buông tay cò ra, lò xo cò bung ra, làm cần cò và cần đẩy lùi về sau, đầu cần đẩy lẫy rời khỏi khuyết lẫy búa và nâng lên đối diện với thành tỳ lẫy búa.

Khi bắn hết đạn trong hộp tiếp đạn, lẫy báo hết đạn được mấu bàn nâng đạn nâng lên chặn đường lùi khoá nòng ở lại phía sau.

2. Súng tiểu liên AK

Súng tiểu liên Ka-Lát-Nhi-Cốp cỡ 7,62mm do Liên Xô (cũ) chế tạo, gọi tắt là tiểu liên AK. Việt Nam và một số nước dựa theo kiểu AK để sản xuất. Súng

tiểu liên AK được cải tiến gọi là tiểu liên AKM (có thêm một số bộ phận giảm nảy lắp ở đầu nòng súng; lẫy giảm tốc độ đập của búa; bộ phận thước ngắm có vạch khắc đến 10 “tương ứng cự ly thực tế 1000m” và khác lưỡi lê), gọi là súng AKM; loại có báng gập gọi là AKMS.



Hình 18: Súng tiểu liên AK

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

2.1. Tác dụng và tính năng chiến đấu

2.1.1. Tác dụng

- Súng tiểu liên AK, AKM, AKMS trang bị cho từng người sử dụng, dùng hỏa lực, lưỡi lê, báng súng để tiêu diệt sinh lực địch, súng cấu tạo gọn nhẹ, bắn được liên thanh và phát một;

- Súng sử dụng đạn kiểu 1943 do Liên Xô (cũ) sản xuất, hoặc đạn kiểu 1956 (K56) do Trung Quốc và một số nước sản xuất. Việt Nam đã sản xuất đạn AK và đưa vào sử dụng; gồm có các loại đầu đạn thường, đầu đạn vạch đường, đầu đạn xuyên cháy, đầu đạn cháy, hộp tiếp đạn chứa 30 viên.

2.1.2. Tính năng chiến đấu

- Tầm bắn xa nhất: 3000 m
- Bắn hiệu quả nhất: 400 m
- Hỏa lực tập trung mục tiêu mặt đất: 800 m
- Bắn máy bay quân dù: 500 m
- Tầm bắn thẳng: Mục tiêu người nằm 350 m
Mục tiêu người chạy 525 m
- Tầm bắn ghi trên thước ngắm:
 - Súng AK thường: 800 m
 - Súng AK cải tiến: 1000 m
- Đầu đạn vẫn có khả năng sát thương mục tiêu ở cự ly: 1500 m.
- Tốc độ đầu của đầu đạn: AK 710 m/s; AKM 715 m/s
- Tốc độ bắn: Lý thuyết 600 phát/phút

Bắn liên thanh 100 phát/phút

Bắn phát một 40 phát/phút

- Khối lượng súng nặng: 3,8kg (Không có lê, lắp hộp tiếp đạn không có đạn).

- Khối lượng súng nặng: 4,3kg (Không có lê, lắp hộp tiếp đạn có đủ 30 viên đạn).

- Khối lượng viên đạn nặng: 16,2 gam

- Chiều dài của súng: Khi lắp lê 1020 mm

Không lắp lê 870 mm

2.2. Cấu tạo chung của súng và đạn

2.2.1. Cấu tạo chung của súng

Súng tiểu liên AK gồm có 11 bộ phận chính sau:

- Nòng súng;
- Bộ phận ngắm;
- Hộp khoá nòng, nắp hộp khoá nòng;
- Bộ khoá nòng và thoi đẩy;
- Khoá nòng;
- Bộ phận cò;
- Bộ phận đẩy về;
- Ống dẫn thoi, ốp lót tay;
- Báng súng, tay cầm;
- Hộp tiếp đạn;
- Lê.

Đồng bộ của súng: Phụ tùng, dây súng, túi đựng hộp tiếp đạn, đầu đạn để bắn đạn hơi, thông nòng, ống đựng phụ tùng và phụ tùng các loại.

2.2.2. Cấu tạo chung của đạn

Vỏ đạn, hạt lửa, thuốc phóng, đầu đạn.

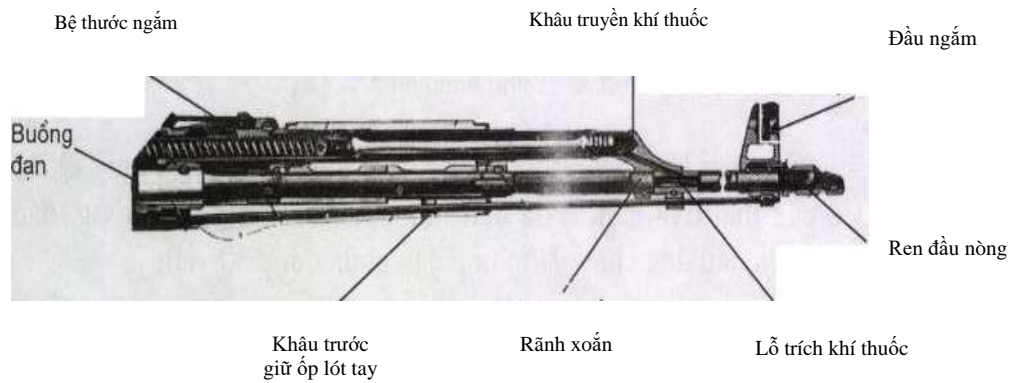
2.3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn

2.3.1. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng

- Nòng súng

+ Tác dụng: Làm buồng đốt và chịu áp lực khí thuốc, định hướng bay cho đầu đạn, tạo cho đầu đạn có tốc độ đầu nhất định, làm cho đầu đạn xoay tròn quanh trục của nó khi chuyển động.

+ Cấu tạo:



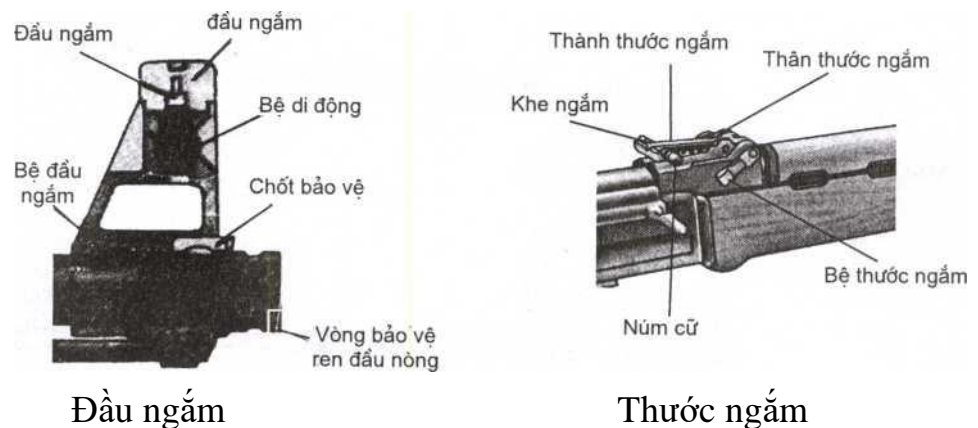
Hình 19: Bộ phận nòng súng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Bộ phận ngắm

+ Tác dụng: Để ngắm bắn vào các mục tiêu ở cự li khác nhau.

+ Cấu tạo:



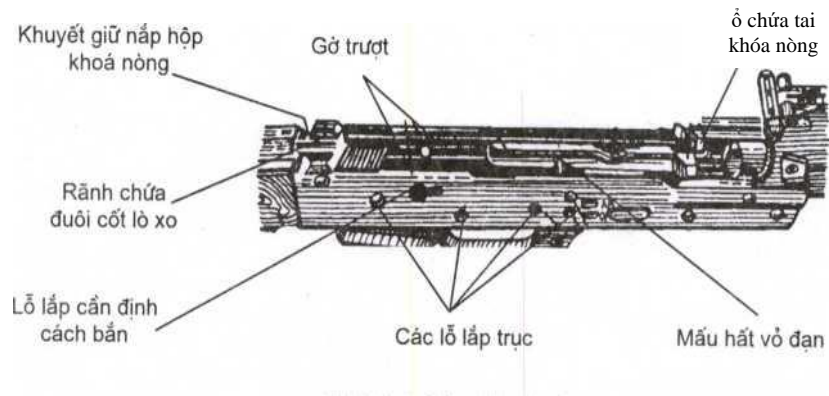
Hình 20: Bộ phận ngắm

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Hộp khoá nòng

+ Tác dụng: Để liên kết các bộ phận của súng; hướng cho bộ khoá nòng và khoá nòng chuyển động; che bụi và bảo vệ các bộ phận bên trong hộp khoá nòng.

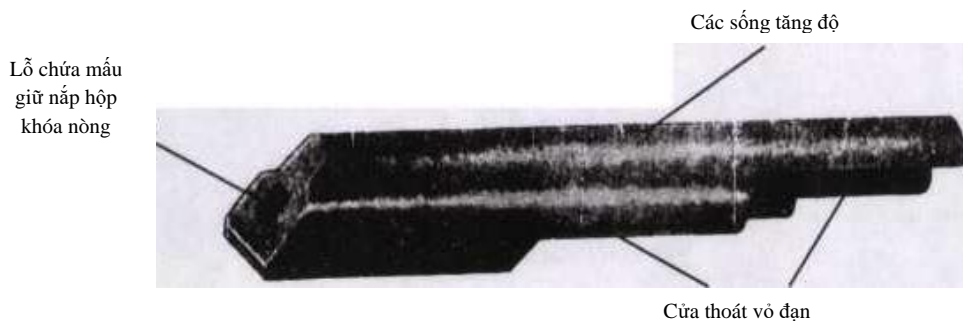
+ Cấu tạo:



Hình 21: Hộp khoá nòng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

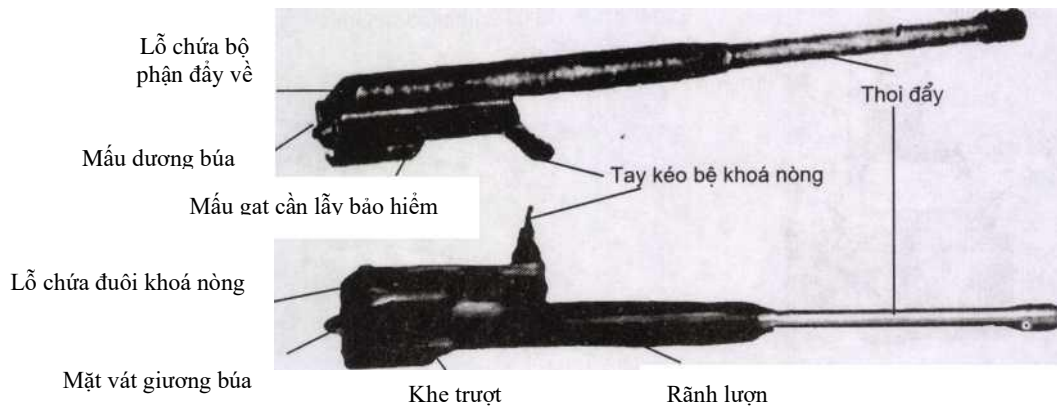
- Nắp hộp khoá nòng
- + Tác dụng: Bảo vệ các bộ phận bên trong của súng;
- + Cấu tạo:



Hình 22: Nắp hộp khoá nòng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Bộ khoá nòng và thoi đẩy
- + Tác dụng: Làm cho khoá nòng và bộ phận cò chuyển động, thoi đẩy để chịu áp lực khí thuốc đẩy bộ khoá nòng lùi.
- + Cấu tạo:



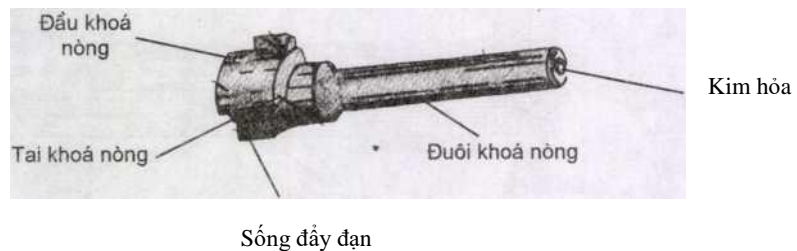
Hình 23: Bộ khoá nòng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Khoá nòng

+ Tác dụng: Để đẩy đạn vào buồng đạn, đóng và mở khoá, làm đạn nổ và kéo vỏ đạn ra khỏi buồng đạn.

+ Cấu tạo:



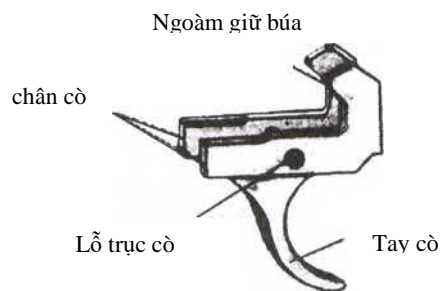
Hình 24: Bộ khoá nòng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Bộ phận cò

+ Tác dụng: Để giữ búa ở thế gương, làm búa đập vào kim hỏa, định cách bắn, khoá an toàn và chống nổ sớm khi chưa đóng khoá chắc chắn.

+ Cấu tạo:



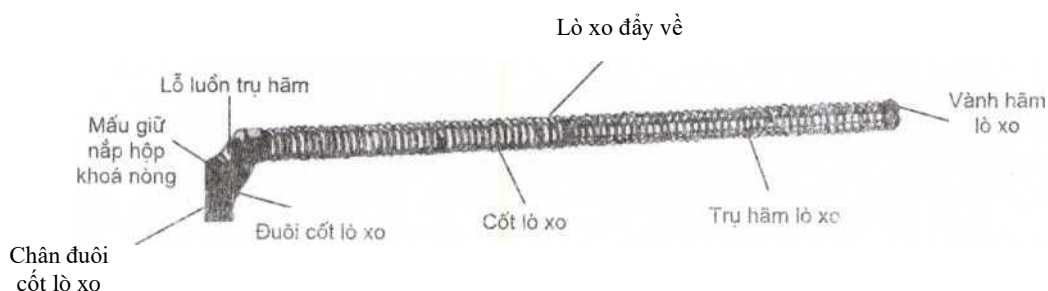
Hình 25: Bộ phận cò

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Bộ phận đẩy về

+ Tác dụng: Để đẩy bệ khoá nòng, khoá nòng về phía trước và giữ nắp hộp khoá nòng.

+ Cấu tạo:



Hình 26: Bộ phận đẩy về

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

+ Tác dụng: Để dẫn thoi chuyển động, giữ súng và bảo vệ tay khỏi nóng khi bắn.

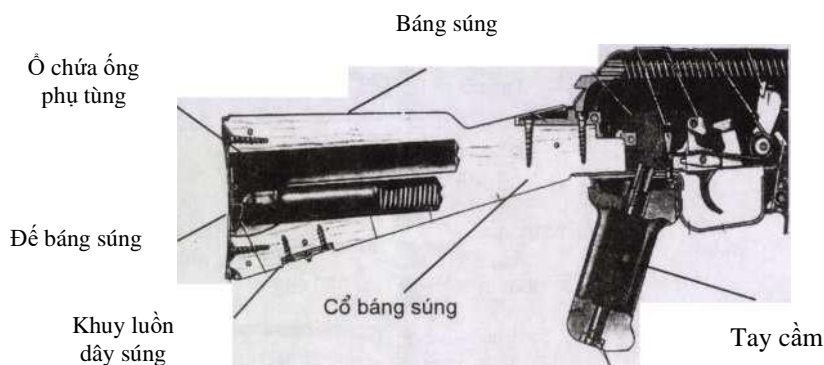
+ Cấu tạo:



Hình 27: Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

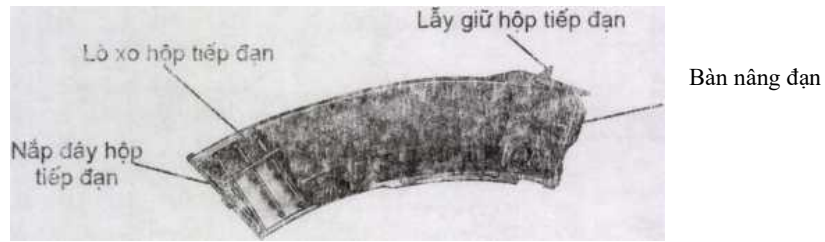
- Báng súng và tay cầm
- + Tác dụng: Để tì súng vào vai và giữ súng khi bắn.
- + Cấu tạo: Đế báng súng, tay cầm, ổ chứa ống phụ tùng, khay lòng dây súng.



Hình 28: Báng súng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Hộp tiếp đạn
- + Tác dụng: Để chứa đạn và tiếp đạn cho súng.
- + Cấu tạo:



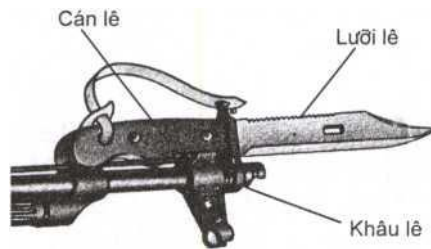
Hình 29: Hộp tiếp đạn

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Lê

+ Tác dụng: Để diệt địch khi đánh gần, dùng thay dao, cưa, kéo cắt dây thép gai.

+ Cấu tạo:



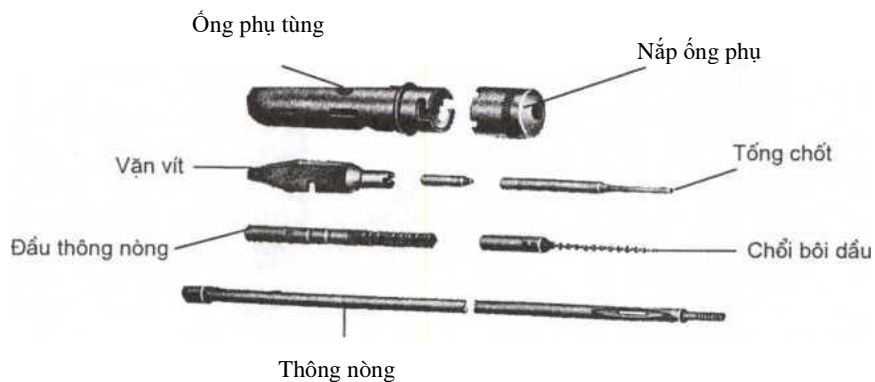
Hình 30: Lưỡi lê

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Phụ tùng

+ Tác dụng: Để tháo lắp, lau chùi và sửa chữa súng

+ Cấu tạo:



Hình 31: Phụ tùng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

2.3.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của đạn: (Xem ở phần bình khí súng trường CKC).

2.4. Chuyển động của súng

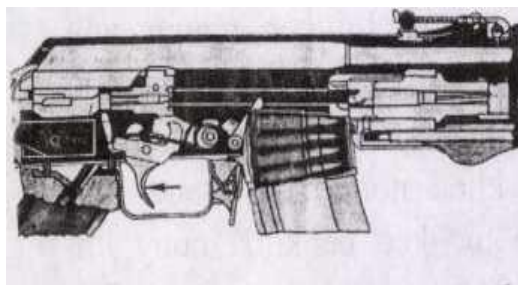
2.4.1. Khi bắn liên thanh

- Gạt cần định cách bắn về vị trí bắn liên thanh, mấu đề đề lên đuôi lẫy phát một làm lẫy phát một không xoay quanh trục cò.

- Bóp cò, ngòam giữ búa rời khỏi tai búa, búa nhờ tác dụng của lò xo đập vào đuôi kim hoả, kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc phóng, thuốc phóng cháy sinh ra áp lực đẩy đầu đạn chuyển động. Khi đầu đạn qua lỗ trích khí thuốc, một phần khí thuốc phụt qua lỗ truyền khí thuốc đẩy vào mặt thoi đẩy bộ khoá nòng lùi. Khi bộ khoá nòng lùi, các bộ phận chuyển động như khi lên đạn, chỉ khác:

+ Khoá nòng kéo theo vỏ đạn gặp mấu hất vỏ đạn, hất vỏ đạn ra ngoài.

+ Tay vẫn bóp cò, ngòam giữ búa ở phía trước nên búa không bị giữ lại khi đầu lẫy bảo hiểm rời khỏi khác đuôi búa thì búa lại tiếp tục đập vào kim hoả làm đạn nổ. Cứ như vậy mọi hoạt động được lặp lại cho đến khi hết đạn.



Hình 32: Vị trí các chi tiết bộ phận cò khi bắn liên thanh

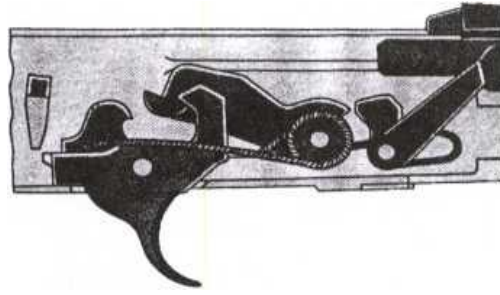
(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Khi bắn hết đạn, mặt khoá nòng nằm sát mặt cắt phía sau nòng súng, mặt búa tì vào đuôi kim hoả.

- Nếu còn đạn thả cò ra, ngòam giữ búa ngả về sau mắc vào tai búa giữ búa ở thế giương

2.4.2. Khi bắn phát một

Gạt cần định cách bắn về vị trí bắn phát một, mấu đề không đề lên lẫy phát một, làm cho lẫy phát một xoay cùng trục cò. Khi bóp cò hoạt động của các bộ phận của súng như bắn liên thanh, chỉ khác: Khi búa ngả về sau, do vẫn bóp cò nên khác mắc lẫy phát một của búa mắc vào khác đầu lẫy phát một, muốn bắn tiếp phải thả tay cò để lẫy phát một ngả về sau, búa rời khỏi khác mắc lẫy phát một của búa, búa đập lên nhưng bị ngòam giữ búa ở thế giương,...



Hình 33: Vị trí các chi tiết bộ phận cò khi bắn phát một

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

B. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

1.1. Súng trường CKC

1.1.1. Quy tắc tháo lắp súng

Tháo lắp thông thường để lau chùi, bôi dầu và kiểm tra súng. Khi tháo lắp phải tuân theo qui tắc sau đây:

- Người tháo lắp phải nắm vững cấu tạo của chúng.
- Trước khi tháo súng phải kiểm tra xem trong súng còn đạn không (khám súng). Nếu còn đạn phải tháo hết đạn ra mới được tháo súng.
- Phải chọn nơi khô ráo, sạch sẽ để tháo lắp. Trước khi tháo lắp phải chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ (bàn hoặc chiếu, bạt, ni lông...), phụ tùng để tháo lắp.
- Khi tháo lắp phải dùng đúng phụ tùng, đúng thứ tự động tác và đặt các bộ phận đã tháo có thứ tự gọn gàng, ngăn nắp. Khi gặp vướng mắc khó tháo hoặc khó lắp phải nghiên cứu thận trọng, không dùng sức mạnh đập, bẩy làm hỏng súng.

1.1.2. Tháo và lắp súng

- Tháo súng

Khám súng: Mở hộp tiếp đạn kiểm tra súng. Tay trái nắm ốp lót tay, đầu súng hướng lên trên, mặt súng quay sang trái tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, kéo theo khoá nòng về ngón cái hoặc ngón trỏ tì vào lẫy giữ hộp tiếp đạn kéo xuống, mở hộp tiếp đạn ra, mở khóa an toàn về vị trí bắn, ngón cái kéo bệ khóa nòng xuống dưới hết cỡ thả ra không bóp cò.

- + Bước 1: Tháo ống đựng phụ tùng

Tay trái nắm ốp lót tay, nhấc súng lên khỏi mặt bàn 20cm, tay phải dùng ngón trỏ ấn nắp ổ chứa phụ tùng vào hết cỡ, đầu ngón tay tỳ vào đầu ống phụ tùng, lấy ống phụ tùng ra khỏi ổ chứa phụ tùng.

Hai tay kết hợp mở nắp ống phụ tùng, tháo rời phụ tùng ra khỏi ống đựng đặt lên bàn.

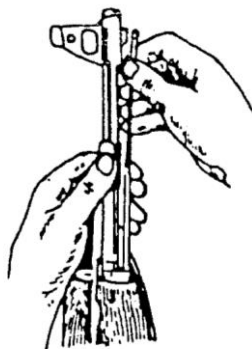


Hình 34: Tháo ống phụ tùng

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề, Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Bước 2: Tháo thông nòng

Tay trái nắm đầu báng súng dựng súng thẳng đứng trên bàn, tay phải nắm chuôi lê kéo, mở lê ra khoảng 45, sau đó kéo thông nòng sang phải sao cho đầu thông nòng rời khỏi khuyết chứa, lấy thông nòng ra rồi gập lê lại

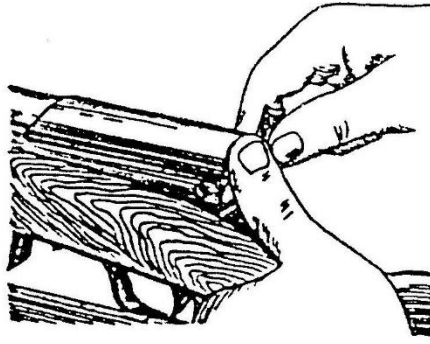


Hình 35: Tháo thông nòng

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề, Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Bước 3: Tháo nắp hộp khoá nòng và bộ phận đẩy về

Đặt súng trên bàn miệng nòng súng hướng về trước, mặt súng hướng lên trên; tay trái nắm cổ báng súng, ngón tay cái hơi đẩy nắp hộp khoá nòng về trước, tay phải quay then hãm nắp hộp khoá nòng lên trên 90°, kéo then hãm sang phải hết cỡ, lấy nắp hộp khoá nòng ra, rút bộ phận đẩy về ra.



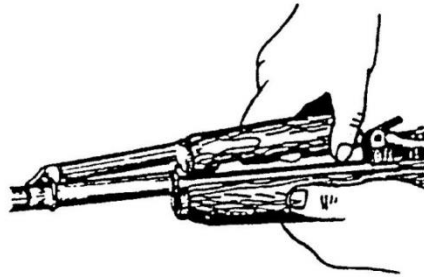
Hình 36: Tháo nắp hộp khoá nòng và bộ phận đẩy về

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Bước 4: Tháo bộ khoá nòng và khoá nòng

Tay trái giữ súng như cũ, tay phải choàng lên bộ khoá nòng kéo về sau, hơi nghiêng mặt súng sang phải, tay phải lấy bộ khoá nòng và khoá nòng ra khỏi hộp khoá nòng. Tay trái đặt súng xuống bàn, cầm khoá nòng tháo ra khỏi bộ khoá nòng.

+ Bước 5: Tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay trên



Hình 37: Tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

Tay trái nắm súng (trên hộp tiếp đạn), tay phải dùng tổng chốt hoặc ngón trỏ xoay cần trục hãm lên trên 45° (sao cho mặt phẳng trục hãm đối diện với mặt phẳng sau ống dẫn thoi);

Tay trái nâng đầu nòng súng lên, tay phải nhắc đuôi ống dẫn thoi lên lấy ra, tay trái đặt súng xuống kết hợp hai tay lấy thoi đẩy ra khỏi ống dẫn thoi.

- Lắp súng

+ Bước 1: Lắp ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

Tay phải cầm ống dẫn thoi, tay trái lắp thoi đẩy vào ống, tay trái nắm bụng súng, trên hộp tiếp đạn nâng đầu súng lên, tay phải lắp đầu ống dẫn thoi vào ổ nén khí, ấn đuôi ống xuống, xoay cần hãm xuống hết mức.

+ Bước 2: Lắp khoá nòng và bộ khoá nòng

Tay phải cầm ngửa bộ khoá nòng, đầu bộ khoá nòng về trước, tay trái lắp thân khoá nòng vào bộ, nắm cổ báng súng, mặt súng hơi nghiêng sang phải.

Tay phải cầm bộ khoá nòng và khoá nòng lắp vào hộp khoá nòng, đẩy bộ khoá nòng lên trên, tay trái rời cổ báng súng ấn lẫy báo hết đạn xuống, tay phải đẩy bộ khoá nòng về trước hết cỡ.

+ Bước 3: Lắp bộ phận đẩy về và nắp hộp khoá nòng

Tay phải lắp bộ phận đẩy về vào ổ chứa, tiếp tục lắp nắp hộp khoá nòng vào hộp khoá nòng, dùng ngón cái ấn đuôi nắp hộp khoá nòng về trước, tay phải dùng cần hãm lên trên 90°, đẩy chốt hãm sang trái hết mức, xoay cần hãm xuống để cho mâu của cần khí với khuyết ở hộp khoá nòng.

Kiểm tra chuyển động của súng

Tay trái cầm cổ báng súng nâng lên, tay phải mở hộp tiếp đạn, mở khoá an toàn kéo khoá nòng về sau 2- 3 lần, nếu súng chuyển động tốt là được, bóp chết cò, đóng nắp hộp tiếp đạn, khoá an toàn.

+ Bước 4: Lắp thông nòng

Tay trái cầm đầu báng súng dùng đứng trên bàn, tay phải mở lê, cầm thông nòng lắp vào súng, đưa đầu thông nòng lọt vào khuyết chứa, gập lê lại.

+ Bước 5: Lắp ống phụ tùng

Hai tay kết hợp đưa phụ tùng vào hộp phụ tùng, đẩy nắp lại, đưa hộp phụ tùng vào lỗ chứa.

1.1.3. Lắp và tháo đạn

Lắp đạn vào kẹp đạn. Tay trái cầm kẹp đạn, tay phải cầm viên đạn lắp từng viên vào kẹp sao cho gờ đáy vỏ đạn khớp với gờ của 2 thành kẹp đạn, cứ như vậy lắp đủ 10 viên đạn.

Tháo đạn ra khỏi kẹp đạn. Tay trái cầm kẹp đạn, tay phải lấy từng viên đạn ra khỏi kẹp đạn.

1.1.4. Hồng học thông thường khi bắn và cách khắc phục:

HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN	CÁCH KHẮC PHỤC
Khoá nòng tiến sát mặt cắt phía sau nòng súng, đạn không vào buồng đạn	- Hộp tiếp đạn bẹp méo han gỉ - Cần nâng đạn yếu, bàn nâng đạn cong vênh	- Lau sạch hộp tiếp đạn - Đưa về trạm sửa chữa
Búa đập về trước nhưng đạn không nổ	- Hạt lửa thối - Kim hoả gãy hoặc kẹt dầu mỡ - Lò xo búa yếu	- Lên đạn tiếp tục bắn - Thay kim hoả (nếu gãy) - Thay lò xo búa
Khoá nòng đẩy đạn vào	- Khoá nòng chưa khoá	- Đẩy khoá nòng về

buồng đạn, bóp cò búa không đập	chắc chắn do lò xo đẩy về yếu. - Khoá nòng hộp khoá nòng bắn.	trước hết cõ, tiếp tục bắn. - Lau sạch, bôi dầu hộp khoá nòng.
Khoá nòng lùn hết về sau, vỏ đạn vẫn ở trong buồng đạn	- Buồng đạn bắn do han gỉ, móc đạn mòn gãy.	- Lau sạch bôi dầu - Đưa về trạm sửa chữa
Khoá nòng lùn kéo theo vỏ đạn ra nửa chừng lại đẩy vỏ đạn về trước	- Lỗ truyền khí thuốc bắn. - Khoá nòng bắn.	- Lau sạch lỗ truyền khí thuốc. - Bôi dầu các bộ phận chuyển động của súng.
Bắn bị nổ liên thanh	-Bộ phận cò quá bắn, lò xo lẫy cò yếu, mấu dìm cần đẩy lẫy cò của lẫy phát 1 bị gãy.	- Tháo đạn, tháo bộ phận cò lau sạch, kiểm tra lại chuyển động tiếp tục bắn. Nếu lò xo lẫy cò yếu hoặc lẫy phát 1 hỏng phải thay thế.

1.1.5. Lau chùi, kiểm tra, chuẩn bị súng, đạn để bắn

- Lau chùi

Súng phải luôn giữ gìn sạch sẽ và tốt, muốn vậy phải lau chùi, bôi dầu cho súng sạch sẽ, kịp thời, việc lau chùi do cá nhân tự giác lau, hoặc tổ chức chỉ huy lau, khi tổ chức chỉ huy lau phải chặt chẽ, đồng thời quy định mức tháo, lau chùi và bôi dầu, thực hiện các quy định sau:

+ Súng phải thường xuyên lau chùi hàng ngày, cuối buổi học tập và công tác;

+ Lau chùi sau khi hành quân đến địa điểm mới;

+ Lau chùi sau khi học tập, làm nhiệm vụ trực ban, trực chiến;

+ Lau chùi sau khi súng bị dính cát, bụi đất hoặc gặp mưa;

+ Lau chùi sau khi bắn đạn thật hoặc đạn hơi;

+ Lau chùi sau khi chiến đấu liên tục dài ngày, trong quá trình chiến đấu phải tranh thủ khoảng cách giữa các trận chiến đấu để lau chùi bảo quản súng đạn;

+ Sau khi lau sạch sẽ phải bôi dầu bên trong và bên ngoài cho súng.

- Kiểm tra súng đạn

+ Kiểm tra cấu tạo súng

Các số ghi trên súng phải thống nhất đồng bộ, thước ngắm phải dùng gập dễ dàng, cần định cách bắn và khoá an toàn phải xoay được các vị trí dễ dàng và

tại vị trí phải chắc chắn, trong nòng súng phải sạch sẽ không cong, phình, bẹp méo, han gỉ, hộp khoá nòng các bộ phận phải đủ.

+ Kiểm tra chuyên động súng

Khi kiểm tra phải đạt được các điều kiện sau:

Mở khoá an toàn, mở nắp hộp tiếp đạn, kéo bộ khoá nòng về sau hết cỡ, thả tay kéo khoá nòng ra, khoá nòng phải tiến sát phía sau nòng súng, bóp cò nghe tiếng “tách” búa đập vào kim hoả là được.

Giữ nguyên cò, kéo bộ khoá nòng về sau hết cỡ thả ra, khi khoá nòng tiến sát phía sau nòng súng búa không đập vào kim hoả, thả tay cò ra bóp cò búa đập vào kim hoả là được.

Đóng nắp hộp tiếp đạn lại, kéo bộ khoá nòng về sau hết cỡ, thả tay kéo bộ khoá nòng ra bị lẫy báo hết đạn giữ lại ở phía sau.

Khi thay đổi vị trí khoá an toàn, khoá an toàn phải được giữ lại chắc chắn ở các vị trí.

+ Kiểm tra đạn

Đạn không dính dầu mỡ, ẩm ướt, han gỉ, vỏ đạn không có vết rạn nứt, đầu đạn không cong vênh.

- Kiểm tra súng đạn để bắn

Giai đoạn tập bắn, kiểm tra bắn đạn thật, người bắn phải tiến hành kiểm tra chuẩn bị súng đạn để bắn

+ Kiểm tra súng đạn: như kiểm tra ở trên

+ Lau chùi bôi dầu cho súng

+ Lau chùi đạn sạch sẽ và kiểm tra buồng đạn, hộp tiếp đạn

+ Thực hiện lắp đạn vào hộp tiếp đạn: Tay trái cầm kẹp đạn, tay phải lắp đạn vào kẹp sao cho gờ đít đạn ăn khít với gờ của 2 thành kẹp đạn cứ như thế lắp cho đến khi đầy đạn 10 viên vào kẹp đạn.

1.2. Súng tiểu liên AK

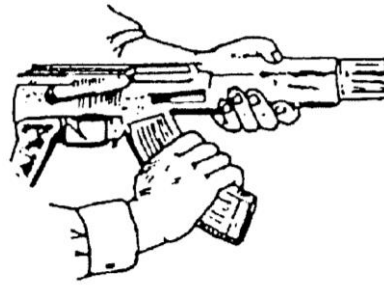
1.2.1. Quy tắc tháo lắp: (Xem ở phần binh khí súng trường CKC).

1.2.2. Tháo và lắp súng

- Tháo súng

+ Bước 1: Tháo hộp tiếp đạn, kiểm tra súng

Tay trái nắm ốp lót tay giữ súng dựng đứng trên bàn, miệng súng hướng lên trên, mặt súng sang trái; Tay phải nắm hộp tiếp đạn, ngón cái bóp lẫy giữ hộp tiếp đạn, đồng thời đẩy hộp tiếp đạn lên trên lấy ra đặt xuống bàn; Tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, kéo tay kéo khoá nòng về sau hết cỡ, nhìn xem trong buồng đạn có đạn hay không, thả khoá nòng về trước

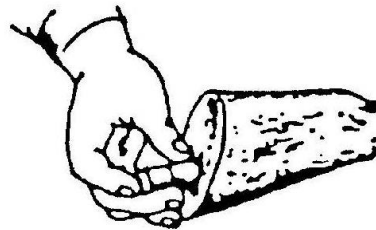


Hình 38: Tháo hộp tiếp đạn, kiểm tra súng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

+ Bước 2: Tháo ống phụ tùng

Tay trái nắm ốp lót tay, nhấc súng lên khỏi mặt bàn, tay phải dùng ngón trỏ ấn nắp ổ chứa phụ tùng vào hết cỡ, đầu ngón tay tỳ vào đầu ống phụ tùng, lấy ống phụ tùng ra khỏi ổ chứa phụ tùng. Hai tay kết hợp mở nắp ống phụ tùng, tháo rời phụ tùng ra khỏi ống đựng đặt lên bàn.

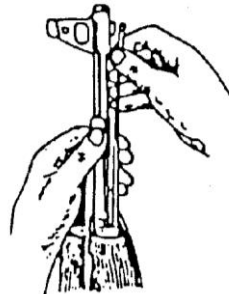


Hình 39: Tháo ống phụ tùng

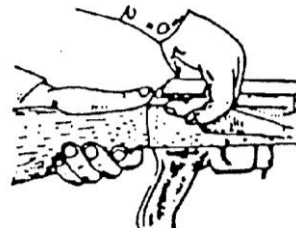
(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

+ Bước 3: Tháo thông nòng

Tay trái giữ súng như khi tháo hộp tiếp đạn, tay phải cầm thông nòng kéo sang phải sao cho đầu thông nòng rời khỏi khuyết chứa lấy thông nòng ra.



Hình 40: Tháo thông nòng



Hình 41: Tháo nắp hộp khoá nòng

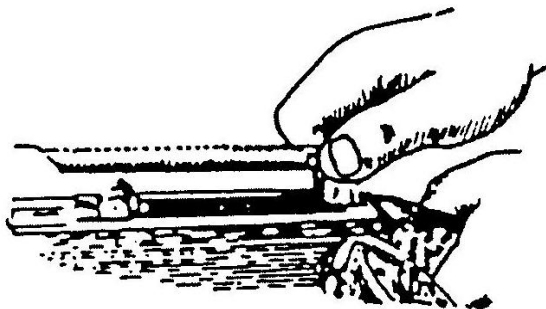
(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

+ Bước 4: Tháo nắp hộp khoá nòng

Đặt súng trên bàn miệng nòng súng hướng về trước, mặt súng hướng lên trên; Tay trái nắm cổ báng súng, ngón tay cái ấn máng giữ nắp hộp khoá nòng tụt vào trong, tay phải cầm nắp hộp khoá nòng nhấc lên lấy ra.

+ Bước 5: Tháo bộ phận đẩy về

Tay trái nắm cổ báng súng, tay phải cầm đuôi cốt lò xo đẩy về ấn về trước cho chân đuôi cốt lò xo rời khỏi khuyết chứa ở hộp khoá nòng, nhấc lên lấy ra.

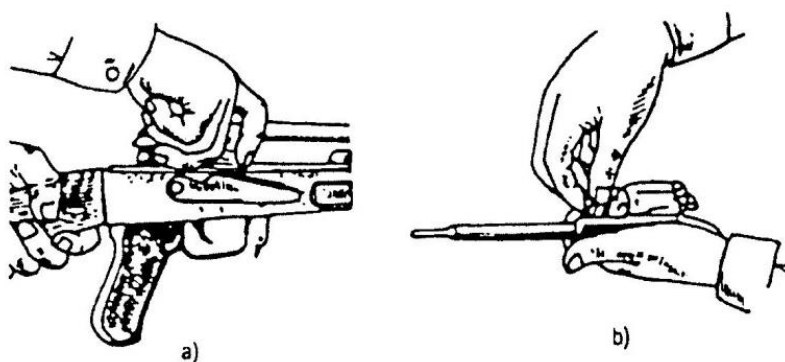


Hình 42: Tháo bộ phận đẩy về

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

+ Bước 6: Tháo bệ khoá nòng và khoá nòng

Tay trái nắm cổ báng súng, tay phải nắm bệ khoá nòng, kéo bệ khoá nòng về sau hết mức, nhấc lên lấy ra khỏi hộp khoá nòng; Tay trái đặt súng xuống, tay phải lật ngửa bệ khoá nòng, tay trái đẩy khoá nòng về sau xoay khoá nòng sang phải rồi rút khoá nòng ra.



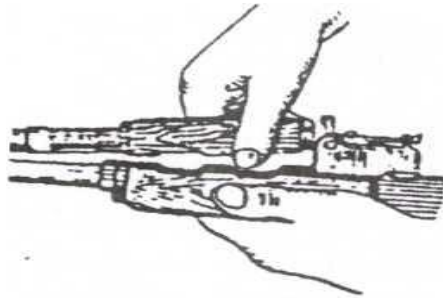
Hình 43: Tháo bệ khoá nòng và khoá nòng

- Tháo bệ khoá nòng và khoá nòng ra khỏi súng;
- Tháo khoá nòng ra khỏi bệ khoá nòng

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

+ Bước 7: Tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

Tay trái nắm ốp lót tay dưới, lòng bàn tay ngửa, tay phải dựng ống đựng phụ tùng đưa vào đầu díp giữ ống dẫn thoi xoay lên trên 45° để mặt bằng trục lấy thẳng với mặt cắt phía sau của ốp lót tay trên và ống dẫn thoi nhấc lên lấy ra.



Hình 44: Tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Lắp súng

+ Bước 1: Lắp ống dẫn thoi và ốp lót tay trên

Tay trái nắm ốp lót tay dưới, lòng bàn tay ngửa, tay phải cầm ống dẫn thoi và ốp lót tay trên, lắp đầu ống dẫn thoi vào đầu khâu truyền khí thuốc, ấn ốp lót tay trên xuống hết mức, ấn díp giữ ống dẫn thoi xuống, nếu chặt dùng ống phụ tùng ấn lấy giữ xuống.

+ Bước 2: Lắp bộ khoá nòng và khoá nòng

Tay phải cầm ngửa bộ khoá nòng, đầu thoi về trước, tay trái cầm khoá nòng, lắp vào lỗ chứa khoá nòng, xoay khoá nòng sang trái và đẩy về trước, tay phải cầm cổ báng súng, mặt súng hơi nghiêng sang phải, ngón cái tay phải tỳ vào tai khoá trái, giữ khoá nòng ở vị trí phía trước, lắp thoi và bộ khoá nòng vào hộp khoá nòng, đẩy bộ khoá nòng lên trên hết cỡ.

+ Bước 3: Lắp bộ phận đẩy về

Tay trái cầm cổ báng súng, tay phải cầm đuôi cốt lò xo đẩy về, lắp đầu cốt lò xo đẩy về vào lỗ chứa, ấn đuôi cốt lò xo đẩy về khớp vào rãnh dọc hộp khoá nòng.

+ Bước 4: Lắp nắp hộp khoá nòng

Tay trái cầm cổ báng súng, tay phải cầm nắp hộp khoá nòng, lắp đầu nắp hộp khoá nòng vào khuyết chứa hình cung ở bộ thước ngắm, lòng bàn tay ấn nắp hộp khoá nòng xuống sao cho mấu giữ lọt vào lỗ giữ nắp hộp khoá nòng.

Kiểm tra chuyển động của súng

Tay trái cầm ốp lót tay, giữ súng trên bàn, tay phải cầm tay kéo khoá nòng kéo bệ khoá nòng về sau 2-3 lần, nếu súng chuyển động tốt là được, bóp chết cò, tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí khoá an toàn.

+ Bước 5: Lắp thông nòng

Tay trái nắm ốp lót tay (hoặc khâu truyền khí thuốc) giữ súng như khi tháo. Tay phải lắp thông nòng vào các lỗ ở dưới khâu truyền khí thuốc và khâu giữ ốp lót tay dưới, cầm đuôi thông nòng kéo sang phải và ấn xuống hết cỡ.

+ Bước 6: Lắp phụ tùng

Tay trái giữ ống đựng phụ tùng, tay phải lắp các phụ tùng vào ống rồi đẩy nắp ống đựng phụ tùng. Tay phải cầm ống đựng phụ tùng đặt đầu ống vào ổ chứa, dùng ngón trỏ đẩy ống vào hết mức rồi rút ngón tay ra, nắp ống tự động đóng lại. Với súng tiểu liên báng gấp thì cất ống phụ tùng vào túi đựng hộp tiếp đạn.

+ Bước 7: Lắp hộp tiếp đạn

Tay trái giữ súng như khi tháo hộp tiếp đạn, tay phải cầm hộp tiếp đạn lắp máu trước của hộp tiếp đạn khớp vào khuyết chứa ở hộp khoá nòng, ấn cho máu sau của hộp tiếp đạn khớp vào lẫy giữ.

1.2.3. Lắp và tháo đạn ra khỏi hộp tiếp đạn

- Lắp đạn: Tay trái giữ hộp tiếp đạn, xoay hộp tiếp đạn quay sang trái. Tay phải cầm viên đạn, đầu đạn quay sang phải, đặt viên đạn vào cửa tiếp đạn rồi ấn xuống, đáy vỏ đạn phải sát thành sau của hộp tiếp đạn. Lắp đủ 30 viên sẽ nhìn thấy đáy vỏ viên đạn ở lỗ kiểm tra

- Tháo đạn: Tay trái cầm hộp tiếp đạn, xoay hộp tiếp đạn quay vào trong. Tay phải dùng đầu ngón tay cái đẩy đáy vỏ đạn về trước, cứ như vậy đến khi hết đạn



Hình 45: Lắp đạn



Hình 46: Tháo đạn

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

1.2.4. Hông học thông thường khi bắn và cách khắc phục

HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN	CÁCH KHẮC PHỤC
Khoá nòng tiến sát mặt cắt phía sau nòng súng, đạn không vào buồng đạn.	Hộp tiếp đạn bẹp méo; han gỉ; lò xo hộp tiếp đạn yếu.	Thay hộp tiếp đạn khác để bắn Thay lò xo hộp tiếp đạn.
Đạn bị kẹt, đầu đạn đâm vào mặt cắt phía sau của nòng súng, bệ khoá nòng và khoá nòng dừng lại ở giữa chừng.	Cửa hộp tiếp đạn bị bẹp méo.	Giữ tay kéo khoá nòng ở vị trí sau cùng, lấy viên đạn bị kẹt ra, thả bệ khoá nòng để khoá nòng đẩy viên đạn khác vào buồng đạn, bắn tiếp; nếu vẫn hông thay hộp tiếp đạn khác.
Không kéo được vỏ đạn ra ngoài; viên đạn khác đâm vào đít vỏ đạn trong buồng đạn.	Buồng đạn và đạn bị bắn hoặc móc đạn yếu hay bị sút.	Tháo hộp tiếp đạn ra khỏi súng, giữ bệ khoá nòng ở phía sau cùng, lấy viên đạn bị kẹt ra; dùng thông nòng đẩy viên đạn ra khỏi buồng đạn; lau sạch buồng đạn và đạn; lắp đạn vào bắn tiếp, nếu vẫn hông thay móc đạn hoặc lò xo móc đạn.
Bắn không nổ(khoá nòng đã khoá, đạn có trong buồng đạn nhưng bóp cò, đạn không nổ).	Đạn hông, kim hoá mòn, gãy hoặc bắn; bộ phận cò bị bắn.	Kéo mạnh khoá nòng về sau. Lên viên đạn khác bắn tiếp. Nếu vẫn hông học lau sạch bộ phận cò và kim hoá; nếu kim hoá bị mòn, gãy; bộ phận cò bị hông đưa về trạm sửa chữa.
Vỏ đạn không hát ra khỏi hộp khoá nòng; hoặc bị khoá nòng đẩy trở lại vào buồng đạn.	Móc đạn bị bắn; máu hát vỏ đạn mòn hoặc gãy; khâu truyền khí thuốc bị bắn.	Kéo bệ khoá nòng về sau, lấy vỏ đạn ra lên đạn bắn tiếp; nếu vẫn bị hông lau sạch ổ chứa đít đạn, móc đạn, khâu truyền khí thuốc; nếu máu hát vỏ đạn bị mòn, gãy đưa về trạm sửa chữa.

1.2.5. Lau chùi, kiểm tra, chuẩn bị súng đạn để bắn

- Lau chùi

Súng phải luôn giữ gìn sạch sẽ và tốt, muốn vậy phải lau chùi, bôi dầu cho súng sạch sẽ, kịp thời, việc lau chùi do cá nhân tự giác lau, hoặc tổ chức chỉ huy lau, khi tổ chức chỉ huy lau phải chặt chẽ, đồng thời quy định mức tháo, lau chùi và bôi dầu, thực hiện các quy định sau:

- + Súng phải thường xuyên lau chùi hàng ngày, cuối buổi học tập và công tác;
- + Lau chùi sau khi hành quân đến địa điểm mới;

- + Lau chùi sau khi học tập, làm nhiệm vụ trực ban, trực chiến;
- + Lau chùi sau khi súng bị dính cát, bụi đất hoặc gặp mưa;
- + Lau chùi sau khi bắn đạn thật hoặc đạn hơi;
- + Lau chùi sau khi chiến đấu liên tục dài ngày, trong quá trình chiến đấu phải tranh thủ khoảng cách giữa các trận chiến đấu để lau chùi bảo quản súng đạn;
- + Sau khi lau sạch sẽ phải bôi dầu bên trong và bên ngoài cho súng.
- Kiểm tra súng đạn
- + Kiểm tra cấu tạo súng

Các số ghi trên súng phải thống nhất đồng bộ, thước ngắm phải dùng gập dễ dàng, cần định cách bắn và khoá an toàn phải xoay được các vị trí dễ dàng và tại vị trí phải chắc chắn, trong lòng súng phải sạch sẽ không cong, phình, bẹp han gỉ, hộp khoá nòng các bộ phận phải đủ.

- + Kiểm tra chuyển động của súng

Đưa cần định cách bắn về các vị trí liên thanh, phát 1 kéo bệ khoá nòng về sau hết cỡ, thả tay kéo khoá nòng ra, khoá nòng phải mắc ở phía sau, bóp cò khoá nòng phải lao mạnh về phía trước, nếu ở vị trí liên thanh thì nghe tiếng “tách” do tiếng đập của búa vào kim hoả là được. Nếu ở vị trí phát 1 khoá nòng mắc ở phía sau, thả tay kéo khoá nòng ra nghe “tách”, bóp cò búa đập mạnh về trước là được; Đưa cần định cách bắn về vị trí an toàn, bóp cò tay cò không chuyển động về sau, búa vẫn ở tư thế giương.

- + Kiểm tra đạn

Đạn không dính dầu mỡ, ẩm ướt, han gỉ, vỏ đạn không có vết rạn nứt, đầu đạn không cong vênh là được.

- Kiểm tra súng đạn để bắn

+ Giai đoạn tập bắn, kiểm tra bắn đạn thật, người bắn phải tiến hành kiểm tra chuẩn bị súng đạn để bắn;

- + Kiểm tra súng đạn;

- + Lau chùi bôi dầu;

- + Lau chùi đạn sạch sẽ và kiểm tra buồng đạn, hộp tiếp đạn;

+ Thực hiện lắp đạn vào hộp tiếp đạn: Khi lắp đạn tay trái giữ hộp tiếp đạn, tay phải lắp từng viên đưa vào cửa hộp tiếp đạn, cứ như vậy lắp đủ số đạn cần thiết (súng AK lắp đủ = 30 viên).

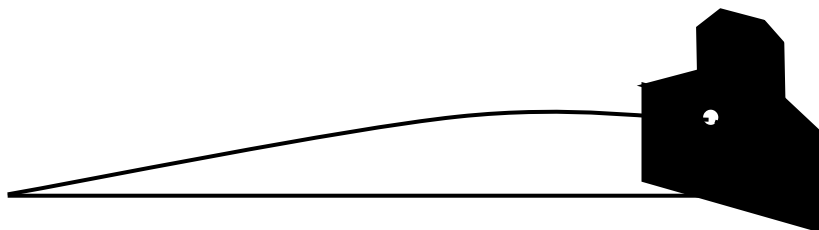
2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.1. Ngắm bắn

2.1.1. Khái niệm về ngắm bắn

- Tại sao phải ngắm bắn

Trong bắn súng, muốn bắn trúng mục tiêu phải ngắm bắn. Khi bắn đầu đạn vận động trong nòng súng ra ngoài không khí, ngay lập tức đầu đạn chịu tác động của không khí và lực hút trái đất, tạo thành đường cong không cân đối, nên người bắn phải xác định góc bắn, để quỹ đạo đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu..



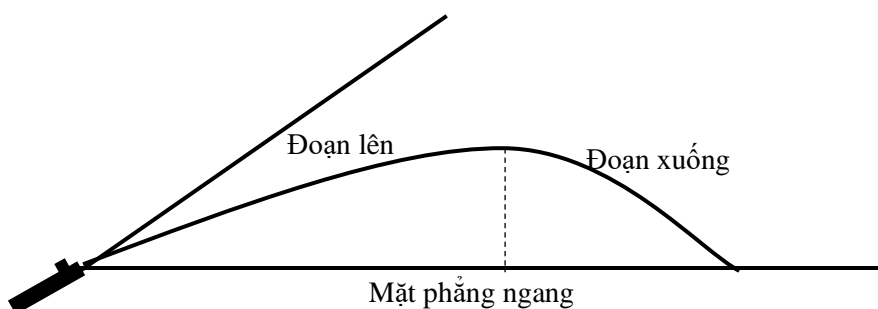
Hình 47: Quỹ đạo đường đạn

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

Đối với súng tiểu liên AK ở cự ly 50m đầu đạn dần dần tách ra khỏi đường phóng, đồng thời chuyển động theo quán tính.

Vì vậy để đạn trúng một điểm trên mục tiêu, không thể đưa thẳng nòng súng vào điểm định bắn mà phải hướng nòng súng chệch lên trên 1 góc nhất định (góc bắn) để điểm chạm (điểm rơi) của đầu đạn trúng vào điểm định bắn trúng.

Nếu gọi đường đạn là đường do trọng tâm đầu đạn vạch ra trong không gian, có thể hình dung đường đạn là một đường cong không cân đối, đoạn đi lên (V_{max}) bao giờ cũng dài hơn đoạn đường đạn đi xuống



Hình 48: Đường đạn trong không gian

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

Để lấy hướng bắn và góc bắn nhanh chóng, chính xác người ta làm sẵn bộ phận ngắm trên súng. Sau khi người bắn ước lượng cự ly bắn, lấy thước ngắm tương ứng, dùng bộ phận ngắm ngắm vào mục tiêu, khi lấy được đường ngắm chính xác thực hiện bóp cò. Làm như vậy gọi là ngắm và bắn.

Vậy: Ngắm là đóng súng vào mục tiêu, lấy góc bắn và hướng bắn để đưa quỹ đạo đường đạn vào điểm định bắn.

2.1.2. Thứ tự thực hành ngắm

- Lấy thước ngắm

Người bắn căn cứ vào cự ly từ người bắn đến mục tiêu là bao nhiêu mét, thực hiện động tác lấy thước ngắm (lấy thước ngắm về tâm).

Ví dụ: Cự ly 300m, lấy thước ngắm 3.

Thực chất của bước này là tạo góc tương ứng giữa đường ngắm và trục nòng súng, tạo cho súng một góc bắn về tâm khi bắn.

- Lấy đường ngắm cơ bản

Lấy đường ngắm cơ bản thực chất là tạo cho súng một góc bắn về tâm và về hướng

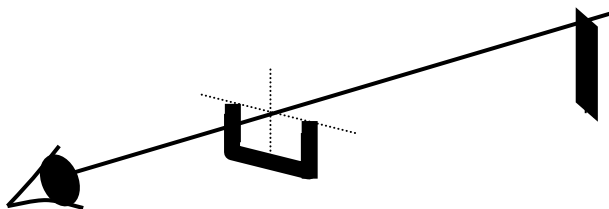
Nội dung lấy đường ngắm cơ bản là giống một đường thẳng từ mắt người ngắm qua khe thước ngắm đến đỉnh đầu ngắm, sao cho đỉnh đầu ngắm ở chính giữa và ngang bằng với 2 mép trên của thành khe ngắm (hoặc tâm lỗ ngắm) với điều kiện mặt súng không bị nghiêng

Việc lấy đường ngắm cơ bản có ý nghĩa quyết định đến tính chính xác của đường ngắm, hay độ chính xác của góc bắn về tâm và về hướng đối với mục tiêu

+ Đường ngắm cơ bản

Với thước ngắm cơ khí:

Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt ngắm qua chính giữa mép trên khe ngắm (tâm lỗ ngắm) đến chính giữa đỉnh đầu ngắm.

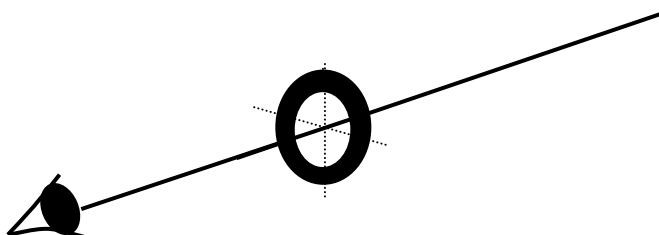


Hình 49: Đường ngắm cơ bản với thước ngắm cơ khí

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

Với kính ngắm quang học:

Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt qua tâm kính nhìn tới giao điểm của vạch khắc tầm và vạch khắc hướng đã xác định với điều kiện kính phải sáng tròn đều.



Hình 50: Đường ngắm cơ bản với kính ngắm quang học

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

- Lấy đường ngắm đúng

Trong chiến đấu không phải lúc nào mục tiêu cũng ở cự li chắn tương ứng cự li ghi trên thước ngắm, ngoài ra đầu đạn còn chịu ảnh hưởng của gió, mật độ không khí, nhiệt độ môi trường...

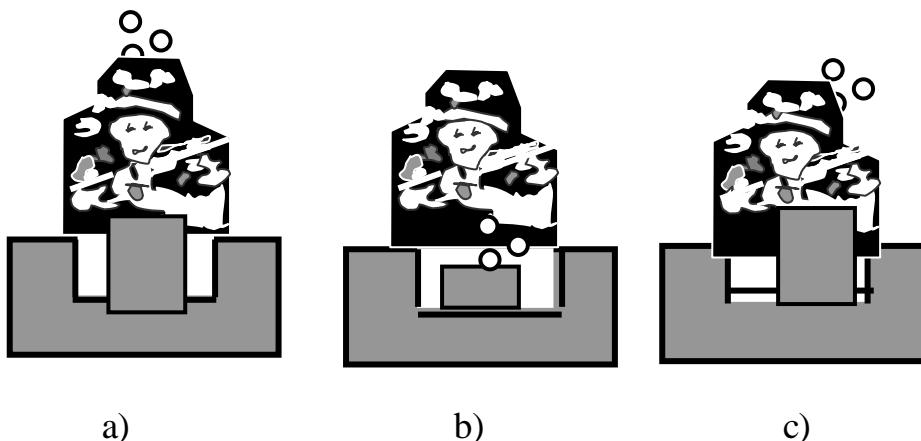
Lấy đường ngắm đúng là đưa đường ngắm cơ bản đến điểm định ngắm trên mục tiêu

Việc lấy đường ngắm là một quá trình phối hợp liên tục giữa lấy đường ngắm cơ bản và đưa đường ngắm cơ bản vào điểm định ngắm trên mục tiêu, phải được duy trì trong suốt quá trình bắn (bắn phát một hoặc trong một loạt bắn liên thanh). Do đặc điểm mắt ngắm chỉ nhìn rõ được 2 điểm còn một điểm trên mục tiêu thường bị mờ.

2.1.3. Ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn

- Lấy sai đường ngắm cơ bản

Lấy sai đường ngắm cơ bản là sai góc bắn về tầm và hướng bắn đối với mục tiêu nghĩa là: Lấy thước ngắm không đúng, đỉnh đầu ngắm không ở chính giữa và ngang bằng với 2 mép trên của thành khe ngắm



Hình 51: Đường ngắm cơ bản sai

- a. Đầu ngắm cao hơn khe ngắm ; b. Đầu ngắm thấp hơn khe ngắm;
- c. Đầu ngắm cao hơn khe ngắm và lệch sang phải

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

Nếu đầu ngắm cao hơn khe ngắm thì điểm chạm trên mục tiêu cao hơn so với điểm định bắn trúng. Nếu đầu ngắm thấp hơn khe ngắm thì điểm chạm trên mục tiêu thấp hơn so với điểm định bắn trúng. Nếu đầu ngắm cao hơn khe ngắm và lệch sang phải thì điểm chạm trên mục tiêu cao và lệch sang bên phải so với điểm định bắn trúng

Bảng chỉ số sai lệch của đạn ở một số cự li của súng trường, súng tiểu liên có cùng mức sai lệch về đường ngắm cơ bản.

- Mặt súng nghiêng

Mặt súng nghiêng là hiện tượng mép trên thành khe ngắm không song song với mặt phẳng ngang. Khi bắn mặt súng nghiêng về bên nào thì đạn lệch về bên đó và thấp xuống.

- Lấy sai điểm ngắm

Khi bắn ngắm sai điểm ngắm bao nhiêu đạn sai lệch bấy nhiêu

Ví dụ: Khi người ngắm, ngắm sai so với điểm ngắm 5cm thì điểm chạm sai là 5cm so với điểm định bắn trúng.

Vì vậy trong quá trình ngắm mặc dù súng có rung động nhỏ, nếu người bắn lấy đường ngắm cơ bản đúng, đường ngắm đúng chuẩn xác, khi người bắn thực hành bóp cò kết thúc phát bắn đạn vẫn trúng mục tiêu.

- Ảnh hưởng của gió

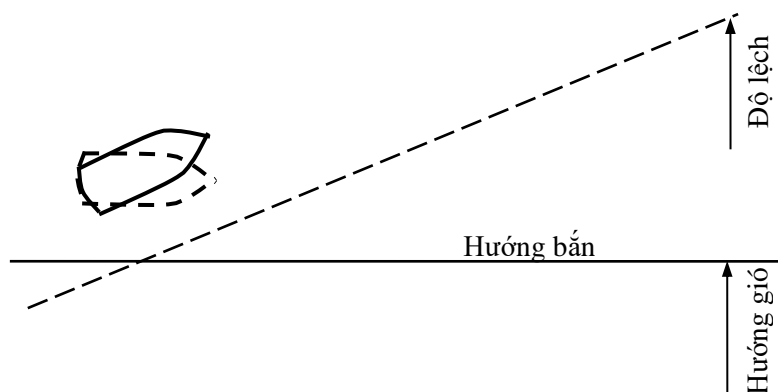
Ảnh hưởng của gió dọc theo hướng bắn: Nếu gió xuôi theo hướng bắn làm cho đầu đạn bay cao và xa hơn, nếu hướng gió ngược chiều với hướng bắn làm cho đầu đạn thấp xuống đạn gần hơn so với điểm định bắn trúng; nhưng đối với đạn súng bộ binh thông thường có sơ tốc lớn: (AKM :715m/s; RPD: 739m/s; súng đại liên PKMS: 825m/s) nếu bắn trong tầm bắn thẳng, ảnh hưởng gió dọc là không đáng kể.

Ảnh hưởng của gió ngang sẽ làm đạn lệch theo hướng theo chiều xuôi hướng gió; gió thổi từ phải sang trái làm đạn lệch sang trái và ngược lại, nếu đạn có sơ tốc lớn ảnh hưởng của đầu đạn đến kết quả bắn là không đáng kể.

Ví dụ: Khi bắn súng AK; CKC; RPD khi gió thổi ngang so với hướng bắn (70° ? 90°), cự li 200m, tốc độ gió 2m/s mức sai lệch là 6cm; tốc độ gió 3m/s mức sai lệch là 10cm; tốc độ gió 4m/s mức sai lệch là 14cm.

Qua ví dụ trên ta có thể rút ra kết luận, khi bắn ở cự ly trong tầm bắn thẳng của các loại súng bộ binh có sơ tốc đầu đạn lớn, ảnh hưởng của đầu đạn là

không đáng kể, nếu người bắn làm đúng động tác bắn, đảm bảo đạn vẫn trúng và chụm.



Hình 52: Ảnh hưởng của gió đối với đầu đạn khi bay trong không khí

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

2.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK (cho động tác nằm bắn)

2.2.1. Động tác nằm bắn không tỳ

- Trường hợp vận dụng

Trong chiến đấu khi điều kiện địa hình không cho phép người bắn không thể vận dụng các tư thế quỳ, đứng bắn. Theo lệnh của người chỉ huy, người bắn phải thực hiện động tác nằm bắn để tiêu diệt mục tiêu...

- Động tác nằm bắn không tỳ

Động tác chuẩn bị bắn

+ Khẩu lệnh: "Mục tiêu.....nằm chuẩn bị bắn!".

+ Động tác: Người bắn tay phải xách súng lên ngang thắt lưng, nòng súng chếch lên trên về trước hợp với thân người một góc 45^0 .

Cử động 1: Chân phải bước lên một bước dài theo hướng bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người hướng theo hướng bàn chân phải.

Cử động 2: Chông bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải khoảng 20 cm, mũi bàn tay hướng chếch về bên phải phía sau, thứ tự đặt cánh tay, khuỷu tay trái, đùi trái xuống đất.



Hình 53: Nằm chuẩn bị bắn

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

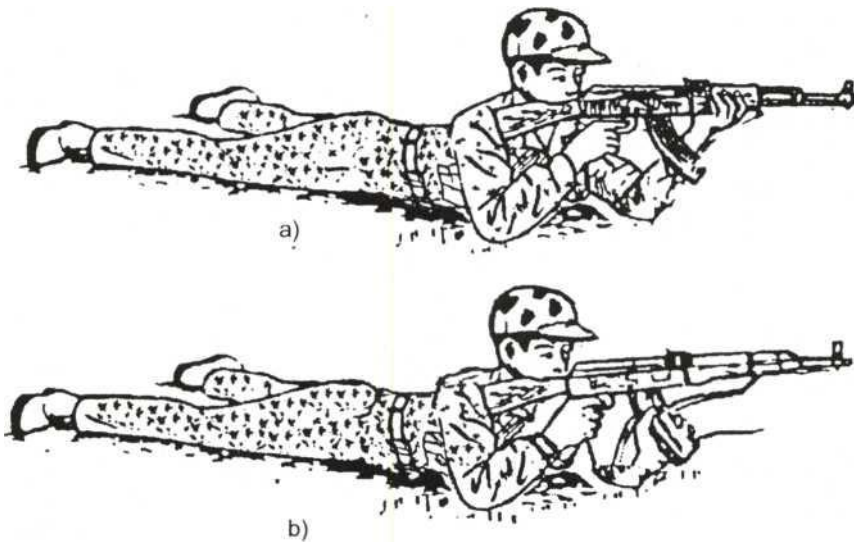
Cử động 3: Tay phải lao súng về phía trước, đồng thời bàn tay trái ngửa đỡ lấy thân súng khoảng dưới thước ngắm, duỗi chân phải về sau, người nằm úp xuống đất, hai bàn chân mở rộng bằng vai, hai mũi bàn chân hướng sang hai bên. Người nằm chéch so với hướng bắn một góc khoảng 30^0 .

Động tác lắp đạn: Tay phải rời ốp lót tay, dùng ngón cái tay phải đẩy lẫy giữ hộp tiếp đạn, tháo hộp tiếp đạn không có đạn ở súng trao sang tay trái. Ngón giữa và ngón đeo nhẫn tay trái kẹp giữ hộp tiếp đạn vào mép phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay xuống đất. Tay phải mở túi đựng hộp tiếp đạn, lấy hộp tiếp đạn có đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn không có đạn vào túi đựng hộp tiếp đạn.

Dùng ngón cái tay phải đẩy cần định cách bắn và khoá an toàn về vị trí bắn phát 1 hoặc liên thanh, đồng thời kéo bệ khoá nòng về phía sau hết cỡ rồi thả đột nhiên để lò xo đẩy về đẩy bệ khoá lao mạnh về phía trước, khoá nòng đẩy đạn vào buồng đạn, gạt cần định cách bắn và khoá an toàn về vị trí an toàn. Tay phải nắm tay cầm trên súng, ngón trỏ duỗi thẳng đặt ra ngoài vành cò, mặt súng hướng lên trên. Mắt luôn quan sát mục tiêu chờ lệnh.

Động tác bắn

Đang ở tư thế nằm chuẩn bị bắn; để thực hành bắn trúng mục tiêu người bắn phải thực hiện các động tác: Giương súng, ngắm, bóp cò.



Hình 54: Nằm bắn không tì

a) Tay trái nắm ốp lót tay; b) Tay trái nắm hộp tiếp đạn.

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

Động tác giương súng

Trước khi giương súng phải lấy thước ngắm động tác như sau:

Tay trái nắm ốp lót tay dưới, giữ súng để mặt súng hướng lên trên. Tay phải dùng ngón cái và ngón trỏ bóp then hãm cỡ thước ngắm xê dịch cho mép trước cỡ thước ngắm khớp vào vạch khác thước ngắm định lấy. Muốn lấy thước ngắm chữ “D” bóp then hãm cỡ thước ngắm, kéo cỡ thước ngắm về sau hết mức, thả tay ra rồi đẩy cỡ thước ngắm về trước nghe thấy tiếng “tách” là được. Sau đó tay phải gạt cần định cách bắn và khoá an toàn về đúng vị trí đã định.

Trường hợp lấy thước ngắm ban đêm: Tay phải dùng ngón cái và ngón trỏ bóp then hãm cỡ thước ngắm kéo hết cỡ về sau, sau đó đẩy nhẹ núm cỡ lên trên nghe “tách” ta được thước ngắm chữ “D”, tiếp tục bóp núm cỡ đẩy nhẹ lên trên cho núm cỡ rời khỏi khác mắc chữ “D” buông tay ra, thấy mắc hoặc nghe tiếng “tách”, tiếp tục làm như vậy lần 2 ta được thước ngắm 1; từ thước ngắm 1 trở đi cứ mỗi lần đẩy núm cỡ lên trên nghe một tiếng “tách” là tăng 1 thước ngắm.

Động tác: Tay trái ngửa nắm ốp lót tay dưới hoặc nắm hộp tiếp đạn, tùy theo tay dài, ngắn của từng người và tư thế bắn. Khi nắm ốp lót tay dưới, bàn tay ngửa, ốp lót tay dưới nằm trong lòng bàn tay, ngón tay cái duỗi thẳng hoặc cong tự nhiên, bốn ngón tay con khép kín cùng với ngón tay cái nắm chắc ốp lót tay (với súng AK cải tiến, các ngón con bám vào gờ nổi bên phải ốp lót tay). Khi nắm hộp tiếp đạn, hộ khẩu tay đặt phía sống hộp tiếp đạn các ngón con và ngón cái nắm chắc hộp tiếp đạn; má phải căng tay trái sát với má trái hộp tiếp đạn, căng tay hợp với mặt phẳng địa hình một góc khoảng 40°- 60°.

Tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, về nắm tay cầm, hộ khẩu tay nắm chính giữa phía sau tay cầm, đặt cuối đốt thứ nhất đầu đốt thứ 2 của ngón

trở vào tay cò. Kết hợp 2 tay nâng súng lên, đặt phần trên đế báng súng vào hõm vai, 2 khuỷu tay chống xuống đất rộng bằng vai, kết hợp 2 tay giữ chắc súng cân bằng trên vai. Nhìn sơ qua đường ngắm thấy súng chưa đúng hướng thì dịch chuyển cả thân người để chỉnh súng vào mục tiêu, không dùng tay để điều chỉnh làm động tác giữ súng không tự nhiên, gò bó.

Động tác ngắm: Khi lấy đường ngắm, má phải áp sát vào báng súng với lực vừa phải để đầu người ít bị rung động, không gối má vào báng súng làm mặt súng nghiêng, khi bắn liên thanh dễ làm súng tụt dần xuống.

Khi ngắm: Mắt trái nheo tự nhiên, dùng mắt phải để ngắm hoặc có thể mở cả 2 mắt nhưng tập trung thị lực vào mắt ngắm; nhìn qua khe ngắm đến đầu ngắm lấy đường ngắm cơ bản; rồi đưa đường ngắm cơ bản đến điểm định ngắm trên mục tiêu.

Động tác bóp cò: Trước khi bóp cò phải làm động tác ngưng thở để cho người và súng bớt rung động, có thể hít vào hoặc thở ra một ít rồi ngưng thở.

Bóp cò: Dùng lực độc lập của ngón trở bóp cò từ từ êm đều từ trước về sau theo trục nòng súng cho đến khi đạn nổ; không tăng cò đột ngột trong quá trình bóp cò, không bóp quá nhanh, làm rung động bắn mất chính xác. Muốn bắn liên thanh từ 2-3 viên, khi bóp cò phải bóp hết cỡ rồi thả ra từ từ. Không bóp quá nhanh, mạnh, thả cò quá vội hoặc nháy cò đều dẫn đến bắn phát 1.

Động tác thôi bắn (Thôi bắn gồm có thôi bắn tạm thời và thôi bắn hoàn toàn).

Thôi bắn tạm thời (ngừng bắn). Khẩu lệnh: "Ngừng bắn!"

Người bắn làm động tác như sau: Đang bắn hạ súng xuống, khoá an toàn hai tay giữ súng như khi chuẩn bị bắn, mắt quan sát mục tiêu. Nếu súng hết đạn, phải thay hộp tiếp đạn hết đạn ở súng ra và lắp hộp tiếp đạn có đạn vào súng.

Thôi bắn hoàn toàn, Khẩu lệnh: "Thôi bắn tháo đạn khám súng... đứng dậy".

Người bắn làm động tác như sau: Ngón trở tay phải thả cò súng ra, hai tay hạ súng xuống. Tay phải tháo hộp tiếp đạn ở súng ra trao sang tay trái, ngón giữa và ngón đeo nhẫn kẹp hộp tiếp đạn vào bên phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay xuống đất.

Tay trái vẫn giữ súng, mặt súng hướng lên trên; tay phải kéo bộ khoá nòng từ từ về sau, ngón trở lướt trên cửa thoát vỏ đạn, các ngón con khép lại chặn cửa lắp hộp tiếp đạn để đỡ viên đạn từ trong buồng đạn văng ra.

Lắp viên đạn vừa tháo ở súng ra vào hộp tiếp đạn, bóp chết cò, khoá an toàn, lấy hộp tiếp đạn không có đạn trong túi đựng hộp tiếp đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn có đạn vào trong túi đựng.

Động tác đứng dậy

Cử động 1: Tay phải nắm ốp lót tay, hơi nghiêng người sang trái, co chân trái lên, đầu gối ngang thắt lưng đồng thời tay phải đưa súng về đặt trên đùi trái, hộp tiếp đạn quay sang phải, bàn tay trái thu về úp dưới ngực.

Cử động 2: Phối hợp sức tay trái và hai chân nâng người đứng dậy, xoay mũi bàn tay trái về trước, chân phải bước lên một bước, bàn chân ngang với mũi bàn tay trái đồng thời nâng người đứng dậy.

Cử động 3: Dùng gót chân phải làm trụ, xoay mũi bàn chân sang phải sao cho bàn chân hợp với hướng bắn một góc $22^{\circ}30'$; chân trái kéo lên ngang bàn chân phải về tư thế đứng nghiêm, làm động tác xách súng hoặc mang súng.

Động tác đứng dậy vận dụng trong chiến đấu

Trong chiến đấu ta có thể vận dụng đứng dậy bằng cách thứ 2 vọt tiến; 2 cử động sau:

Cử động 1: Tay phải nắm ốp lót tay đưa súng về sau, gập cánh tay vào phía thân người (nắm tay ngang vai phải, bàn tay giữa nắm súng, khuỷu tay đặt ngoài súng, hộp tiếp đạn quay sang trái), cánh tay đặt xuống đất, tay phải thu về sau, bàn tay úp xuống đất và ngang vai trái, chân phải hơi co.

Cử động 2: Dùng sức của 2 tay và chân phải nâng người lên, đồng thời chân trái bước lên một bước nâng người đứng dậy, chân phải bước lên tiếp tục tiến.

2.2.2. Động tác bắn có tỳ

Động tác cơ bản như nằm bắn không có tỳ chỉ khác

- Do bắn có vật tỳ cho nên khi giương súng đặt lên vật tỳ, đặt từ khâu đầu nòng đến phần trước ốp lót tay dưới lên vật tỳ, hộp tiếp đạn tựa vào vật tỳ để bắn cho chắc chắn, tay trái đặt hộ khẩu tay hoặc mu bàn tay lên vật tỳ (tuỳ theo vật tỳ cao hay thấp).

- Nếu vật tỳ cao, tay trái có thể nắm hộp tiếp đạn.

- Muốn bắn được trúng, chụm, trúng liên thanh khi giương súng phải đạt được các yếu tố chắc; đều; bền.

- Bằng: Mặt súng phải thẳng bằng.

- Chắc: Là 2 tay giữ súng chắc, ghì súng chắc vào vai.

- Đều: Lực nắm súng và ghì súng phải đều nhau.

- Bền: Lực nắm và giữ súng phải bền trong suốt quá trình loạt bắn.

2.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng trường CKC, súng tiểu liên AK

2.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu

- Ý nghĩa

+ Bản mục tiêu cố định là bài bắn cơ bản của các loại súng trường và súng tiểu liên nhằm rèn luyện cho người học động tác cơ bản biết bắn trúng, chụm vào các mục tiêu cố định ban ngày.

+ Hoàn thành tốt bài tập bắn này, là cơ sở cho các bài bắn sau này và trong chiến đấu khi chiến tranh nổ ra.

- *Đặc điểm*

+ Người bắn: Có thời gian chuẩn bị, thời gian bắn không hạn chế vì vậy thực hiện đúng động tác yếu lĩnh. Tư thế nằm bắn có tỳ đường ngắm ổn định.

+ Mục tiêu: Mục tiêu cố định có vòng tính điểm, cự ly từ người bắn đến mục tiêu gần, dễ quan sát.

- *Yêu cầu*

+ Tích cực, tự giác trong quá trình luyện tập, rút ra được những nhược điểm, khuyết tật trong từng tư thế, từng phát bắn để khắc phục.

+ Nắm chắc động tác cơ bản, tư thế bắn vững chắc.

Phân tích yêu cầu:

Trong quá trình tập bắn phải công phu, tích cực, tự giác rèn động tác bắn cơ bản, khắc phục các động tác sai, thực hiện sai đâu sửa đấy một cách nghiêm túc, quá trình luyện tập phải tích lũy kiến thức, tập động tác từ dễ đến khó, có tính cơ bản, hệ thống.

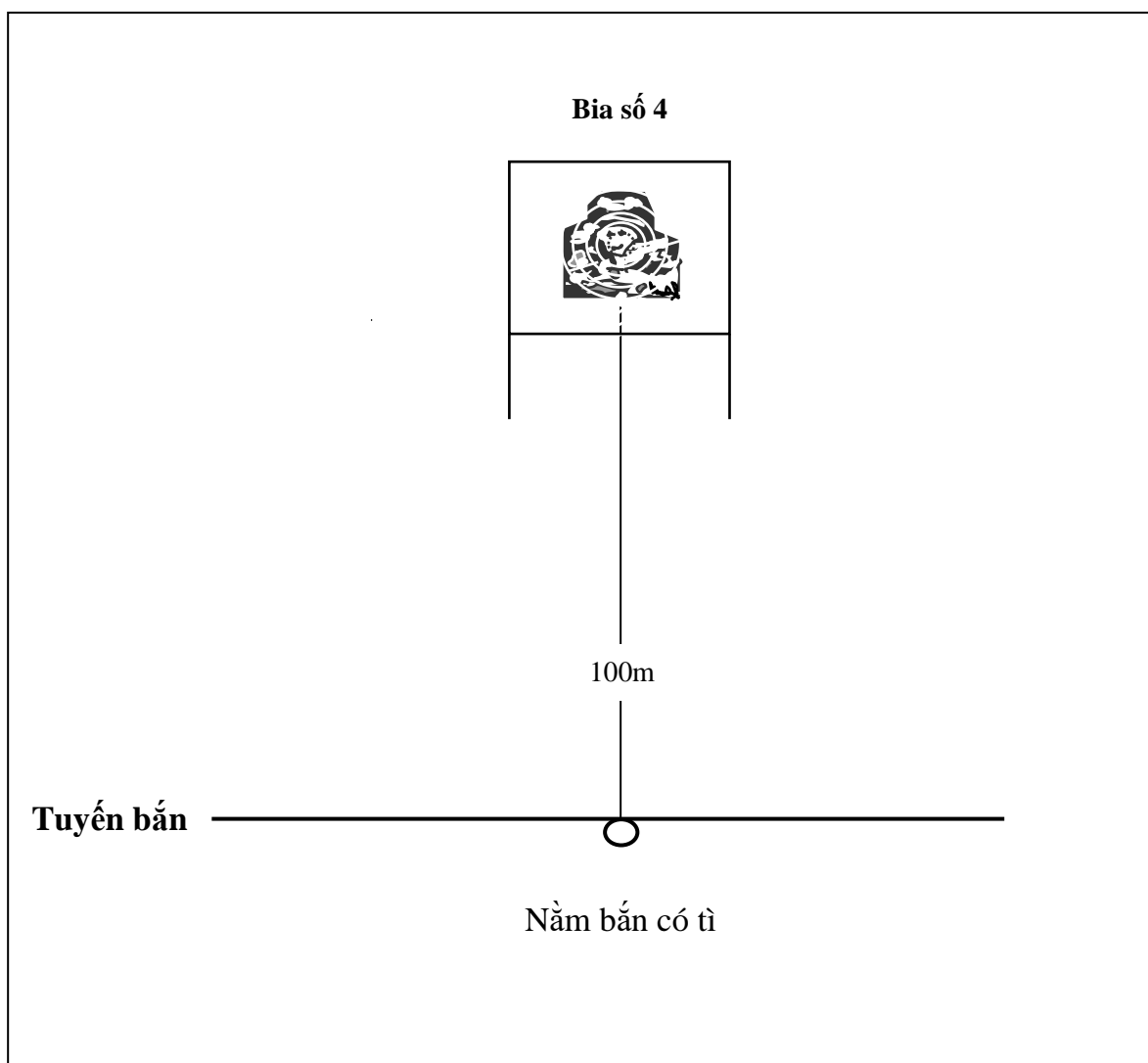
Khi thực hành tập bắn các loại súng bộ binh, việc rèn luyện bản lĩnh, tâm lý bắn rất quan trọng, có bản lĩnh, tâm lý tốt sẽ có động tác bắn chính xác, bắn trúng và chụm. Vì vậy ngoài việc nghiên cứu nắm chắc yếu lĩnh bắn, còn phải rèn luyện sức khỏe một cách toàn diện như: Chạy xa, thể dục thể thao, tập xà, tạ, có như vậy mới có được động tác giữ súng ổn định, vững chắc, hạn chế tâm lý khi vào bắn.

2.3.2. Phương án tập bắn

Điều kiện tập

- Mục tiêu: Bia số 4 có vòng tượng trưng cho tên địch nằm bắn
- Cự ly bắn: 100m
- Tính chất Mục tiêu: Mục tiêu cố định
- Tư thế: Nằm bắn có tỳ

Phương án tập bắn



Hình 55: Nằm bắn có tì

(Nguồn: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh, dùng cho học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008).

2.4.3. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm

- Cách chọn thước ngắm

Căn cứ:

- + Độ cao đường đạn.
- + Điểm định bắn trúng trên mục tiêu.
- + Điều kiện khí tượng (mưa, gió...).

Cách chọn: Khi chọn thước ngắm có thể chọn theo 2 cách:

- + Thước ngắm tương ứng cự ly bắn.

+ Thước ngắm lớn hơn cự ly bắn.

- Cách chọn điểm ngắm:

Căn cứ:

- + Thước ngắm đã chọn.
- + Độ cao đường đạn khi bắn ở cự ly đó.
- + Tính chất mục tiêu (to, rõ...).
- + Điểm định bắn trúng trên mục tiêu.
- + Điều kiện khí tượng (mưa, gió...).

Cách chọn: Với mục tiêu phương án tập trên thường chọn như sau:

- + Bia số 4: Chính giữa mép dưới mục tiêu.

Ví dụ: Dùng súng tiểu liên AK bắn vào mục tiêu bia số 4 cự ly 100m, chọn thước ngắm 3 (thước ngắm lớn hơn cự ly bắn), điểm ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

Vì: Thước ngắm 3 ở cự ly 100m đường đạn cao hơn so với điểm ngắm đối với súng AK khoảng 25 - 28cm, từ mép dưới mục tiêu lên tâm của vòng 10 bia số 4 khoảng 23 cm, như vậy đạn vẫn trúng vào vòng 10 trên mục tiêu.

Đối với súng trường CKC: Thước ngắm 3 ở cự ly 100m đường đạn cao hơn so với điểm ngắm là 25cm, từ mép dưới mục tiêu lên tâm của vòng 10 bia số 4 khoảng 23 cm, như vậy đạn trúng vào vòng 10 trên mục tiêu.

Kết luận: Bài bắn này ta chọn như sau: Với mục tiêu bia số 4 lấy thước ngắm 3, ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

Chú ý: Có thể vận dụng lấy thước ngắm 1 ngắm đâu trúng đó, nhưng xác định điểm ngắm trên mục tiêu khó chính xác hơn so với ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

2.4.4. Thực hành tập bắn

- Trước khi tập: Người tập mang đeo trang bị đầy đủ ở tuyến chuẩn bị, khi có lệnh vận động vào tuyến xuất phát làm động tác chuẩn bị bắn.

- Có khẩu lệnh: “Tiến”; người tập nhanh chóng cơ động lên tuyến tập bắn đã xác định, làm động tác chuẩn bị bắn vào mục tiêu bia số 4.

- Khi có khẩu lệnh: “Bắn”; người tập làm động tác nằm bắn vào mục tiêu bia số 4 từ 3-5 lần, tùy theo mức quy định trong kế hoạch tập của người phụ trách tiếp tục cho tập lần tiếp theo hoặc đổi tập cho bộ phận khác.

- Khi có khẩu lệnh: “Thôi tập!”; người tập thôi tập, khám súng, quay về vị trí phía sau chờ đợi tiếp tục tập lần tiếp theo.

2.4.5. Điều kiện kiểm tra và thành tích

- Điều kiện

- + Mục tiêu: bia số 4
- + Cự li bắn: 100m
- + Số đạn K56: 3 viên
- + Tư thế bắn: nằm bắn có tì
- + Phương pháp bắn: phát một
- + Thời gian bắn: 5 phút
- Thành tích
- + Xuất sắc: 28 - 30 điểm
- + Giỏi: 25 - 27 điểm
- + Khá: 20 - 24 điểm
- + Trung bình khá: 17 - 19 điểm
- + Trung bình: 15 - 16 điểm

2.4.6. Kế hoạch luyện tập

Xây dựng kế hoạch luyện tập phải dựa trên quỹ thời gian, đối tượng huấn luyện để xác lập nội dung, tổ chức, phương pháp cho sát đối tượng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày tác dụng, tính năng chiến đấu các loại súng AK, CKC?
2. Trình bày cấu tạo chính của súng AK, CKC?
3. Thực hành kỹ thuật tháo và lắp súng AK, CKC?
4. Thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC?

BÀI 9: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Cầm máu tạm thời

1.1. Mục đích

Cầm máu tạm thời bằng những biện pháp đơn giản nhằm mục đích nhanh chóng làm ngừng chảy máu để hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu, phòng chống được các biến chứng xấu do mất nhiều máu.

1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

- Phải khẩn trương, nhanh chóng làm ngừng chảy máu

Các vết thương ít nhiều đều có chảy máu, nhất là tổn thương các mạch máu lớn, máu chảy rất nhiều, cần phải khẩn trương làm ngừng máu chảy, nếu không mỗi giây phút chậm là thêm một khối lượng máu mất đi, sẽ có nguy cơ dẫn đến choáng hoặc chết do mất máu.

- Phải sử lý đúng chỉ định theo tính chất của vết thương

Các biện pháp cầm máu tạm thời phải tùy thuộc vào tính chất chảy máu để áp dụng các biện pháp kỹ thuật cầm máu phù hợp, xử trí đúng chỉ định theo yêu cầu của từng vết thương.

- Phải đúng quy trình kỹ thuật

Các biện pháp cầm máu tạm thời đều có quy trình kỹ thuật nhất định. Tiến hành cầm máu phải đúng kỹ thuật mới có thể đem lại hiệu quả cao.

1.3. Phân biệt các loại chảy máu

Căn cứ vào mạch máu bị tổn thương, có thể chia thành 3 loại chảy máu sau:

- Chảy máu mao mạch (các mạch máu rất nhỏ)

Máu đỏ thẫm, thấm ra tại chỗ bị thương, lượng máu ít hoặc rất ít, có thể tự cầm sau thời gian ngắn.

- Chảy máu tĩnh mạch vừa và nhỏ

Màu máu đỏ thẫm, chảy rỉ tại chỗ bị thương, lượng máu vừa phải, không nguy hiểm, nhanh chóng hình thành các cục máu bít các tĩnh mạch bị tổn thương lại. Tuy nhiên nếu tổn thương các tĩnh mạch lớn (tĩnh mạch chủ, tĩnh mạch cảnh, tĩnh mạch dưới đòn...) sẽ gây chảy máu ồ ạt và nguy hiểm.

- Chảy máu động mạch

Máu đỏ tươi, chảy vọt thành tia (theo nhịp tim đập) hoặc trào qua miệng vết thương ra ngoài như mạch nước đùn từ đáy giếng lên, lượng máu tùy theo mức độ tổn thương của động mạch.

Thực tế rất ít xảy ra chảy máu đơn thuần mao mạch, tĩnh mạch do vậy cần thận trọng nhanh chóng xác định tính chất chảy máu mao mạch, tĩnh mạch hay động mạch để quyết định biện pháp cầm máu thích hợp và kịp thời.

1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

Cầm máu tạm thời ngay sau khi bị thương không nhất thiết do cán bộ y tế làm, bản thân người bị thương có thể tự làm hoặc những người xung quanh trực tiếp làm. Các biện pháp cầm máu tạm thời gồm:

- Gấp chi tối đa

Gấp chi tối đa là biện pháp cầm máu thời, đơn giản, hiệu quả, mọi người đều có thể tự làm được. Khi chi gấp mạnh, các mạch máu cũng bị gấp và bị đè ép bởi các khối cơ bao quanh làm cho máu ngừng chảy.

Gấp chi tối đa không giữ được lâu do phải gấp chi mạnh nên dễ mỏi. Trường hợp có gãy xương kèm theo không thực hiện được gấp chi tối đa. Vì vậy gấp chi tối đa chỉ là biện pháp cầm máu tạm thời, sau đó cần phải bổ sung bằng biện pháp cầm máu khác.

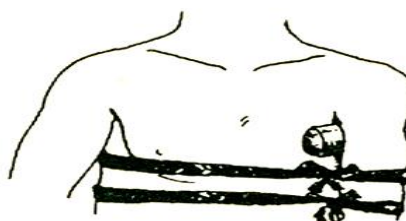
+ Gấp cẳng tay vào cánh tay: Khi chảy máu nhiều ở bàn tay và cẳng tay, phải gấp ngay thật mạnh cẳng tay vào cánh tay. Khi giữ lâu để chuyển người bị thương về các tuyến cứu chữa, cần phải cố định tư thế gấp bằng một vài vòng băng hoặc dây thắt lưng ghì chặt cổ tay vào phần trên cánh ta.



Hình 1: Gấp cẳng tay vào cánh tay

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Gấp cánh tay vào thân người (có con chèn): Khi chảy máu nhiều do tổn thương động mạch cánh tay, sử dụng một con chèn là một khúc gỗ tròn đường kính 4÷5cm, hay cuộn băng hoặc bất kỳ một vật rắn tương tự kẹp chặt vào nách ở phía trên chỗ chảy máu, cố định cánh tay vào thân người bằng vài vòng băng.



Hình 2: Gấp cánh tay vào thân người có con chèn

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

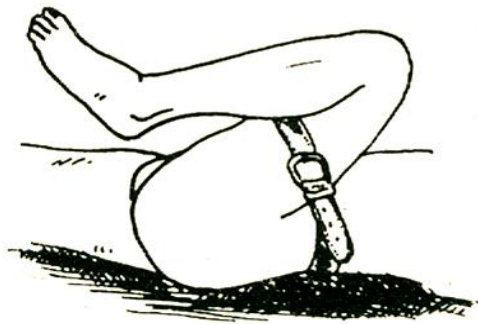
+ Gấp cẳng chân vào thân đùi: Khi chảy máu quá nhiều ở bàn chân và cẳng chân, người bị thương nằm ngửa hoặc ngồi, dùng hai bàn tay kéo mạnh cẳng chân ép vào đùi. Muốn chắc chắn có thể đệm một cuộn băng vào nếp khoeo rồi cố định cổ chân vào đùi bằng một vòng băng.



Hình 3: Gấp cẳng chân vào đùi

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Gấp đùi vào thân người: Khi chảy máu nhiều ở đùi, người bị thương nằm ngửa, dùng hai tay kéo mạnh đầu gối để ép chặt đùi vào thân người. Có thể cuốn vào vòng băng hoặc dùng dây lưng để cố định đùi vào thân người. Động mạch đùi bị gấp và bị ép chặt ở nếp bẹn làm cho máu ngừng chảy hoặc chảy yếu.



Hình 4: Gấp đùi vào thân người

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

- Ấn động mạch

Ấn động mạch để cầm máu tạm thời là dùng ngón tay (ngón tay cái hoặc các ngón khác hay cả nắm tay) ấn đè vào phía trên vết thương làm động mạch bị ép chặt giữa ngón tay ấn và nền xương làm máu ngừng chảy. Ấn động mạch có tác dụng cầm máu nhanh, ít gây đau đớn, không gây tai biến nguy hiểm cho

người bị thương nhưng đòi hỏi người làm phải nắm chắc kiến thức giải phẫu về đường đi của mạch máu.

Ấn động mạch không giữ được lâu vì mỗi tay người ấn, do vậy chỉ là biện pháp cầm máu tạm thời, sau đó phải thay thế ngay bằng các biện pháp khác.

Một số điểm chính khi ấn động mạch trên cơ thể:

+ Ấn động mạch trụ và quay ở cổ tay: Khi chảy máu nhiều ở bàn tay, dùng ngón cái ấn vào động mạch trụ và quay ở phía trên cổ tay, cách bờ trong (động mạch trụ) và bờ ngoài (động mạch quay) cẳng tay 1,5cm.

+ Ấn động mạch cánh tay ở mặt trong cánh tay: Khi chảy máu nhiều ở cẳng tay, cánh tay, dùng ngón cái hoặc bốn ngón ấn mạnh vào mặt trong cánh tay ở phía trên vết thương. Nếu ở cao, ấn sâu vào động mạch nách ở đỉnh hố nách.



Hình 5: Ấn động mạch cánh tay

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

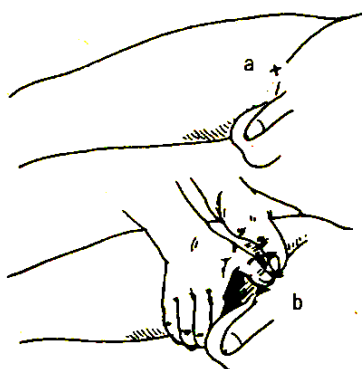
+ Ấn động mạch dưới tay đòn: Khi máu chảy nhiều ở hố nách, dùng ngón cái ấn mạnh và sâu ở hố trên đòn sát giữa bờ sau xương đòn làm động mạch ép chặt vào xương sườn, máu sẽ ngừng chảy.



Hình 6: Ấn động mạch dưới đòn

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

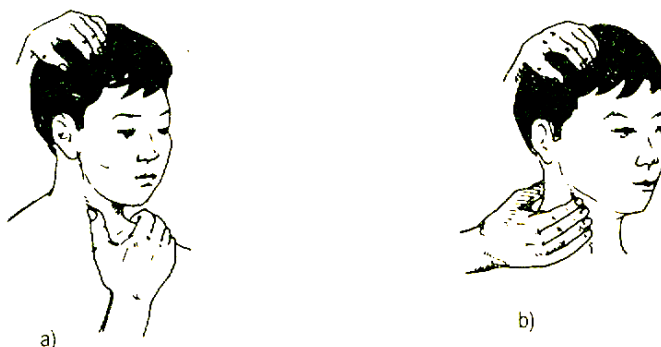
+ Ấn động mạch đùi nếp bẹn: Đặt người bị thương nằm ngửa, dùng hai tay ấn thật mạnh vào giữa nếp bẹn, các ngón khác ôm lấp mặt ngoài và mặt trong đùi, có thể dùng một cuộn băng đặt vào giữa nếp bẹn rồi ấn chặt, máu ngừng chảy.



Hình 7: Ấn động mạch đùi

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Ấn động mạch cảnh ở cổ: Khi chảy máu nhiều ở vùng cổ, dùng ngón tay cái ấn mạnh vào cổ, phía dưới vết thương, theo bờ trước của cơ ức đòn chũm. Có thể dùng 5 ngón tay bóp vào cơ ức đòn chũm và động mạch cảnh để cầm máu.



Hình 8: Ấn động mạch cảnh

a. Ấn bằng ngón cái

b. Ấn bằng bốn ngón

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Ấn động mạch mặt

Khi chảy máu nhiều ở vùng má dùng ngón cái ấn mạnh vào động mạch ở cằm, điểm ấn ở bờ dưới, cách góc xương hàm dưới khoảng 3cm.



Hình 9 : Ấn động mạch mặt

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Ấn động mạch thái dương nông

Khi máu chảy nhiều ở vùng thái dương ấn vào động mạch thái dương nông ở vùng trước tai.



Hình 10: Ấn động mạch thái dương nông

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

- Băng cầm máu

+ Băng ép

Là phương pháp băng vết thương với các vòng băng xiết tương đối chặt, đè mạnh vào bộ phận bị tổn thương tạo điều kiện cho việc nhanh chóng hình thành các cục máu làm ngừng chảy ra ngoài, đồng thời giữ cho vết thương không bị nhiễm khuẩn, nhiễm bẩn.

Băng ép thường áp dụng cho các vết thương đứt động mạch nhỏ, vết thương phần mềm rộng, vết thương bàn tay...

Thứ tự băng ép:

Đặt một lớp gạc và bông hút phủ kín vết thương.

Đặt một lớp bông mỡ phủ đầu trên lớp bông gạc.

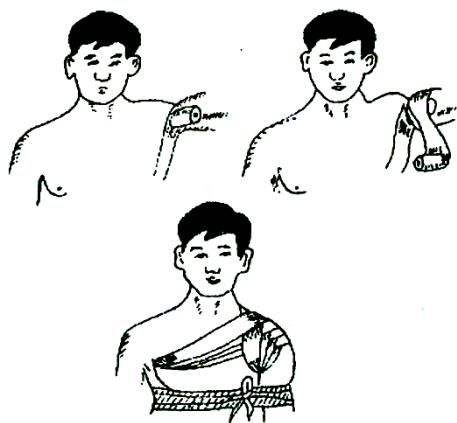
Băng theo kiểu xoắn vòng hoặc số 8 (nên dùng loại băng thun vì loại băng này có tính chun giãn tốt).

+ Băng nút

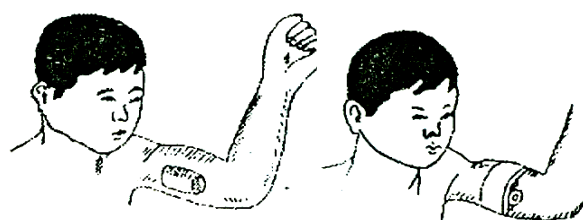
Băng nút là băng ép, có dùng thêm bấc, gạc đã triệt khuẩn, nhét chặt vào miệng vết thương, tạo thành cái nút để cầm máu. Nút càng chặt làm tăng sức đè ép vào các mạch máu, tác dụng cầm máu càng tốt. Băng nút thường áp dụng cho vết thương phần mềm rộng ở các khối cơ lớn như cơ mông, cơ đùi...

+ Băng chèn

Băng chèn là kiểu đê ép như ấn động mạch có sử dụng một vật cứng tròn, nhọn không sắc cạnh, gọi là con chèn như cành cây nhỏ dài khoảng 2cm, lọ penixilin hoặc cuộn băng... Con chèn được đặt vào vị trí trên đường đi của động mạch giữa vết thương và tim, càng sát vết thương càng tốt, sau đó cố định con chèn bằng nhiều vòng băng xiết tương đối chặt.

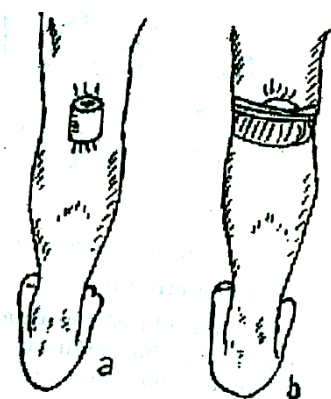


Hình 11: Băng chèn ở hố nách

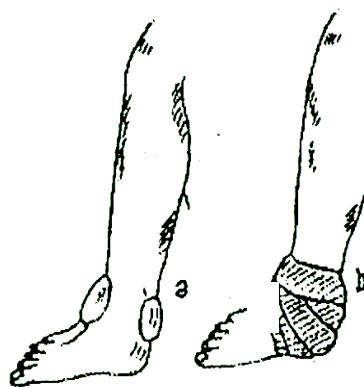


Hình 12: Băng chèn ở cánh tay

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).



Hình 13: Băng chèn ở hõm khoeo



Hình 14: Băng chèn ở cổ chân

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

- Garô

Garô là biện pháp cầm máu tạm thời bằng sợi dây cao su hoặc dây vải xoắn chặt vào đoạn chi, làm ngừng sự lưu thông máu từ phía trên xuống phía dưới của chi, máu sẽ không chảy ra ở miệng vết thương.

Do sự ngừng lưu thông máu trong thời gian rất dễ xảy ra tai biến nguy hiểm. Vì vậy phải cân nhắc kỹ trước khi quyết định garô trong các trường hợp vết thương có chảy máu.

+ Chỉ định garô: Garô được phép làm trong một số trường hợp sau đây:

Vết thương ở chi chảy máu ồ ạt, phân thành tia hoặc trào ra vết thương.

Vết thương bị cắt cụt tự nhiên.

Vết thương phần mềm hoặc gãy xương có kèm theo tổn thương động mạch đã cầm máu bằng biện pháp tạm thời khác không hiệu quả.

Người bị thương hoặc người xung quanh không biết làm băng chèn.

Bị rắn độc cắn, ngăn cản chất độc xâm nhập vào cơ thể.

+ Nguyên tắc khi đặt garô: Garô là biện pháp cầm máu nhanh, đơn giản và triệt để, nhưng dễ gây tai biến nguy hiểm. Vì vậy khi đặt garô cần phải theo nguyên tắc sau:

Phải đặt garô ngay sát phía trên vết thương và để lộ garô ra ngoài.

Người bị đặt garô phải được nhanh chóng chuyển về các tuyến cứu chữa, trên đường vận chuyển cứ 1 giờ phải nói garô một lần, không để garô lâu quá 3÷4 giờ.

Phải chấp hành triệt để những quy định về garô

Có ký hiệu bằng vải đỏ cài vào túi áo bên trái.

Ghi chép đầy đủ thủ tục hành chính như: họ tên, địa chỉ người bị garô, thời gian bắt đầu đặt garô, thời gian nói garô lần 1, lần 2; họ tên, địa chỉ người garô...để giúp các tuyến trên theo dõi và xử trí.

+ Cách đặt garô: Dây garô thường dùng sợi dây cao su to bản (3÷ 4cm) mỏng và đàn hồi tốt. Trường hợp khẩn cấp có thể sử dụng bất kỳ dây khác như: cuộn băng, dây cao su tròn, quai dép, khăn tay...để garô nhưng các loại dây này dễ làm da, cơ dập nát, gây đau người bị thương.

+ Thứ tự động tác đặt garô:

Ấn động mạch phía trên vết thương để cầm máu tạm thời.

Lót vải gạc vào chỗ định garô.

Không thấy chảy máu ở vết thương là được. Không xoắn quá chặt sẽ làm người bị thương đau và căng tức.

Cố định que xoắn.

Băng vết thương và làm các thủ tục hành chính cần thiết.

+ Cách nói garô

Một người ấn động mạch phía trên garô.

Một người nói dây garô, nói từ từ. Vừa nói vừa theo dõi sắc mặt người bị thương, tình hình chảy máu ở vết thương, mạch và màu sắc đoạn chi dưới garô.

Nếu thấy máu chảy mạnh ở vết thương phải ấn động mạch ngay.

Nếu thấy sắc mặt người bị thương thay đổi đột ngột tím tái hoặc nhợt nhạt phải đặt garô lại.

Nếu khi nói garô không thấy máu chảy nhiều từ vết thương có thể không cần thắt lại garô, nhưng vẫn để tại vị trí cũ sẵn sàng buộc lại.

+ Đặt lại garô:

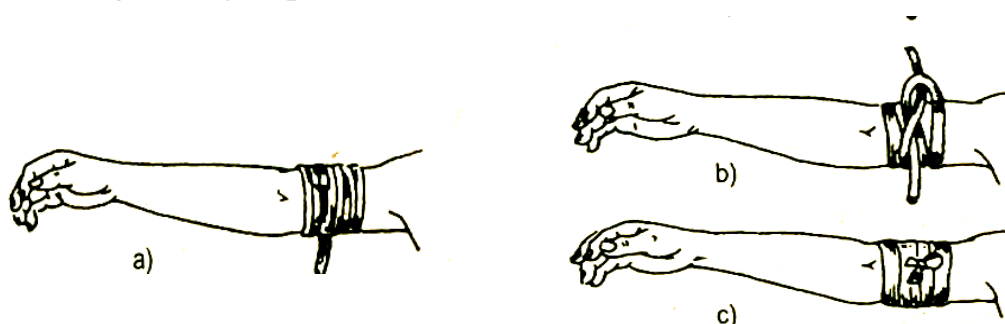
Thời gian nói garô khoảng 4÷5 phút sau đó đặt garô lại ngay. Khi garô lại không đặt ở chỗ cũ, có thể nhích lên hoặc xuống một ít tránh gây lằn da thịt và thiếu máu kéo dài tại chỗ đặt garô.

+ Một số trường hợp không nói garô:

Chi đã bị cụt tự nhiên.

Đoạn chi phần dưới garô có dấu hiệu hoại tử... không được nói garô để tránh xảy ra tai biến nguy hiểm;

Garô trong trường hợp bị rắn cắn.



Hình 15: Garô động mạch cánh tay

a. Đặt gạc và dây garô; b, c. xoắn và buộc garô

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

2. Cố định tạm thời xương gãy

2.1. Mục đích

Những vết thương có gãy xương trong chiến tranh hay do các tai nạn bất thường, tổn thương thường phức tạp như:

- Xương bị gãy rạn, gãy chưa rời hẳn (gãy cành xanh), gãy rời thành hai hay nhiều mảnh hoặc có thể mất từng đoạn xương.

- Da, thịt bị dập nát nhiều, mạch máu, thần kinh xung quanh bị tổn thương.

- Thêm những tổn thương mới do các đầu xương gãy di động trong quá trình vận chuyển gây nên.

- Gây choáng do đau đớn, mất máu
- Nhiễm khuẩn vết thương.

Vì vậy cố định tạm thời gãy xương nhằm giữ cho chỗ gãy được tương đối yên tĩnh để vận chuyển lên các tuyến an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho cứu chữa tiếp theo.

2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

- Nẹp phải cố định được cả khớp trên và khớp dưới chỗ gãy; các xương lớn như xương đùi, cột sống... phải cố định từ 3 khớp trở lên.

- Nẹp phải đệm, lót bằng bông mỡ, gạc hoặc vải mềm tại những chỗ tiếp xúc giữa nẹp và cơ thể người bị thương để không gây thêm các tổn thương khác. Khi cố định không cần cởi quần áo của người bị thương vì quần áo có tác dụng tăng cường đệm lót cho nẹp.

- Không co kéo, nắn chỉnh chỗ gãy tránh gây tai biến nguy hiểm cho người bị thương. Nếu điều kiện cho phép, có thể nhẹ nhàng kéo, chỉnh lại trục chi bớt biến dạng sau khi đã được giảm đau.

- Băng cố định nẹp vào chi phải tương đối chắc chắn, không để nẹp xô xệch, nhưng không quá chặt gây cản trở lưu thông máu của chi.

2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

Thao tác cố định tạm thời xương gãy tuy không phức tạp nhưng đòi hỏi mọi người phải thuần thục kỹ thuật cố định, đồng thời phải chuẩn bị đầy đủ dụng cụ khi cấp cứu.

- Các loại nẹp thường dùng cố định tạm thời xương gãy
- + Nẹp tre hoặc gỗ:

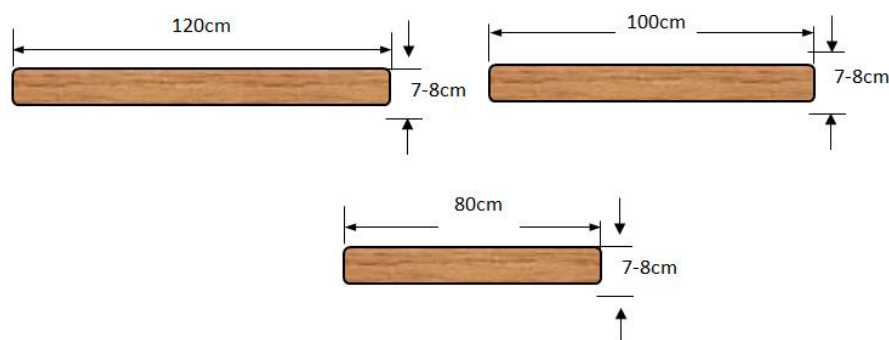
Nẹp tre hoặc gỗ là nẹp được dùng rất phổ biến, dễ làm, dễ kiếm đủ độ cứng, dễ cố định.

Bộ nẹp cánh tay: dùng 2 nẹp, chiều rộng 5cm, dài tùy theo vị trí đặt nẹp. Nẹp trong dài 20 cm (từ hố nách tới nếp khuỷu); nẹp ngoài dài 35 cm (từ ngoài vai xuống tới khuỷu)

Bộ nẹp cẳng tay: 2 nẹp, rộng 5cm, dày 0,5 cm. Nẹp trong dài 35 cm (từ nếp khuỷu xuống vượt quá bàn tay, ngón tay), nẹp ngoài dài 30cm (từ xuống vượt quá ngón tay).

Bộ nẹp cẳng chân: 2 hoặc 3 nẹp, rộng 5÷ 6cm, dài 60cm

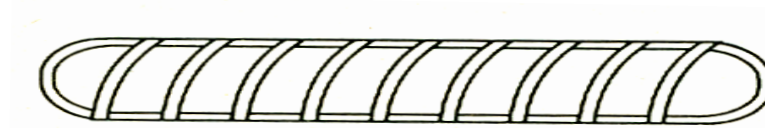
Bộ nẹp đùi: 3 nẹp, dày 0,8cm, rộng 7÷ 8cm. Nẹp ngoài dài 120cm (từ ngoài hố nách tới bờ ngoài mắt cá chân), nẹp sau dài 100cm (từ trên mào chậu xuống quá gót chân), nẹp trong dài 80cm (từ nếp bẹn đến quá mắt cá chân).



Hình 16: Bộ nẹp đui bằng gỗ

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Nẹp sắt Crame: Nẹp Crame làm bằng thép, hình bậc thang, có thể uốn nẹp theo tư thế cần cố định hoặc nối hai nẹp với nhau khi cần một nẹp dài. Nẹp Crame cố định tốt hơn nẹp tre nhưng đắt và nặng hơn, do vậy ít được sử dụng để cố định tạm thời xương gãy ngay tại nơi bị thương, bị nạn



Hình 17: Nẹp sắt Crame

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

Ngoài những loại nẹp chuẩn bị sẵn hoặc chế thức có thể vận dụng một số vật chất tại chỗ để cố định gãy xương như: Cành cây, gậy gỗ, đòn gánh...có thể buộc chi trên vào thân người hoặc buộc hai chi dưới vào nhau.

- Kỹ thuật cố định tạm thời một số trường hợp gãy xương

Các vết thương gãy xương hở, phải cầm máu cho vết thương, băng kín vết thương, sau đó mới đặt nẹp cố định xương gãy.

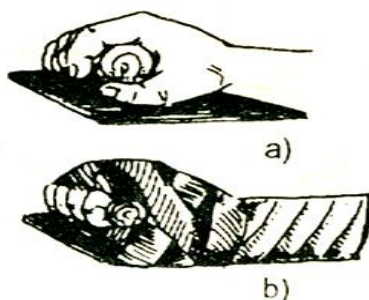
+ Cố định tạm thời gãy xương bàn tay, khớp cổ tay: Dùng một nẹp tre to bản hoặc nẹp Crame.

Đặt một cuộn băng to hoặc một cuộn bông gòn vào lòng bàn tay, để bàn tay ở tư thế nửa sấp, các ngón tay ở tư thế nửa gấp.

Đặt nẹp tre hoặc nẹp Crame thẳng từ bàn tay đến khuỷu tay.

Băng cố định bàn tay, căng tay vào nẹp, để hở các đầu ngón tay tiện theo dõi sự lưu thông máu.

Dùng khăn tam giác hoặc cuộn băng treo căng tay ở tư thế gấp 90°



Hình 18: Cố định xương bàn tay

a. Đặt cuộn băng và nẹp; b. Băng cố định

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Cố định tạm thời gãy xương cẳng tay: Dùng 2 nẹp tre hoặc nẹp Crame.

Cố định bằng nẹp tre

Đặt nẹp ngắn ở mặt trước cẳng tay (phía lòng bàn tay) từ bàn tay đến nếp khuỷu, cẳng tay ở tư thế gấp 90° .

Đặt nẹp dài ở mặt sau cẳng tay (phía mu bàn tay) từ khớp ngón tay đến móm khuỷu.

Buộc cố định hai đoạn: một đoạn ở cổ tay và bàn tay, một đoạn ở trên và dưới nếp khuỷu.

Dùng khăn tam giác hoặc cuộn băng treo cẳng tay ở tư thế gấp 90° .



Hình 19: Cố định xương cẳng tay bằng nẹp tre

a. Đặt nẹp; b. Buộc cố định; c. Treo cẳng tay

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

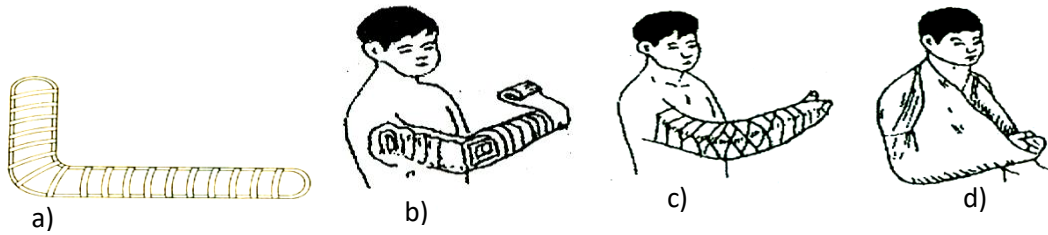
Cố định bằng nẹp Crame

Uốn nẹp gấp 90°

Đặt nẹp Crame vào mặt sau cánh tay, cẳng tay từ khớp bàn tay đến giữa cánh tay.

Dùng băng cuộn xoắn vòng từ bàn tay đến giữa cẳng tay để cố định cẳng tay, cánh tay vào nẹp.

Dùng khăn tay tam giác hoặc băng treo cẳng tay.



Hình 20: Cố định gãy xương cẳng tay bằng nẹp Crame

a. Uốn nẹp gấp 90^0 ; b, c. Đặt cuộn băng; d. Treo cẳng tay

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Cố định tạm thời gãy xương cánh tay: Dùng hai nẹp tre hoặc nẹp Crame.

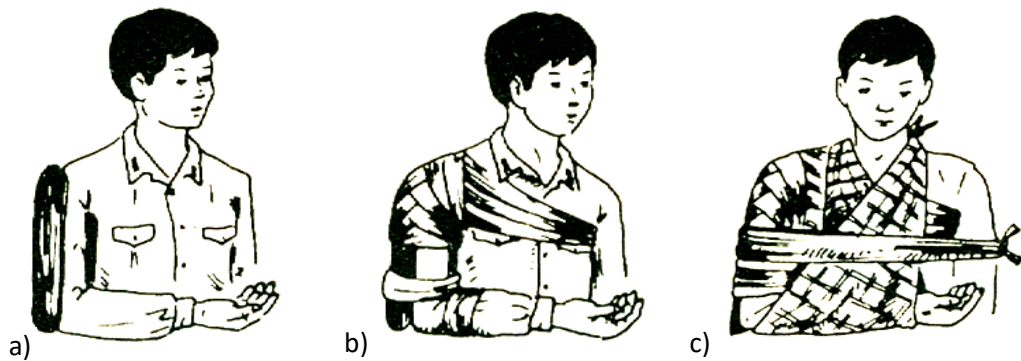
Cố định bằng nẹp tre

Đặt nẹp ngắn ở mặt trong cánh tay từ nếp khuỷu đến hố nách.

Đặt nẹp dài ở mặt ngoài cánh tay từ mỏm khuỷu đến mỏm vai.

Buộc một đoạn ở một phần ba trên cánh tay và khớp vai, một đoạn ở trên và dưới nếp khuỷu để cố định cánh tay vào nẹp.

. Dùng băng tam giác hoặc cuộn băng treo cẳng tay ở tư thế gấp 90^0 và cuộn vài vòng băng buộc cánh tay vào thân người.



Hình 21: Cố định gãy xương cánh tay bằng nẹp tre

a. Đặt nẹp tre; b. Băng cố định; c. Treo và buộc cánh tay

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

Cố định bằng nẹp Crame

Đặt căng tay vuông góc với cánh tay ở tư thế cánh tay nửa sấp sát vào thân người, dùng cuộn băng hoặc cuộn bông lót vào nách.

Uốn nếp theo tư thế của chi đi từ cổ tay vòng qua mặt ngoài cánh tay uốn ra sau lưng tới mặt sau xương bả vai chi lành.

Dùng cuộn băng buộc đầu trên với đầu dưới của nếp, dải băng từ trước, ra sau thân người. Cuốn nhiều vòng băng để cố định nếp vào chi và thân người.



Hình 22: Cố định gãy xương cánh tay bằng nếp Crame

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

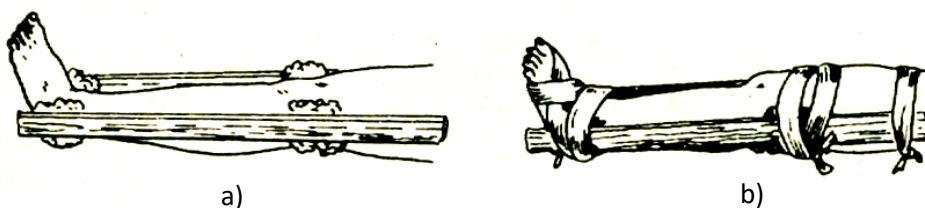
+ Cố định tạm thời gãy xương căng chân: Dùng hai nếp tre hoặc Crame

Cố định bằng nếp tre:

Đặt hai nếp ở mặt trong và mặt ngoài căng chân gãy, từ gót lên tới giữa đùi. Nếu dùng 3 nếp: 2 nếp đặt như trên, nếp thứ 3 đặt mặt sau căng chân.

Đặt bông đệm lót vào các đầu xương.

Buộc cố định nếp ở 3 vị trí: Vị trí 1 ở cổ và bàn chân, vị trí 2 ở trên và dưới gối, vị trí 3 ở giữa đùi cố định chi gãy vào nếp



Hình 23: Cố định gãy xương căng chân bằng nếp tre

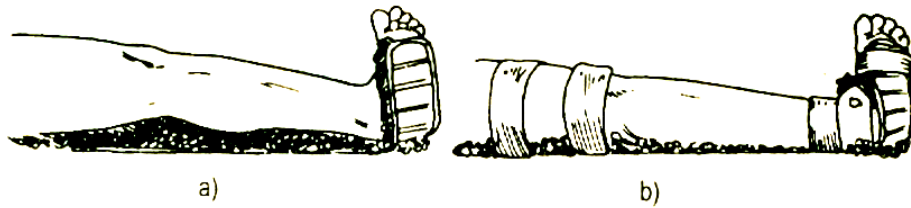
a. Đặt nếp tre; b. Buộc cố định;

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

Cố định bằng nếp Crame

Đặt một nếp Crame ở mặt sau của chi kéo dài từ giữa đùi đến gót chân, bề nếp vuông góc với bàn chân tới ngón chân.

Đặt bông đệm lót rồi băng cố định cẳng chân vào nẹp ở 3 vị trí như cố định bằng nẹp tre.



Hình 24: Cố định gãy xương cẳng chân bằng Came

a. Đặt nẹp; b. Buộc cố định

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

Không dùng nẹp: Trường hợp không có nẹp có thể cố định tạm thời gãy xương cẳng chân bằng cách buộc vào chi lành ở cổ chân, gối và đùi, trước khi vận chuyển.

+ Cố định tạm thời gãy xương đùi: Dùng ba nẹp tre hoặc ba nẹp Crame

Cố định bằng nẹp tre:

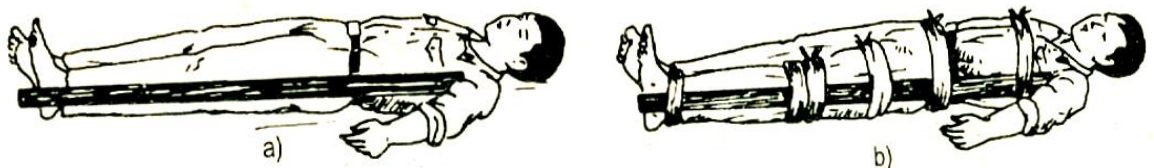
Đặt nẹp sau từ ngang thắt lưng (trên mào xương chậu) đến gót chân.

Đặt nẹp ngoài từ hố nách đến qua gót chân.

Đặt nẹp sau từ nếp bẹn đến qua gót chân.

Dùng bông đệm lót vào các đầu xương.

Buộc cố định nẹp vào chi ở bàn chân, cổ chân, trên và dưới gối, bẹn, ngang thắt lưng, hố nách.



Hình 25: Cố định gãy xương đùi bằng nẹp tre

a. Đặt nẹp; b. Băng cố định

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

Cố định bằng nẹp Crame: tương tự như cố định bằng nẹp tre.

Đối với các trường hợp gãy xương đùi, mặc dù đã được cố định đều phải vận chuyển bằng cồng cứng.

3. Hô hấp nhân tạo

Hô hấp nhân tạo là biện pháp làm cho không khí ở ngoài vào phổi và không khí trong phổi ra ngoài để thay thế cho quá trình hô hấp tự nhiên khi người bị nạn ngạt thở.

3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

Ngạt thở là biểu hiện của thiếu ôxi, có thể thiếu ôxi ở phổi, có thể thiếu ôxi trong máu và tế bào, nhất là tế bào thần kinh, làm cho các tế bào bị tê liệt rồi chết.

Ngạt thở thường xảy ra trong một số trường hợp sau:

- Do chết đuối (ngạt nước): Người không biết bơi khi ngã xuống nước, bị nước nhấn chìm sau 2÷3 phút sẽ ngạt thở.

- Do vùi lấp: Khi bị sập hầm, đổ nhà cửa đất cát vùi lấp... ngực bị đè ép, mũi miệng bị đất cát nhét kín nhanh chóng gây ngạt thở.

- Do hít phải khí độc:

+ Kẻ địch có thể sử dụng một số chất khí độc để gây ngạt như: Clorua xianogien, axit xianhirit (HCN), phôt-pho-gien và đi-phôt-gien...

+ Những người ở lâu trong các khu vực chật hẹp, hầm kín thường xuyên thiếu không khí, hay những người làm việc trong khu vực tiếp xúc với chất độc, thiếu phương tiện bảo hộ hoặc có nhưng người lao động vi phạm các quy tắc bảo đảm an toàn độc hại, có thể hít phải một số chất độc như: oxit cacbon (CO)...để gây ngạt thở.

- Do tắc nghẽn đường hô hấp trên: Người bị bóp cổ, người thắt cổ, người bị nạn có nhiều đờm, dãi, máu, các chất nôn...ùn tắc đường hô hấp trên gây ngạt thở.

Người bị ngạt thở thường nằm yên, không cử động, không tỉnh, hoạt động hô hấp ngừng, lồng ngực thành bụng bất động, sắc mặt trắng nhợt hoặc tím tái, chân tay lạnh giá, tim ngừng đập, mạch không sờ thấy, đặt sợi bông vào trước mũi không chuyển động.

3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

Yêu cầu: “Cấp cứu nhanh, khẩn trương, kiên trì và thành thạo trong kỹ thuật”.

- Những biện pháp cần làm ngay

+ Loại bỏ nguyên nhân gây ngạt: Bới đất cát cho người bị vùi lấp, với người chết đuối, đưa người bị nhiễm độc ra nơi an toàn (phải có phương tiện bảo vệ cho người cấp cứu), để người bị nạn tại nơi thông thoáng, tránh tập trung đông người, nhanh chóng gọi người hỗ trợ và gọi cấp cứu lưu động.

+ Khai thông đường hô hấp trên:

Lau chùi, móc đất cát, đờm dãi...ở mũi miệng, cần thiết phải hút trực tiếp bằng miệng.

Nói tháo bỏ quần áo, các dây nịt, thắt lưng, dây thắt cổ để người bị nạn dễ có thể tự thở được.

- Hô hấp nhân tạo

+ Thổi ngạt:

Người bị nạn nằm ngửa, kê một chiếc gối hoặc chăn, màn...dưới gáy cho đầu hơi ngửa ra sau.

Người cấp cứu quỳ bên trái sát ngang vai người bị nạn, dùng một ngón tay cuốn miếng gạc hoặc vải sạch đưa vào trong miệng người bị nạn lau sạch đờm dãi, các chất nôn...Dùng một tay bóp kín hai bên mũi, một tay đẩy mạnh cằm cho miệng há ra, hít một hơi thật dài, áp miệng mình vào sát miệng người bị nạn thổi mạnh. Làm liên tiếp với nhịp độ 15÷ 20 lần/phút. Nếu phối hợp ép tim ngoài lồng ngực 1 lần thổi ngạt 4÷5 lần ấn tim.



Hình 26: Thổi ngạt

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Ép tim ngoài lồng ngực:

Người cấp cứu quỳ bên cạnh ngang thắt lưng người bị nạn.

Đặt bàn tay trái chồng lên bàn tay phải, các ngón tay xen kẽ nhau, đè lên 1/3 dưới xương ức, các ngón tay chéch sang bên.

Ép mạnh bằng sức nặng cơ thể xuống xương ức người bị nạn với một lực vừa đủ để lồng ngực lún xuống 2 - 3 cm. Với trẻ nhỏ lực ép nhẹ hơn.

Sau mỗi lần ép thả lỏng tay cho ngực trở lại vị trí bình thường. Duy trì với nhịp độ 50÷ 60 lần/phút

Trường hợp một người làm, duy trì 2 lần thổi ngạt 15 lần ép tim.



Hình 27: Ép tim ngoài lồng ngực

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

Trường hợp hai người làm: Người thổi ngạt quỳ bên trái, người ép tim quỳ bên phải người bị nạn và duy trì một lần thổi ngạt 5 lần ép tim.

Làm liên tục cho đến khi người bị nạn tự thở được, tim đập lại thì dừng.

Thổi ngạt ép tim ngoài lồng ngực không áp dụng với những người có tổn thương cột sống và gãy xương sườn.

+ Phương pháp Ninsen (Nielsen)

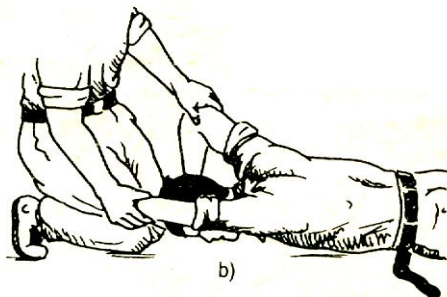
Đặt người bị nạn nằm sấp, đầu quay sang một bên, gõ lên hai bàn tay đã bắt chéo nhau lên đầu.

Người cấp cứu quỳ ở bên phía đầu đặt hai bàn tay lên hai bả vai người bị nạn.

Thì thở ra: Người cấp cứu hơi ngả về trước, hai cánh tay thẳng, ấn mạnh xuống hai bả vai người bị nạn rồi đột ngột buông lỏng tay làm cho không khí ở trong phổi ra ngoài.

Thì thở vào: Người cấp cứu cầm tay người bị nạn ở sát mỏm khuỷu kéo cánh tay lên trên và về phía đầu (không nhắc đầu lên) rồi đặt tay về tư thế ban đầu làm cho không khí ở ngoài vào phổi.

Làm với nhịp độ 10÷12 lần/phút



Hình 28: Hô hấp nhân tạo bằng phương pháp NinSen

a. Thở ra; b. Thở vào

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Phương pháp Xinvetstơ

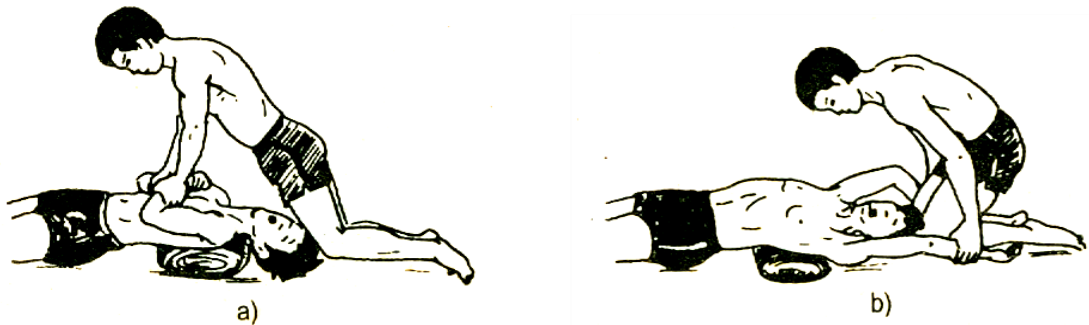
Người bị nạn nằm ngửa đầu quay về một bên có chân hoặc gối đệm dưới lưng.

Người cấp cứu quỳ ở phía đầu, nắm chặt lấy hai cổ tay người bị nạn.

Thì thở ra: Đưa hai cẳng tay người bị nạn gấp vào trước ngực, người cấp cứu hơi nhô về phía trước, tay duỗi thẳng, ép mạnh để làm cho không khí ở trong phổi ra ngoài.

Thì thở vào: Người cấp cứu ngồi xuống đồng thời kéo hai cổ tay người bị nạn dang rộng ra tới chạm đầu rồi lại đưa trở về tư thế ban đầu làm cho không khí ở ngoài vào trong phổi.

Làm với nhịp độ 10÷12 lần/phút



Hình 29: Hô hấp nhân tạo bằng phương pháp Xinvetstơ

a. Thở ra; b. Thở vào

(Nguồn: Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, dùng cho trình độ trung cấp nghề. Tổng cục Dạy nghề, 2015).

+ Những việc làm đồng thời với hô hấp nhân tạo:

Bằng mọi cách kích thích lên người bị nạn: Chà xát mạnh khắp người, giật tóc mai, hoặc có điều kiện đốt quả bồ kết thổi khói vào hai lỗ mũi, nếu người bị nạn nấc sẽ có khả năng thở lại được.

Xoa dầu cao chống lạnh hoặc sưỡi ấm.

Điều kiện cho phép có thể tiêm thuốc trợ tim.

- Những điểm chú ý khi làm hô hấp nhân tạo

+ Làm càng sớm càng tốt, kiên trì cho đến khi người bị nạn tự hô hấp tự nhiên. Thông thường làm trong thời gian 40÷ 60 phút không có hiệu quả thì dừng.

+ Làm đúng nguyên tắc, lực đủ mạnh, giữ nhịp độ đều đặn mới thực sự hữu hiệu.

+ Làm tại chỗ thông thoáng, nhưng không làm ở chỗ giá lạnh.

+ Không được hô hấp nhân tạo cho người bị nhiễm chất độc hoá học, bị súc ép, bị thương ở ngực, gãy xương sườn và tổn thương cột sống.

+ Không chuyển người bị ngạt thở về các tuyến khi hô hấp tự nhiên chưa hồi phục.

3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

- Tiến triển tốt

Hô hấp dần dần hồi phục, người bị nạn nấc và bắt đầu thở, nhịp thở lúc đầu ngắt quãng, không đều và vẫn tiếp tục hô hấp nhân tạo theo nhịp thở của người bị nạn cho đến khi thở đều, sâu, môi và sắc mặt hồng trở lại.

- Tiến triển xấu

Chỉ ngừng hô hấp nhân tạo khi người bị nạn đã có dấu hiệu chết xuất hiện như:

+ Các mảng tím tái xuất hiện trên da ở những chỗ thấp.

+ Nhãn cầu mềm và nhiệt độ hậu môn dưới 25⁰c.

+ Bắt đầu có hiện tượng cứng đờ của xác chết.

4. Kỹ thuật chuyển thương

Tùy theo địa hình thời tiết, tình trạng cụ thể của vết thương khoảng cách vận chuyển mà sử dụng phương tiện chuyển thương cho phù hợp

4.1. Mang vác bằng tay

Vận dụng để vận chuyển người bị thương ở cự ly gần như diu người bị thương, bé người bị thương, cõng người bị thương.

4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

Là biện pháp phổ biến, thường dùng nhất đảm bảo thuận lợi và an toàn cho người bị thương.

- Những điểm chú ý khi vận chuyển người bị thương bằng cáng, vồng

+ Phải theo dõi tình trạng toàn thân của người bị thương (như sắc mặt, hơi thở, mạch, huyết áp) để xử lý kịp thời.

+ Người bị thương có ga rô phải thực hiện nói băng đúng quy định về thời gian

+ Bị thương ở hàm, cổ trước phải đặt nằm xấp (nếu nằm ngửa rất dễ bị ngạt thở do máu chảy vào đường hô hấp).

+ Bị thương ở bụng phải đặt nằm ngửa, chân hơi co để tạo áp lực trong ổ bụng, giảm thiểu các phủ tạng lòi ra ngoài.

+ Bị thương ở ngực phải đặt nằm ngửa nửa trên gần như tư thế ngồi để dễ thở.

+ Bị thương ở xương sống, vùng chậu phải vận chuyển bằng cáng cứng không dùng võng.

+ Khi khiêng thương binh bao giờ cũng phải đưa đầu đi trước.

+ Khi leo núi đầu thương binh bao giờ cũng phải cao hơn chân (nếu là cáng cứng phải bảo đảm cân bằng) thăng bằng.

+ Tuyệt đối không để ngã, rớt thương binh khi đặt cáng, võng phải nhẹ nhàng không gây chấn động mạnh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày mục đích nguyên tắc và các biện pháp cầm máu tạm thời, cố định xương gãy?

2. Trình bày nguyên nhân gây ngạt thở? Các phương pháp cấp cứu ban đầu khi có nạn nhân bị ngạt thở?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
3. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật Nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật An ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2018.
8. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
9. Luật Quốc phòng, 2018.
10. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
11. Luật biển Việt Nam, 2012.
12. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
13. Pháp lệnh lực lượng dự bị động viên năm, 1996.
14. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
15. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
16. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
17. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
18. Nghị định 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về “kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng”
19. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
20. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

21. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

22. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản giáo dục, 2007.

25. Đào Huy Hiệp, Nguyễn Mạnh Hưởng, Lưu Ngọc Hải, Nguyễn Hoàng Minh, Lê Đại Nghĩa, Trần Đăng Thanh, Vũ Quang Tạo, Đỗ Xuân Tảo, Hoàng Khắc Thông, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, Nguyễn Từ Vượng, Nguyễn Trọng Xuân: Giáo trình Giáo dục quốc phòng - An ninh (dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng). Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008.

26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

30. Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.